THERAVĀDA

PHẬT GIÁO NAM TÔNG VIỆT NAM

VI DIỆU PHÁP

TOÁT YẾU

TẬP I

CITTA --- TÂM

TƯỜNG NHÂN SƯ

biên soạn

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

PL. 2559 – DL. 2015

VI DIỆU PHÁP

TOÁT YẾU

Kính dâng:

- Cố Tăng Thống: Đại Trưởng Lão Hộ Tông
- Cố Tăng Trưởng: Đại Trưởng lão Hộ Nhẫn

THERAVĀDA

PHẬT GIÁO NAM TÔNG VIỆT NAM

VI DIỆU PHÁP

TOÁT YẾU

TẬP I

CITTA --- TÂM

TƯỜNG NHÂN SƯ

biên soạn

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

PL. 2559 – DL. 2015

LỜI NÓI ĐẦU

Thánh điển Pāḷi có 3 tạng thì Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) là tạng có số lượng Pháp uẩn (Dhammakhandha) chiếm đến một nửa (42 nghìn Pháp uẩn); trong đó Đức Phật thuyết ra không đề cập các giá trị chế định (paññatti) mà Ngài chỉ nói đến những giá trị chân nghĩa pháp (paramattha), chẳng hạn: thiện, bất thiện, uẩn, xứ, giới, v.v...

Từ trước đến nay, các quốc độ Phật giáo Nam phương như Thái, Miến, Lào, Cam pu chia, Sri Lanca luôn đặt trọng việc học tập, giảng dạy tạng Vi Diệu Pháp này, bởi vì đó là nền tảng và còn được xem như chiếc chìa khóa để mở cánh cổng dẫn lối vào tạng Kinh, tạng Luật. Nếu được trang bị tốt về các sở học của Vi Diệu Tạng thì những vấn đề của Tứ Diệu Đế, Bát Chánh Đạo hay Đại Niệm Xứ, v.v... sẽ được hiểu rõ một cách tường tận, khúc chiết và minh bạch; đồng thời làm cơ sở cho hành giả tiến sâu vào Vipassanā (Thiền Minh Sát), thẩm sát được Tam tướng (Vô thường, Khổ, Vô ngã), ...

Nhận thức được vai trò quan trọng của Vi Diệu Pháp, từ lâu chúng tôi đã có ấp ủ sẽ soạn thảo một bộ giáo trình về bộ môn này để giúp cho người học dễ hiểu hơn, có thể nắm bắt được những giáo pháp thâm sâu và vi diệu của Đức Thế Tôn đã tuyên thuyết rồi đem ra vận dụng cho bản thân mỗi người trong đời sống thường ngày cũng như trong quá trình tu tập. Sau hơn ba năm mở lớp dạy về môn này tại Huế và Hà Nội, đồng thời đúc kết lại những tài liệu đã được viết ra làm giáo trình cho các lớp này, chúng tôi đã biên soạn lại có sửa chữa và bổ sung để xuất bản bộ giáo trình nhiều tập: "Vi Diệu Pháp Toát Yếu" mà trước mắt sẽ in Tập I có nhan đề: "Citta – Tâm".

Trong quá trình biên soạn tất nhiên không tránh khỏi những sơ suất, lầm lỗi trên tất cả mọi mặt, cầu mong các bậc thức giả lượng tình chỉ dạy cho.

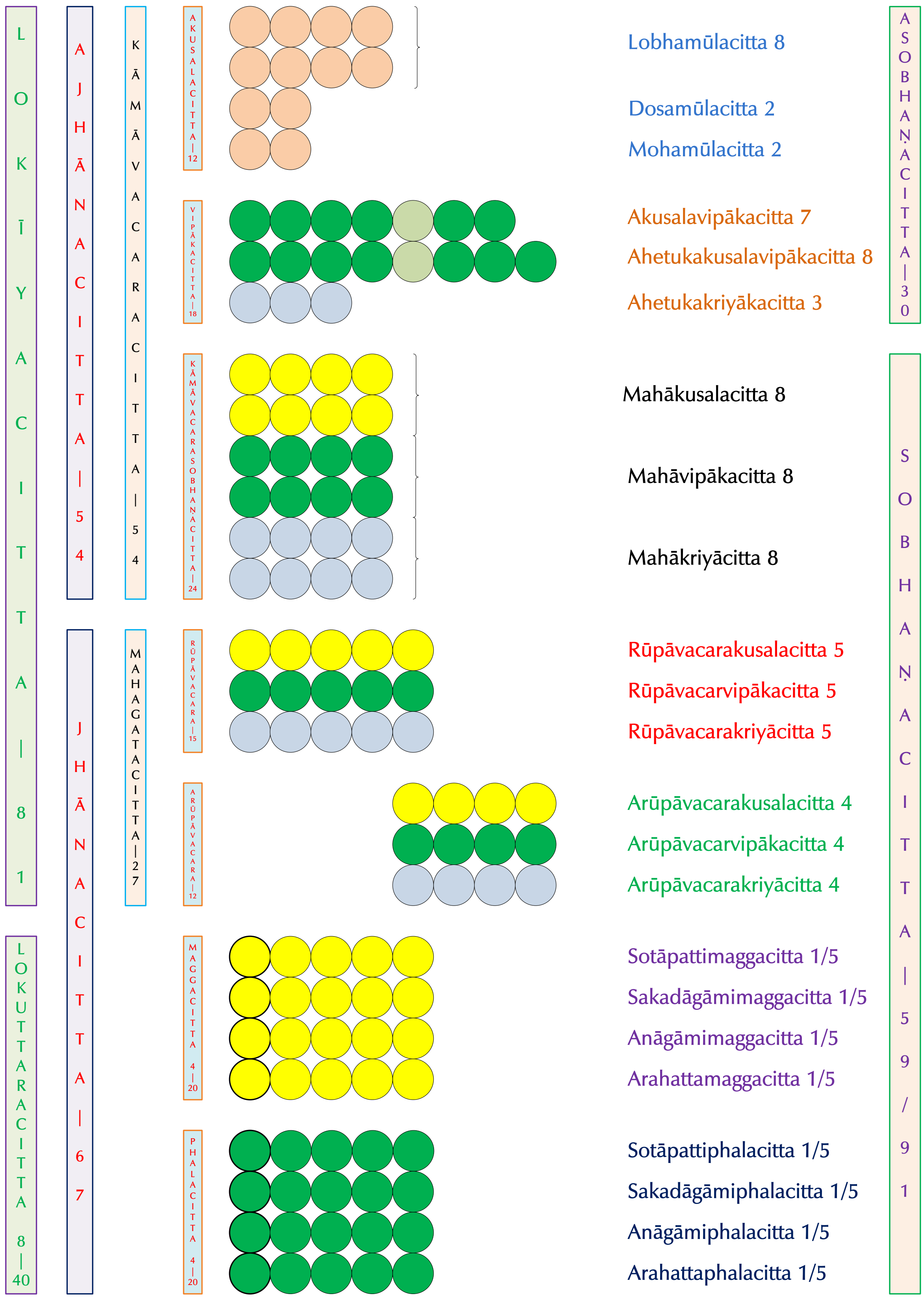
Phần phước thiện này chúng con xin hồi hướng đến cho tất cả chúng sinh, nhất là thầy tổ, ông bà, cha mẹ, bà con quyến thuộc, bạn bè, cùng tất cả chư thiên và nhân loại. Cầu mong tất cả quý vị nhận lãnh phần thiện phước thanh cao này rồi được thoát khỏi khổ ách, an lạc lâu dài, ...

Huế, mùa hè 2015

Tường Nhân Sư

MỤC LỤC

CITTA - TÂM 89 / 121



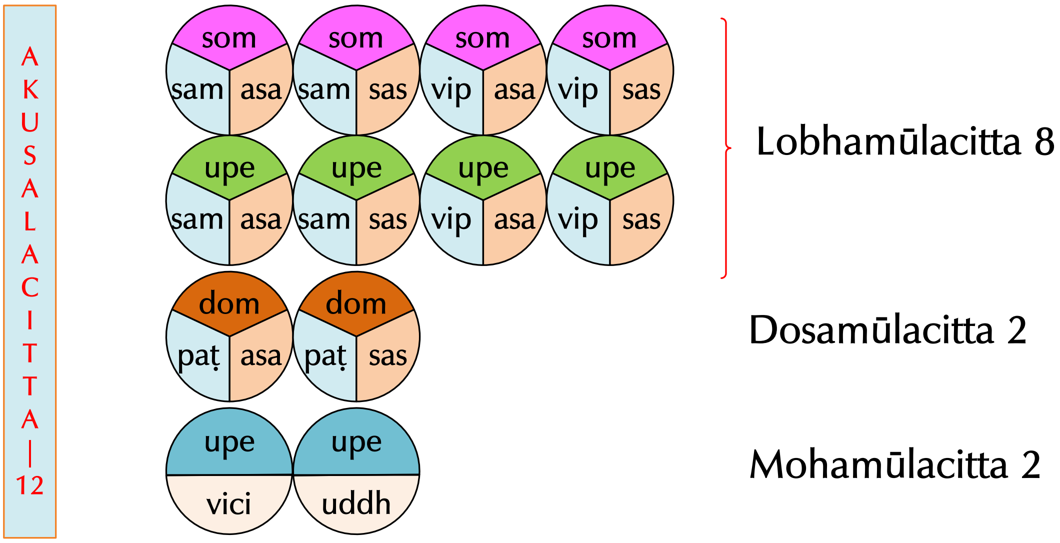
KĀMĀVACARACITTA – 54
54 - TÂM DỤC GIỚI

Loại tâm này phần nhiều lưu hành trong các cõi Dục Giới



AKUSALACITTA 12
12 BẤT THIỆN TÂM

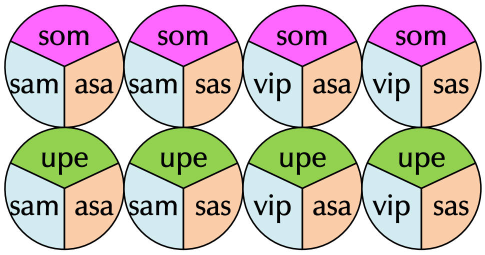
Loại tâm này đồng sinh với các tâm sở bất thiện,
cho quả khổ đau, đối nghịch với các thiện tâm



Tổng cộng Akusalacitta 12 tâm

LOBHAMŪLACITTA 8
8 THAM CĂN TÂM

Loại tâm này đồng sinh với tâm sở tham,
có tham là căn để, là pháp dẫn đầu



Lobhamūlacitta 8

1. Somanassasahagataṃ diṭṭhigatasampayuttaṃ asaṅkhārikaṃ
Tham tâm thứ nhất đồng sinh với thọ hỷ, hợp với tà kiến, không cần tác động

2. Somanassasahagataṃ diṭṭhigatasampayuttaṃ sasaṅkhārikaṃ
Tham tâm thứ nhì đồng sinh với thọ hỷ, hợp với tà kiến, cần có tác động

3. Somanassasahagataṃ diṭṭhigatavippayuttaṃ asaṅkhārikaṃ
Tham tâm thứ ba đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với tà kiến, không cần tác động

4. Somanassasahagataṃ diṭṭhigatavippayuttaṃ sasaṅkhārikaṃ
Tham tâm thứ tư đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với tà kiến, cần có tác động

5. Upekkhāsahagataṃ diṭṭhigatasampayuttaṃ asaṅkhārikaṃ
Tham tâm thứ năm đồng sinh với thọ xả, hợp với tà kiến, không cần tác động

6. Upekkhāsahagataṃ diṭṭhigatasampayuttaṃ sasaṅkhārikaṃ
Tham tâm thứ sáu đồng sinh với thọ xả, hợp với tà kiến, cần có tác động

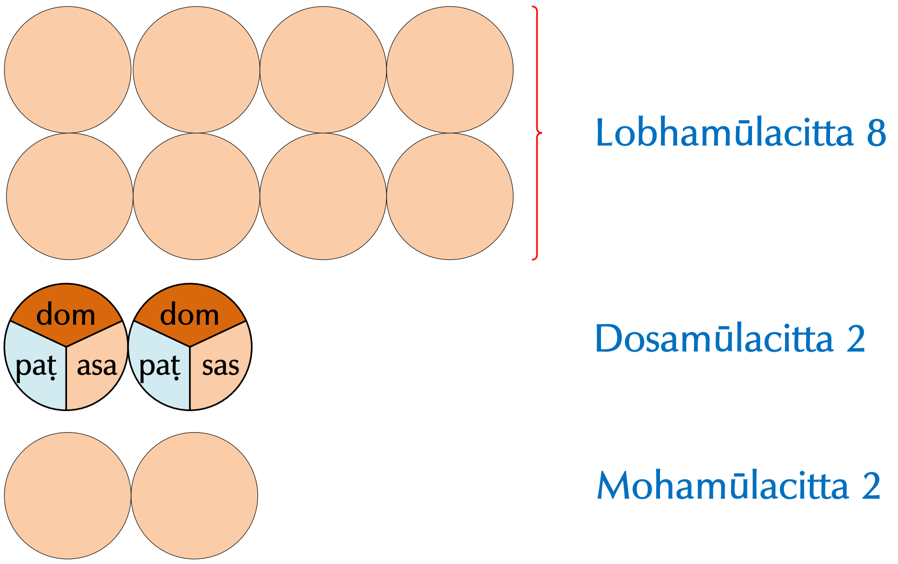
7. Upekkhāsahagataṃ diṭṭhigatavippayuttaṃ asaṅkhārikaṃ
Tham tâm thứ bảy đồng sinh với thọ xả, không hợp với tà kiến, không cần tác động

8. Upekkhāsahagataṃ diṭṭhigatavippayuttaṃ sasaṅkhārikaṃ
Tham tâm thứ tám đồng sinh với thọ xả, không hợp với tà kiến, cần có tác động

Tổng cộng Lobhamūlacitta 8 tâm

DOSAMŪLACITTA 2
2 SÂN CĂN TÂM

Loại tâm này đồng sinh với tâm sở sân,
có sân là căn để, là pháp dẫn đầu



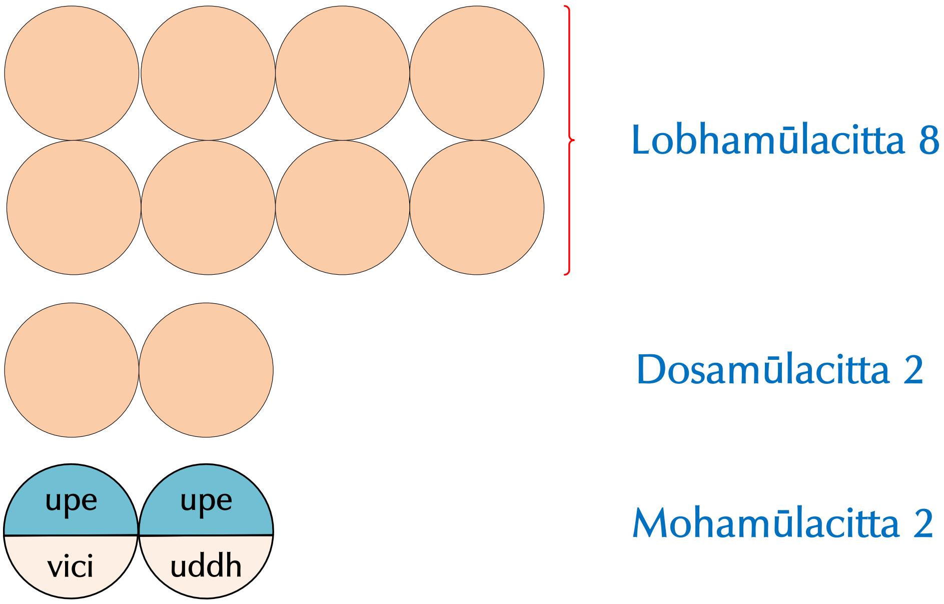
1. Domanassasahagataṃ paṭighasampayuttaṃ asaṅkhārikaṃ
   Sân tâm thứ nhất đồng sinh với thọ ưu, hợp với hận, không cần tác động

2. Domanassasahagataṃ paṭighasampayuttaṃ sasaṅkhārikaṃ
   Sân tâm thứ nhì đồng sinh với thọ ưu, hợp với hận, cần có tác động

Tổng cộng Dosamūlacitta 2 tâm

MOHAMŪLACITTA 2
2 SI CĂN TÂM

Loại tâm này đồng sinh với tâm sở si,
có si là căn để, là pháp dẫn đầu



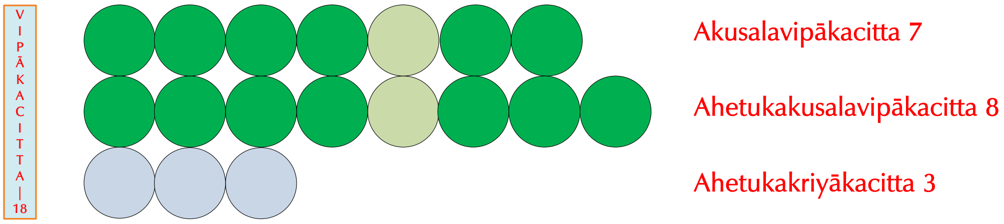
1. Upekkhāsahagataṃ vicikicchāsampayuttaṃ
   Si tâm thứ nhất đồng sinh với thọ xả, hợp với hoài nghi

2. Upekkhāsahagataṃ uddhaccasampayuttaṃ
   Si tâm thứ nhì đồng sinh với thọ xả, hợp với phóng tâm

Tổng cộng Mohamūlacitta 2 tâm

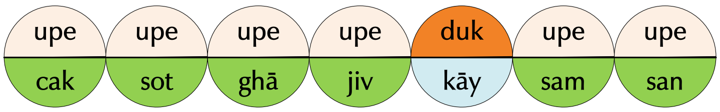
AHETUKACITTA 18
18 VÔ NHÂN TÂM

Loại tâm này không kết hợp với nhân nào trong 6 nhân là tham, sân, si, vô tham, vô sân và vô si cả.



AKUSALAVIPĀKACITTA 7
7 BẤT THIỆN QUẢ TÂM

Là quả tâm phát sinh từ các tâm bất thiện, làm cho thấy những cảnh xấu ác, nghe tiếng không hay v.v...



1. Upekkhāsahagataṃ cakkhuviññāṇaṃ
   Nhãn thức tâm đồng sinh với thọ xả, thấy sắc trần không tốt đẹp.

2. Upekkhāsahagataṃ sotaviññāṇaṃ
   Nhĩ thức tâm đồng sinh với thọ xả, nghe thinh trần không tốt đẹp.

3. Upekkhāsahagataṃ ghānaviññāṇaṃ
   Tỷ thức tâm đồng sinh với thọ xả, ngửi hương trần không tốt đẹp.

4. Upekkhāsahagataṃ jivhāviññāṇaṃ
   Thiệt thức tâm đồng sinh với thọ xả, nếm vị trần không tốt đẹp.

5. Dukkhasahagataṃ kāyaviññāṇaṃ
   Thân thức tâm đồng sinh với thọ khổ, chạm xúc trần không tốt đẹp.

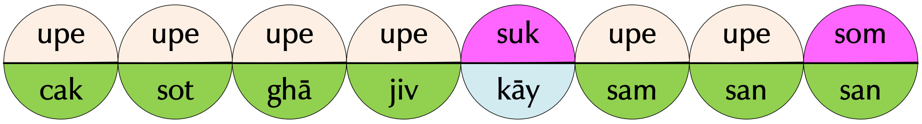
6. Upekkhāsahagataṃ sampaṭicchanacittaṃ
   Tiếp thọ tâm đồng sinh với thọ xả, nhận ngũ trần không tốt đẹp.

7. Upekkhāsahagataṃ santīraṇacittaṃ
   Suy đạt tâm đồng sinh với thọ xả, quán sát ngũ trần không tốt đẹp.

Tổng cộng Akusalavipākacitta 7 tâm

AHETUKAKUSALAVIPĀKACITTA 8
8 VÔ NHÂN THIỆN QUẢ TÂM

Là quả tâm phát sinh từ các tâm đại thiện, làm cho mắt thấy những cảnh đẹp đẽ, tai nghe tiếng hay ho, v.v...



1. Upekkhāsahagataṃ cakkhuviññāṇaṃ
   Nhãn thức tâm đồng sinh với thọ xả, thấy sắc trần tốt đẹp.

2. Upekkhāsahagataṃ sotaviññāṇaṃ
   Nhĩ thức tâm đồng sinh với thọ xả, nghe thinh trần tốt đẹp.

3. Upekkhāsahagataṃ ghānaviññāṇaṃ
   Tỷ thức tâm đồng sinh với thọ xả, ngửi hương trần tốt đẹp.

4. Upekkhāsahagataṃ jivhāviññāṇaṃ
   Thiệt thức tâm đồng sinh với thọ xả, nếm vị trần tốt đẹp.

5. Sukhasahagataṃ kāyaviññāṇaṃ
   Thân thức tâm đồng sinh với thọ lạc, chạm xúc trần tốt đẹp.

6. Upekkhāsahagataṃ sampaṭicchanacittaṃ
   Tiếp thọ tâm đồng sinh với thọ xả, tiếp nhận ngũ trần tốt đẹp.

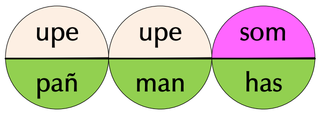
7. Upekkhāsahagataṃ santīraṇacittaṃ
   Suy đạt tâm đồng sinh với thọ xả, quán sát ngũ trần tốt đẹp.

8. Somanassasahagataṃ santīraṇacittaṃ
   Suy đạt tâm đồng sinh với thọ hỷ, quán sát ngũ trần tốt đẹp.

Tổng cộng Ahetukakusalavipākacitta 8 tâm

AHETUKAKRIYĀCITTA 3
3 VÔ NHÂN DUY TÁC TÂM

Là tâm chỉ có hành động, không do một nhân nào tạo tác trong quá khứ, sau khi diệt cũng không để lại quả nào



1. Upekkhāsahagataṃ pañcadvārāvajjanacittaṃ
   Ngũ môn hướng tâm đồng sinh với thọ xả, xem xét đối tượng qua ngũ căn .

2. Upekkhāsahagataṃ manodvārāvajjanacittaṃ
   Ý môn hướng tâm đồng sinh với thọ xả, xem xét đối tượng qua ý căn .

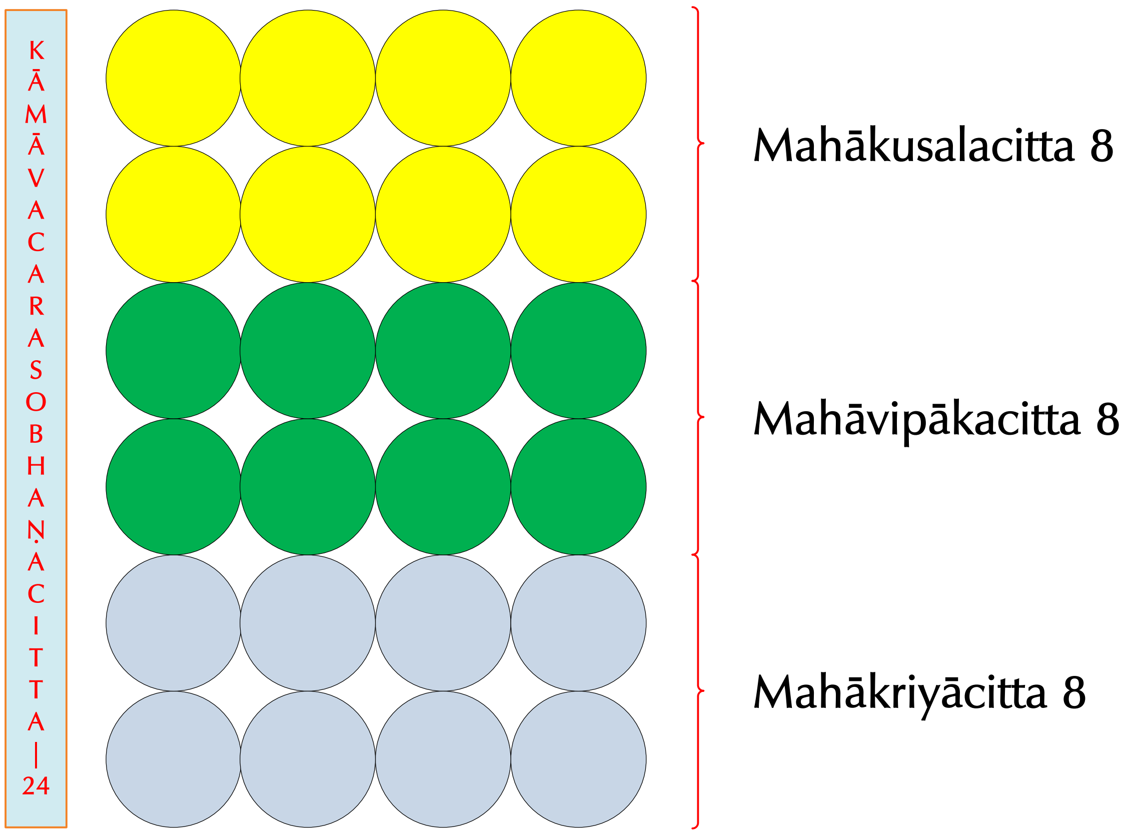
3. Somanassasahagataṃ hasituppādacittaṃ
   Tiếu sanh tâm đồng sinh với thọ hỷ, làm phát khởi sự mĩm cười của bậc Thánh Arahán.

Tổng cộng Ahetukakriyācitta 3 tâm

KĀMĀVACARASOBHAṆACITTA 24

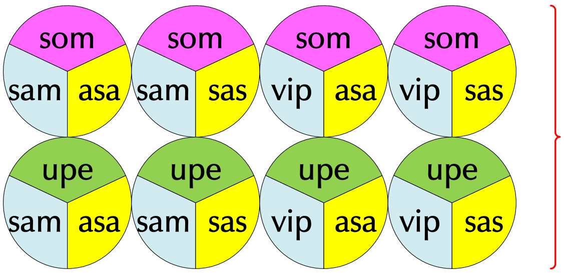
24 DỤC GIỚI TỊNH HẢO TÂM

Là tâm tốt đẹp, tịnh hảo thuộc về dục giới, đồng sanh với các tịnh quang tâm sở



MAHĀKUSALACITTA 8
8 ĐẠI THIỆN TÂM

Là tâm thiện, không có tội lỗi, tạo quả an lạc,
làm nền tảng cho thiền, thần thông và đạo quả.



Mahākusalacitta 8

1. Somanassasahagataṃ ñāṇasampayuttaṃ asaṅkhārikaṃ
Đại thiện tâm thứ nhất đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí, không cần tác động

2. Somanassasahagataṃ ñāṇasampayuttaṃ sasaṅkhārikaṃ
Đại thiện tâm thứ nhì đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí, cần có tác động

3. Somanassasahagataṃ ñāṇavippayuttaṃ asaṅkhārikaṃ
Đại thiện tâm thứ ba đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với trí, không cần tác động

4. Somanassasahagataṃ ñāṇavippayuttaṃ sasaṅkhārikaṃ
Đại thiện tâm thứ tư đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với trí, cần có tác động

5. Upekkhāsahagataṃ ñāṇasampayuttaṃ asaṅkhārikaṃ
Đại thiện tâm thứ năm đồng sinh với thọ xả, hợp với trí, không cần tác động

6. Upekkhāsahagataṃ ñāṇasampayuttaṃ sasaṅkhārikaṃ
Đại thiện tâm thứ sáu đồng sinh với thọ xả, hợp với trí, cần có tác động

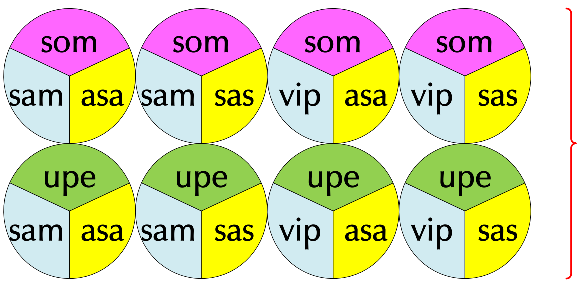
7. Upekkhāsahagataṃ ñāṇavippayuttaṃ asaṅkhārikaṃ
Đại thiện tâm thứ bảy đồng sinh với thọ xả, không hợp với trí, không cần tác động

8. Upekkhāsahagataṃ ñāṇavippayuttaṃ sasaṅkhārikaṃ
Đại thiện tâm thứ tám đồng sinh với thọ xả, không hợp với trí, cần có tác động

Tổng cộng Mahākusalacitta 8 tâm

MAHĀVIPĀKACITTA 8
8 ĐẠI QUẢ TÂM

Là quả của các đại thiện tâm, làm nhiệm vụ tái sinh tâm,
hộ kiếp tâm và tử tâm của chư Thiên và loài người



Mahāvipākacitta 8

1. Somanassasahagataṃ ñāṇasampayuttaṃ asaṅkhārikaṃ
Đại quả tâm thứ nhất đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí, không cần tác động

2. Somanassasahagataṃ ñāṇasampayuttaṃ sasaṅkhārikaṃ
Đại quả tâm thứ nhì đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí, cần có tác động

3. Somanassasahagataṃ ñāṇavippayuttaṃ asaṅkhārikaṃ
Đại quả tâm thứ ba đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với trí, không cần tác động

4. Somanassasahagataṃ ñāṇavippayuttaṃ sasaṅkhārikaṃ
Đại quả tâm thứ tư đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với trí, cần có tác động

5. Upekkhāsahagataṃ ñāṇasampayuttaṃ asaṅkhārikaṃ
Đại quả tâm thứ năm đồng sinh với thọ xả, hợp với trí, không cần tác động

6. Upekkhāsahagataṃ ñāṇasampayuttaṃ sasaṅkhārikaṃ
Đại quả tâm thứ sáu đồng sinh với thọ xả, hợp với trí, cần có tác động

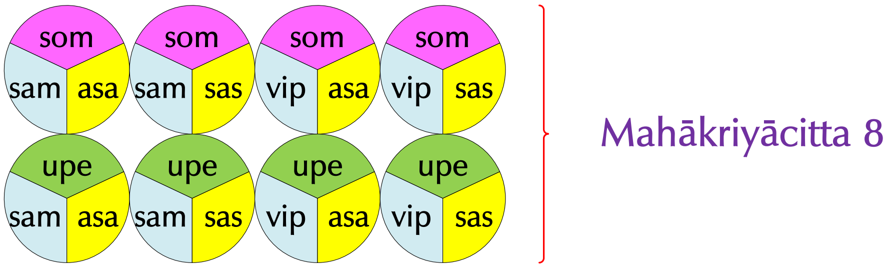
7. Upekkhāsahagataṃ ñāṇavippayuttaṃ asaṅkhārikaṃ
Đại quả tâm thứ bảy đồng sinh với thọ xả, không hợp với trí, không cần tác động

8. Upekkhāsahagataṃ ñāṇavippayuttaṃ sasaṅkhārikaṃ
Đại quả tâm thứ tám đồng sinh với thọ xả, không hợp với trí, cần có tác động

Tổng cộng Mahāvipākacitta 8 tâm

MAHĀKRIYĀCITTA 8
8 ĐẠI DUY TÁC TÂM

Là tâm giống các đại thiện tâm, phát sinh với bậc Thánh Arahán



1. Somanassasahagataṃ ñāṇasampayuttaṃ asaṅkhārikaṃ
Đại duy tác tâm thứ nhất đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí, không cần tác động

2. Somanassasahagataṃ ñāṇasampayuttaṃ sasaṅkhārikaṃ
Đại duy tác tâm thứ nhì đồng sinh với thọ hỷ, hợp với trí, cần có tác động

3. Somanassasahagataṃ ñāṇavippayuttaṃ asaṅkhārikaṃ
Đại duy tác tâm thứ ba đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với trí, không cần tác động

4. Somanassasahagataṃ ñāṇavippayuttaṃ sasaṅkhārikaṃ
Đại duy tác tâm thứ tư đồng sinh với thọ hỷ, không hợp với trí, cần có tác động

5. Upekkhāsahagataṃ ñāṇasampayuttaṃ asaṅkhārikaṃ
Đại duy tác tâm thứ năm đồng sinh với thọ xả, hợp với trí, không cần tác động

6. Upekkhāsahagataṃ ñāṇasampayuttaṃ sasaṅkhārikaṃ
Đại duy tác tâm thứ sáu đồng sinh với thọ xả, hợp với trí, cần có tác động

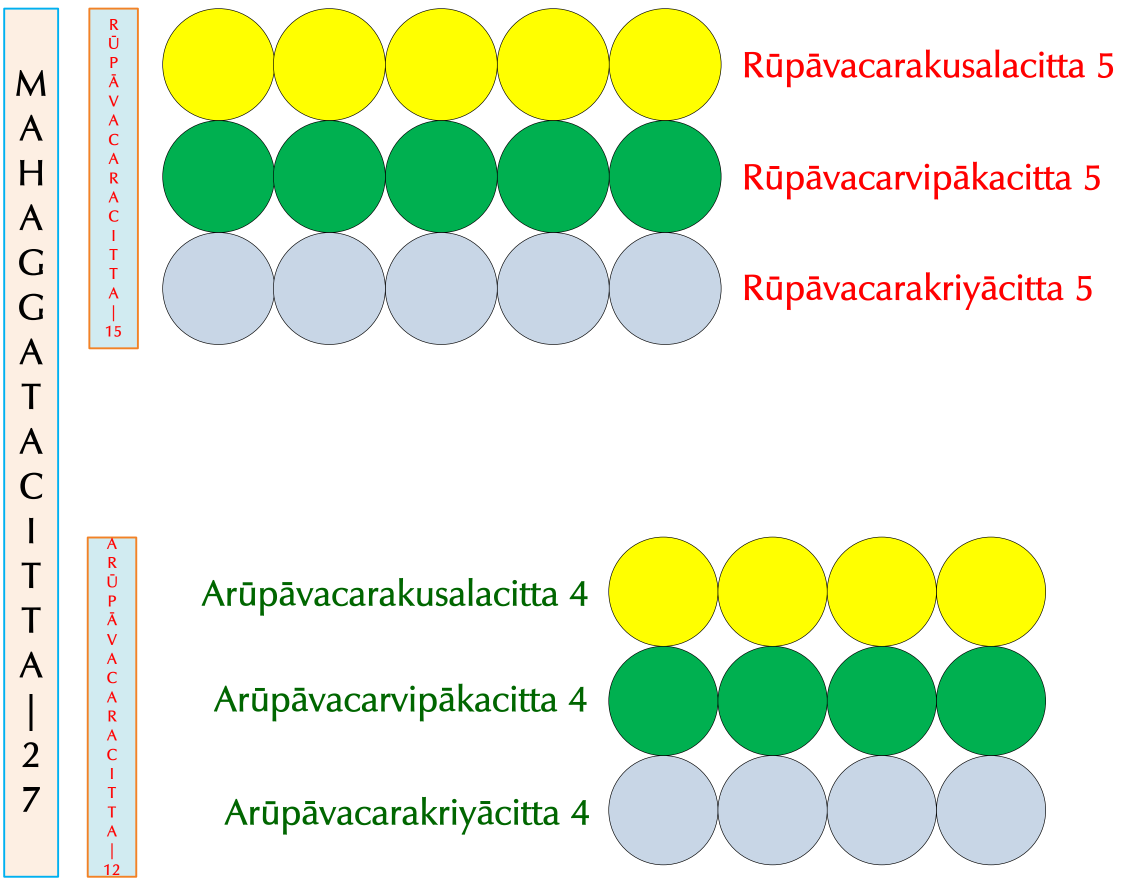
7. Upekkhāsahagataṃ ñāṇavippayuttaṃ asaṅkhārikaṃ
Đại duy tác tâm thứ bảy đồng sinh với thọ xả, không hợp với trí, không cần tác động

8. Upekkhāsahagataṃ ñāṇavippayuttaṃ sasaṅkhārikaṃ
Đại duy tác tâm thứ tám đồng sinh với thọ xả, không hợp với trí, cần có tác động

Tổng cộng Mahākriyācitta 8 tâm

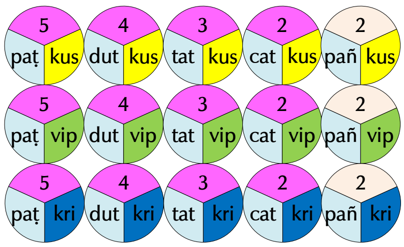
MAHAGGATACITTA 27
27 ĐẠI HÀNH TÂM

Là những tâm đạt đến trạng thái cao thượng quý báu



RŪPĀVACARACITTA 15
15 SẮC GIỚI TÂM

Các tâm này phát sinh và lưu hành phần nhiều
trong cõi sắc giới



Rūpāvacarakusalacitta 5 – 5 Thiện sắc giới tâm

Rūpāvacarvipākacitta 5 – 5 Quả sắc giới tâm

Rūpāvacarakriyācitta 5 – 5 Duy tác sắc giới tâm

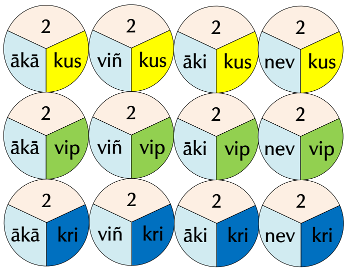
1.	Vitakkavicārapītisukhaekaggatāsahitaṃ paṭhamajjhāna	
2.	Vicārapītisukhaekaggatāsahitaṃ dutiyajjhāna	kusalacittaṃ
3.	Pītisukhaekaggatāsahitaṃ tatiyajjhāna	vipākacittaṃ
4.	Sukhaekaggatāsahitaṃ catutthajjhāna	kriyācittaṃ
5.	Upekkhāekaggatāsahitaṃ pañcamajjhāna	

1. Đệ nhất thiền		sinh với năm thiền chi là tầm, tứ, phỉ, lạc và nhất tâm.
2. Đệ nhị thiền	thiện tâm	sinh với bốn thiền chi là tứ, phỉ, lạc và nhất tâm.
3. Đệ tam thiền	quả tâm	sinh với ba thiền chi là phỉ, lạc và nhất tâm.
4. Đệ tứ thiền	duy tác tâm	sinh với hai thiền chi là lạc và nhất tâm.
5. Đệ ngũ thiền		sinh với hai thiền chi là xả và nhất tâm.

Tổng cộng Rūpāvacaracitta 15 tâm

ARŪPĀVACARACITTA 12
12 VÔ SẮC GIỚI TÂM

Các tâm này phát sinh và lưu hành phần nhiều
trong cảnh giới vô sắc



Arūpāvacarakusalacitta 4 – 4 Thiện vô sắc giới tâm

Arūpāvacarvipākacitta 4 – 4 Quả vô sắc giới tâm

Arūpāvacarakriyācitta 4 – 4 Duy tác vô sắc giới tâm

1. Upekkhāekaggatāsahitaṃ ākāsānañcāyatana
2. Upekkhāekaggatāsahitaṃ viññāṇañcāyatana
3. Upekkhāekaggatāsahitaṃ ākiñcaññāyatana
4. Upekkhāekaggatāsahitaṃ nevasaññānāsaññāyatana

} kusalacittaṃ / vipākacittaṃ / kriyācittaṃ

1. Không vô biên xứ thiền
2. Thức vô biên xứ thiền
3. Vô sở hữu xứ thiền
4. Phi tưởng phi phi tưởng xứ thiền

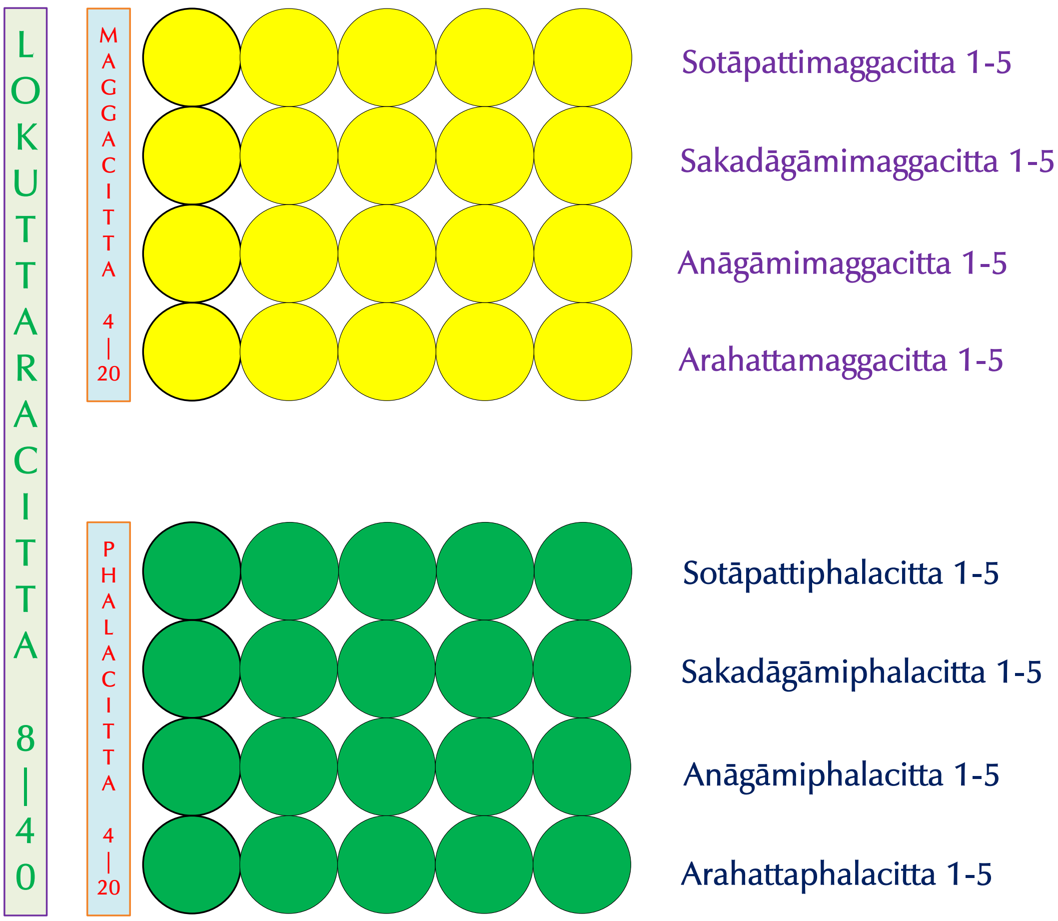
} thiện tâm / quả tâm / duy tác tâm {

sinh với hai thiền chi là xả và nhất tâm.
sinh với hai thiền chi là xả và nhất tâm.
sinh với hai thiền chi là xả và nhất tâm.
sinh với hai thiền chi là xả và nhất tâm.

Tổng cộng Arūpāvacaracitta 12 tâm

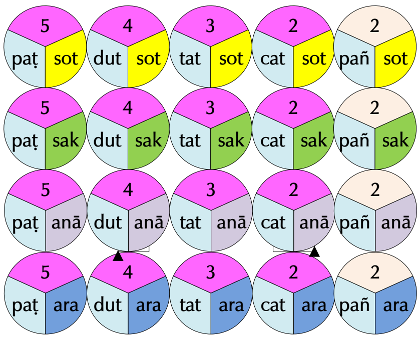
LOKUTTARACITTA 8/40
8/40 SIÊU THẾ TÂM

Là tâm vượt ra khỏi tam giới (dục giới, sắc giới và vô sắc giới)



MAGGACITTA 4/20
4/20 ĐẠO TÂM

Là tâm các bậc Thánh đang đoạn trừ phiền não, cấu uế của nội tâm



Sotāpattimaggacitta 1/5 – 1/5 Dự Lưu Đạo tâm
Sakadāgāmimaggacitta 1/5 – 1/5 Nhất Lai Đạo tâm
Anāgāmimaggacitta 1/5 – 1/5 Bất Lai Đạo tâm
Arahattamaggacitta 1/5 – 1/5 Arahán Đạo tâm

1. Vitakkavicārapītisukhaekaggatāsahitaṃ paṭhamajjhāna
2. Vicārapītisukhaekaggatāsahitaṃ dutiyajjhāna
3. Pītisukhaekaggatāsahitaṃ tatiyajjhāna
4. Sukhaekaggatāsahitaṃ catutthajjhāna
5. Upekkhāekaggatāsahitaṃ pañcamajjhāna

} sotāpattimaggacittaṃ, sakadāgāmimaggacittam, anāgāmimaggacittaṃ, arahattamaggacittaṃ

1. Đệ nhất thiền
2. Đệ nhị thiền
3. Đệ tam thiền
4. Đệ tứ thiền
5. Đệ ngũ thiền

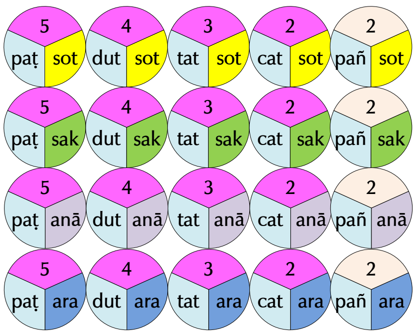
} dự lưu đạo tâm, nhất lai đạo tâm, bất lai đạo tâm, arahán đạo tâm

- sinh với năm thiền chi là tầm, tứ, phỉ, lạc và nhất tâm.
- sinh với bốn thiền chi là tứ, phỉ, lạc và nhất tâm.
- sinh với ba thiền chi là phỉ, lạc và nhất tâm.
- sinh với hai thiền chi là lạc và nhất tâm.
- sinh với hai thiền chi là xả và nhất tâm.

Tổng cộng Maggacitta 4/20 tâm

PHALACITTA 4/20
4/20 QUẢ TÂM

Là tâm các bậc Thánh đã đoạn trừ phiền não, cấu uế của nội tâm



Sotāpattiphalacitta 1/5 – 1/5 Dự Lưu Quả tâm

Sakadāgāmiphalacitta 1/5 – 1/5 Nhất Lai Quả tâm

Anāgāmiphalacitta 1/5 – 1/5 Bất Lai Quả tâm

Arahattaphalacitta 1/5 – 1/5 Arahán Quả tâm

1. Vitakkavicārapītisukhaekaggatāsahitaṃ paṭhamajjhāna
2. Vicārapītisukhaekaggatāsahitaṃ dutiyajjhāna
3. Pītisukhaekaggatāsahitaṃ tatiyajjhāna
4. Sukhaekaggatāsahitaṃ catutthajjhāna
5. Upekkhāekaggatāsahitaṃ pañcamajjhāna

} sotāpattiphalacittaṃ, sakadāgāmiphalacittam, anāgāmiphalacittaṃ, arahattaphalacittaṃ

1. Đệ nhất thiền
2. Đệ nhị thiền
3. Đệ tam thiền
4. Đệ tứ thiền
5. Đệ ngũ thiền

} dự lưu quả tâm, nhất lai quả tâm, bất lai quả tâm, arahán quả tâm

- sinh với năm thiền chi là tầm, tứ, phỉ, lạc và nhất tâm.
- sinh với bốn thiền chi là tứ, phỉ, lạc và nhất tâm.
- sinh với ba thiền chi là phỉ, lạc và nhất tâm.
- sinh với hai thiền chi là lạc và nhất tâm.
- sinh với hai thiền chi là xả và nhất tâm.

Tổng cộng Phalacitta 4/20 tâm

YASSA CITTAṂ UPPAJJATI NA NIRUJJHATI
TASSA CITTAṂ NIRUJJHISSATI NA UPPAJJISSATĪ'TI ?

Tâm của người nào đang sinh không phải đang diệt
Tâm của người đó sẽ diệt sẽ không sinh phải không?

YASSA VĀ PANA CITTAṂ NIRUJJHISSATI NA UPPAJJISSATI
TASSA CITTAṂ UPPAJJATI NA NIRUJJHATĪ'TI ?

Hoặc là: Tâm của người nào sẽ diệt sẽ không sinh
Tâm của người đó đang sinh không phải đang diệt phải không? (Yamaka)

PL. 956

Aṭṭhasālinī aṭṭhakathā (Dhammasaṅganī)

Karuṇā viya sattesu — Paññā yassa mahesino
Ñeyyadhammesu sabbesu — Pavattittha yathāruci

Trí tuệ của Đức Phật, bậc đại công đức, biến mãn trong khắp cả *Pháp cần liễu tri* tùy tâm nguyện; giống như *Đức Đại Bi* mà Ngài truyền rải cho chúng sinh

ÑEYYADHAMMA là pháp mà Bậc Chánh Đẳng Giác cần thấu hiểu, liễu tri, gồm 5 chi:

1. *Saṅkhāra:* 53 danh pháp (1 tâm + 52 tâm sở) và 18 Nipphannarūpa – Sắc thật.
2. *Vikāra:* 5 Sắc biến chuyển (2 Viññattirūpa – Sắc cử động, Lahutā – Nhẹ nhàng, Mudutā – Mềm mại, Kammaññatā – Uyển chuyển)
3. *Lakkhaṇa:* 4 Sắc trạng thái (Upacaya – Sanh, Santati – Liên tục, Jaratā – Già, Aniccatā – Vô thường)
4. *Nibbāna:* Trạng thái diệt phiền não (kilesa) và khổ (dukkha)
5. *Paññatti:* Chế định, khái niệm mà người ta dùng để gọi, đặt tên ví dụ: nhà cửa, núi non, đất nước, v.v…

PAÑÑATTI – CHẾ ĐỊNH

1. Ngôn ngữ chế định:

- Ngôn ngữ Pāḷi
- Ngôn ngữ địa phương

tiếng Pāḷi	*tiếng Anh*	*tiếng Hoa*	*tiếng Việt*
Manussa	Humanity	Rén leì	Nhân loại
Purisa	Man	Nán rén	Đàn ông
Itthī	Women	Nü rén	Đàn bà

2. Pháp chế định:

* *Atthapaññatti:* chế định về ý nghĩa, hình dạng:

Santānapaññatti – chế định về hình khối, mặt phẳng của đất, chiều cao của núi

Samūhapaññatti – chế định về tổng hợp, lắp ráp các bộ phận thành xe, nhà

Sattapaññatti – chế định về chúng sinh, đàn ông, đàn bà, chư thiên, súc vật

Disāpaññatti – chế định về phương hướng, đông tây nam bắc

Kālapaññatti – chế định về thời gian, sáng trưa chiều tối

Akāsapaññatti – chế định về không gian, hang động hầm hố

Kasiṇapaññatti – chế định về đề mục (hành thiền)

Nimittapaññatti – chế định về dấu hiệu (trong thiền định)

* *Saddapaññatti:* chế định về ngôn ngữ

- Avijjamānapaññatti: từ ngữ chế định không có thực tính pháp (sabhāva) hiện hữu làm nền tảng, vd: con người, chư thiên, nhà cửa, sông núi, v.v…

- Vijjamānapaññatti: từ ngữ chế định có thực tính pháp hiện hữu làm nền tảng, vd: tâm, tâm sở, sắc, niết bàn, khổ thánh đế, tập thánh đế, năm uẩn, v.v…

Sinh con rồi mới sinh cha,
Sinh cháu giữ nhà rồi mới sinh ông.

MẪU TỰ PĀḶĪ

Nguyên âm:

A Ā I Ī U Ū E O	a ā i ī u ū e o

Phụ âm:

K KH G GH Ṅ	k kh g gh ṅ
C CH J JH Ñ	c ch j jh ñ
Ṭ ṬH Ḍ ḌH Ṇ	ṭ ṭh ḍ ḍh ṇ
T TH D DH N	t th d dh n
P PH B BH M	p ph b bh m
Y R L V S H Ḷ Ṃ	y r l v s h ḷ ṃ

ABHIDHAMMASAṄGAHA

SAMMĀSAMBUDDHAMATULAṂ
SASADDHAMMAGAṆUTTAMAṂ
ABHIVĀDIYA BHĀSISSAṂ
ABHIDHAMMATTHASAṄGAHAṂ

1. SAMMĀSAMMBUDDHA: Đức Chánh Đẳng Giác, bậc thấu hiểu (liễu tri) ñeyyadhamma, gồm 5 chi như đã nêu.

2. ATULAṂ: Vô tỷ, không thể so sánh được.

3. SASADDHAMMAGAṆUTTAMAṂ: cùng với Chánh Pháp (Chân Pháp) và Chư Thánh Tăng, là bậc đại đức tối thượng.

SADDHAMMA: gồm 10 chi pháp là:

4 Đạo (magga)
4 Quả (phala)
1 Niết bàn (nibbāna)
1 Pháp học (pariyattidhamma)

Hoặc phân thành 3 pháp là:

* *Pariyattisaddhamma* (Pháp học): Pālī (Tam tạng) và Aṭṭhakathā (Chú giải)

* *Paṭipattisaddhamma* (Pháp hành): giữ giới, thọ đầu đà, hành thiền định và thiền tuệ.

* *Paṭivedhasaddhamma* (Pháp thành): Đạo, Quả, Niết bàn, Cảnh thiền (Jhāna) và Thần thông (Abhiññā)

4. ABHIVĀDIYA: thành kính đảnh lễ ……. rồi, sau khi thành kính đảnh lễ.

5. BHĀSISSAṂ: nói, thuyết, viết, trước tác,…

6. ABHIDHAMMATTHASAṄGAHA: (abhi + dhamma + attha + saṅgaha)
Thắng Pháp Tập Yếu Luận.

PARAMATTHADHAMMA 4

TATTHA VUTTĀBHIDHAMMATTHĀ
CATUDHĀ PARAMATTHATO
CITTAṂ CETASIKAṂ RŪPAṂ
NIBBĀNAMĪTI SABBATHĀ

Theo Chân Nghĩa Pháp, có tất cả 4 pháp thuộc về Abhidhamma là: Tâm, Tâm sở, Sắc và Niết bàn.

Tattha: ở đây,
Vuttā: được nói đến
Abhidhammatthā: các vật, các pháp thuộc về Abhidhamma
Catudhā: có 4 loại
Paramattha: đệ nhất nghĩa đế, chân đế, chân nghĩa pháp
Sabbathā: tất cả.

PARAMATTHA = parama + attha

Parama: không bị biến động, không thay đổi, là pháp đứng đầu trong các pháp chế định (paññatti)

Attha: nội dung, ý nghĩa, vật thể.

SACCA: sự thật, chân thật pháp, đế.

Có 2 sự thật là:

* *Sammutti sacca:* tục đế, sự thật ngoài mặt, sự thật thế tình

* *Paramattha sacca:* chân đế, đệ nhất nghĩa đế, sự thật tuyệt đối

Có tất cả 4 sự thật tuyệt đối là:

CITTA – Tâm

CETASIKA – Tâm sở

RŪPA – Sắc

NIBBĀNA – Niết bàn

CHƯƠNG I

CITTA – TÂM

TÂM LÀ GÌ ?

* Tâm là pháp nhận biết đối tượng, tâm là cái biết, sự vật bị nhận biết gọi là đối tượng.

* Tâm là pháp nhận, ghi nhớ, suy nghĩ và biết đối tượng.

* Tâm phải nhận đối tượng xong mới biết và nhớ rồi mới suy nghĩ.

* Tâm có nhiều tên gọi, chẳng hạn:

Manāyatana: ý cảnh
Manindriya: ý căn
Viññāṇa: thức
Viññāṇakhandha: thức uẩn
Manoviññāṇadhātu: ý thức giới
v.v…

TÍNH CHẤT CỦA TÂM

Tất cả các Chân Nghĩa Pháp (Paramatthadhamma) đều có 2 loại tính chất, đó là:

* *Sāmaññalakkhaṇa* ----- Tính chung

* *Visesalakkhaṇa* ----- Tính riêng

1. SĀMAÑÑALAKKHAṆA của tâm

a, Aniccaṃ: vô thường, biến đổi, không ở trạng thái cũ được.
b, Dukkhaṃ: khổ, chịu đựng không được.
c, Anattā: vô ngã, không phải là ta, của ta, điều khiển, ra lệnh không được.

2. VISESALAKKHAṆA của tâm

a, Lakkhaṇa - Đặc tính: nhận biết đối tượng
b, Kicca - Phận sự: đứng đầu các pháp đồng sinh
c, Paccupaṭṭhāna - Biểu hiện: sinh diệt liên tục không gián đoạn
d, Padaṭṭhāna - Nhân khởi: Danh và Sắc là nhân gần làm tâm sinh khởi

NĂNG LỰC CỦA TÂM

1. TẠO TÁC: làm cho đẹp đẽ, lạ mắt, đáng sợ, tác phong đáng kính, đáng yêu, hoặc nghĩ suy để chế tạo đồ vật như nhà cửa, xe cộ, máy móc v.v…

2. VỚI BẢN THÂN: tự bản thân của tâm có cả thiện, bất thiện, quả, duy tác, tội, phước, có trí, vô trí, v.v…

3. TÍCH LŨY NGHIỆP VÀ PHIỀN NÃO: tâm là nhân tạo nên nghiệp ác, nghiệp thiện, nghiệp bất động, khi đã tạo tác rồi thì giữ lấy điều tốt, cái xấu ấy.

4. TRỔ QUẢ: quả tất cả các nghiệp thiện hay bất thiện mà tâm đã làm rồi không bị biến mất đi đâu cả, đến thời phải lẽ, có cơ hội thì sẽ cho quả

5. TẬP QUÁN: nếu tâm suy nghĩ, hành động điều gì thường xuyên thì những điều đó sẽ được tích lũy trong nội tâm tạo thành thói quen và sẽ thích nghĩ, thích làm như thế hoài mãi.

6. VỚI ĐỐI TƯỢNG: tâm nhận đối tượng đủ các loại, không giới hạn và quan trọng nhất là tâm người xấu sẽ dễ dàng nhận các đối tượng xấu ác còn tâm người tốt thì nhận các điều tốt cũng dễ dàng hơn.

PHÂN LOẠI TÂM

TATTHA CITTAṂ TAVĀ CATUBBIDHAṂ HOTI

KĀMĀVACARAṂ RŪPĀVACARAṂ ARŪPĀVACARAṂ LOKUTTARAÑCETI

Trong các loại Chân Nghĩa Pháp ấy, sẽ nói đến Tâm trước nhất, có 4 loại tâm là: Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới và Siêu thế giới.

1. KĀMĀVACARACITTA – DỤC GIỚI TÂM: loại tâm dính mắc, chấp thủ, say đắm, trộn lẫn trong ái dục (kāmataṇhā), là những tâm mà đa số du hành quẩn quanh trong cõi Dục giới, có tất cả 54 tâm.

2. RŪPĀVACARACITTA – SẮC GIỚI TÂM: là những tâm đã đạt đến cảnh thiền Sắc giới, vừa lòng với cảnh giới của các Phạm thiên Hữu sắc . Các tâm này du hành trong cõi Sắc giới, có tất cả 15 tâm.

3. ARŪPĀVACARACITTA – VÔ SẮC GIỚI TÂM: là những tâm đã đạt đến cảnh thiền Vô Sắc, vừa lòng với cảnh giới của các Phạm thiên Vô sắc. Các tâm này du hành trong cõi Sắc giới, có tất cả 12 tâm.

4. LOKUTTARACITTA – SIÊU THẾ TÂM: là những tâm đang vượt và đã vượt khỏi tam giới, tức là khỏi Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới. Siêu thế tâm có 8 tâm, nếu phân theo cấp độ của các Thiền tâm (Jhānacitta) thì có tất cả 40 tâm.

KĀMĀVACARACITTA
DỤC GIỚI TÂM

Kāmāvacaracitta – Dục giới tâm: gồm có 54 tâm, được chia thành 3 nhóm là:

- Akusalacitta – Bất thiện tâm
- Ahetukacitta – Vô nhân tâm
- Kāmāvacarasobhaṇacitta – Dục giới tịnh hảo tâm

1. AKUSALACITTA – BẤT THIỆN TÂM: là những tâm không minh mẫn, không tốt, không đẹp, tồi tệ, xấu xa, nặng nề, thô thiển, tội lỗi và đem lại kết quả khổ đau.

2. AHETUKACITTA – VÔ NHÂN TÂM: là những tâm không phải là tội hay là phước, vì không có nhân tạo tội hay tạo phước kết hợp. Vô nhân tâm thường luôn phát sinh và hiện hữu ở mỗi một chúng sinh.

3. KĀMĀVACARASOBHAṆACITTA – DỤC GIỚI TỊNH HẢO TÂM: là những tâm tịnh hảo, tốt đẹp, minh mẫn, không tạo khổ não cho mình và cho người, là những tâm rời xa tội lỗi và cho quả an lạc.

AKUSALACITTA
BẤT THIỆN TÂM

Mặc dầu là loại tâm không tốt, tội lỗi, cho quả khổ đau; nhưng các bất thiện tâm rất dễ sinh khởi và thường phát sinh luôn khi. Cũng bởi vì, lúc tiếp nhận một đối tượng nào đó rồi thì phần nhiều tâm không suy toán đắn đo thật kỹ đúng như chân như thật của thực tính pháp (sabhāva) nên các bất thiện tâm dễ dàng khởi sinh. Việc không lưu tâm, suy xét thật đúng với thực tính pháp của đối tượng đó gọi là AYONISOMANASIKĀRA – PHI NHƯ LÝ TÁC Ý. Một khi AYONISOMANASIKĀRA hiện hữu thì bất thiện tâm cũng sinh ra.

AYONISOMANASIKĀRA phát sinh dựa trên 5 yếu tố là:

1. Đã không tạo thiện phước trong đời trước
2. Ở trú xứ không thích hợp
3. Không thân cận bậc thiện hữu tri thức
4. Không nghe pháp từ các bậc chân nhân
5. Buông thả mình theo hạnh xấu.

Bất thiện tâm gồm có 12 tâm, chia thành 3 loại như sau:

- Lobhamūlacitta – Tham căn tâm: 8 tâm
- Dosamūlacitta – Sân căn tâm: 2 tâm
- Mohamūlacitta – Si căn tâm: 2 tâm

1. *Lobhamūlacitta – Tham căn tâm:* là tâm có căn để, gốc xuất phát từ:

- Sự tham muốn
- Lòng thích thú
- Sự ưa thích
- Dục vọng
- Tính đam mê
- Sự say đắm đối tượng

2. *Dosamūlacitta – Sân căn tâm:* là tâm có căn để, gốc xuất phát từ:

- Không ưa thích
- Tính độc địa, độc ác
- Muộn phiền
- Ghét bỏ, ganh ghét
- Tức giận
- Bực bội
- Buồn bã
- Bất toại nguyện
- Oán hận
- Nóng nảy

3. *Mohamūlacitta – Si căn tâm:* là tâm có căn để, gốc xuất phát từ:

- Si mê
- Mê tín
- Hoài nghi
- Phóng tâm

LOBHAMŪLACITTA
THAM CĂN TÂM

Tham căn tâm là những tâm có gốc xuất phát từ lòng ham muốn, tham lam, do tính tham dẫn đầu, còn được gọi là LOBHASAHAGATACITTA – tâm đồng sinh với lòng tham.

LAKKHAṆĀDICATUKA – Tính chất của Lobhamūlacitta:

1. Ārammaṇagahaṇalakkhaṇo: có đặc tính bám víu đối tượng.
2. Abhisaṅgaraso: có phận sự giữ chặt vào đối tượng.
3. Aparicāgapaccupaṭṭhāno: có quả biểu hiện là không rời bỏ đối tượng.
4. Saṃyojaniyadhammesu assādadassanapadaṭṭhāno: có nhân gần là thấy các pháp tương hợp đáng ưa thích, vừa lòng.

NGUYÊN NHÂN PHÁT SINH LOBHA gồm 4 yếu tố:

* Lobhaparivārakammapaṭisandhikatā: tái sinh bởi nghiệp mà có lobha là tùy tùng.

* Lobhaussannabhavato cavanatā: chết đi từ cảnh giới có nhiều lobha.

* Iṭṭhārammaṇasamāyogo: thường xuyên tiếp xúc toàn là đối tượng tốt đẹp.

* Assādadassanaṃ: thấy sự vật thích mắt, ưa nhìn.

1. NGUYÊN NHÂN PHÁT SINH LOBHAMŪLASOMANASSA gồm 4 yếu tố:

* Lobhaparivārakammapaṭisandhikatā: tái sinh bởi nghiệp mà có lobha là tùy tùng.

* Agambhīrapakatitā: thường thường không có suy nghĩ tỉ mỉ, tinh tế, sâu sắc.

* Iṭṭhārammaṇasamāyogo: thường xuyên tiếp xúc toàn là đối tượng tốt đẹp.

* Byasanamutti: thoát khỏi 5 điều suy hại:

- Ñātibyasana: mất mát bà con, người thân hoặc bị chối bỏ.
- Bhogabyasana: suy hại về tài sản, của cải.
- Rogabyasana: suy hại do bệnh tật, ốm đau.
- Sīlabyasana: suy hại về giới hạnh.
- Diṭṭhibyasana: suy hại do tà kiến.

2. NGUYÊN NHÂN PHÁT SINH LOBHAMŪLAUPEKKHĀ gồm 5 yếu tố:

* Upekkhāpaṭisandhikatā: tái sinh bằng upekkhā

* Gambhīrapakatitā: thường thường có suy nghĩ tỉ mỉ, tinh tế, sâu sắc.

* Majjhattārammaṇasamāyogo: thường xuyên tiếp xúc toàn là đối tượng trung bình.

* Byasanamutti: thoát khỏi 5 điều suy hại.

* Mūgadhātukatā: là người có nội tâm câm lặng.

3. NGUYÊN NHÂN PHÁT SINH DIṬṬHIGATASAMPAYUTTA gồm 5 yếu tố:

* Diṭṭhajjhāsayatā: là người có tà kiến trong thói quen suy nghĩ.

* Diṭṭhavippannapuggalasevanatā: thích gần gũi với người có tà kiến

* Saddhammavimukhatā: không được học tập Chánh Pháp.

* Micchāvitakkabahulatā: thích suy nghĩ về những điều sai lạc.

* Ayoniso ummujjanaṃ: chìm đắm trong những suy tưởng không đúng như chân như thật.

4. NGUYÊN NHÂN PHÁT SINH DIṬṬHIGATAVIPPAYUTTA gồm 5 yếu tố:

* Sassata-ucchedadiṭṭhi-anajjhāsayatā: là người không có thường kiến và đoạn kiến trong thói quen suy nghĩ.

* Diṭṭhipannapuggala-asevanatā: không gần gủi với người tà kiến.

* Saddhammasammukhatā: hướng tâm đến, được học tập Chánh Pháp.

* Sammāvitakkabahulatā: thích suy nghĩ về những điều đúng đắn.

* Ayoniso na ummujjanaṃ: không chìm đắm trong những suy tưởng không đúng như chân như thật.

5. NGUYÊN NHÂN PHÁT SINH AKUSALA-ASAṄKHĀRIKA gồm 6 yếu tố:

* Asaṅkhārikakammajanikapaṭisandhikatā: tái sinh bởi nghiệp có asaṅkhārika.

* Kallakāyacittatā: thân và tâm mạnh mẽ.

* Sītaṇhādīnaṃ khamanabahulatā: có nhiều sự nhẫn nại trước nóng lạnh v.v…

* Kattabbakammesu diṭṭhānisaṃsatā: thấy rõ ích lợi trong công việc nên làm.

* Kammesu ciṇṇavasitā: thuần thục trong công việc đang làm.

* Utubhojanādisappāyalabho: nhận được điều kiện thuận lợi về thời tiết, vật thực chẳng hạn.

6. NGUYÊN NHÂN PHÁT SINH AKUSALA-SASAṄKHĀRIKA gồm 6 yếu tố ngược lại với 6 yếu tố trên.

*** AKUSALA-SASAṄKHĀRIKA phát sinh dựa trên 2 yếu tố là người khác tác động và tự mình tác động.

SASAṄKHĀRIKA phát sinh dựa vào sự tác động của người khác do 2 nỗ lực – payoga là:

- *Kāyapayoga – thân nỗ lực:* là sự tác động dựa vào hành động của thân như kéo tay, chỉ tay, nháy mắt, quay đầu, đánh, v.v…
- *Vacīpayoga – khẩu nỗ lực:* là sự tác động dựa vào lời nói như câu từ có nội dung lôi kéo, đưa đẩy; hoặc lời nói thô tục, hay lời nói khen thưởng, tán thán.

SASAṄKHĀRIKA phát sinh dựa vào sự tác động của chính mình do 3 nỗ lực – payoga là:

- *Kāyapayoga – thân nỗ lực:* là sự tác động của chính mình dựa trên hành động của thân ví dụ như cố trang sức cho đẹp, khi đã đẹp rồi thì phát sinh sự hài lòng. Hoặc là cố gắng làm việc cho thân thể mệt nhọc, đói bụng; khi bụng đói rồi thì thèm ăn khát uống.
- *Vacīpayoga – khẩu nỗ lực:* là tự mình tác động bằng lời nói của bản thân, như tự động viên, an ủi mình, tự tôn mình lên nhằm phát sinh ngã mạn, tham căn tâm sẽ tự khởi chính lúc này.
- *Manopayoga – ý nỗ lực:* là tự mình tác động dựa trên sự suy nghĩ, ví dụ: nghĩ đến chuyện vui cười làm cho thích thú, hài lòng, lúc đó tham căn tâm khởi sinh.

*** DIṬṬHICETASIKA có mặt trong Lobhamūlacitta gồm 2 loại:

1. Diṭṭhi thông thường: còn gọi là Sakkāyadiṭṭhi (thân kiến), có tà kiến cho rằng năm uẩn ở trong thân hay ngoài thân là ta, là tự ngã của ta, là người, là đàn ông, đàn bà v.v…

2. Diṭṭhi đặc biệt: còn gọi là Niyatamicchādiṭṭhi (tà kiến cố định) có 3 loại:

- Ahetukadiṭṭhi: phủ định nhân, không tin vào nhân (Makkaligosāla).
- Natthikadiṭṭhi: phủ nhận quả, không tin vào quả (Pūraṇakassapa).
- Akiriyadiṭṭhi: phủ định cả nhân lẫn quả, không tin vào nhân và quả (Ajitakessākambala).

Diṭṭhi - Tà kiến còn phân làm 2 loại lớn là:

1. *Sassatadiṭṭhi - Thường kiến:* tà kiến cho rằng mọi sự vật đều thường luôn, không biến đổi.
2. *Ucchedadiṭṭhi - Đoạn kiến:* tà kiến cho rằng chết là hết, rỗng không.

Cả hai loại tà kiến này đều là diṭṭhi đặc biệt.

DOSAMŪLACITTA 2
2 SÂN CĂN TÂM

Là tâm có căn để, gốc gác từ sự sân hận, ghen ghét; do sân dẫn đầu, còn được gọi là PAṬIGHACITTA – Tâm tiếp xúc với đối tượng không vừa lòng.

LAKKHAṆĀDICATUKA – Tính chất của Dosamūlacitta:

1. Caṇḍikalakkhaṇo: có đặc tính cứng cỏi, thô tháp.
2. Nissayādāhanaraso: có phận sự làm cho tâm mình và tâm người khác sầu não.
3. Dūsanapaccupaṭṭhāno: có quả hiện hữu là gây thiệt hại đối tượng.
4. Āghātavatthupadaṭṭhāno: có nhân gần là do 10 sự việc gây lòng thù hận.

NGUYÊN NHÂN PHÁT SINH DOSA HAY PAṬIGHA gồm 5 yếu tố:

1. Dosajjhāsayatā: là người có thói quen hay giận hờn.
2. Agambhīrapakatitā: là người suy nghĩ không sâu sắc.
3. Appasuttā: học hành ít ỏi, thấp kém.
4. Aniṭṭhārammaṇasamāyogo: tiếp xúc với những đối tượng không tốt đẹp, không như ý.
5. Āghātavatthusamāyogo: gặp phải những sự việc gây lòng thù hận, oán giận.

ĀGHĀTAVATTHU - 10 SỰ VIỆC GÂY LÒNG THÙ HẬN:

1. Thù hận vì nghĩ rằng đã tạo sự thiệt hại cho ta.
2. Thù hận vì nghĩ rằng đang tạo sự thiệt hại cho ta.
3. Thù hận vì nghĩ rằng sẽ tạo sự thiệt hại cho ta.
4. Thù hận vì nghĩ rằng đã tạo sự thiệt hại cho người mà ta yêu mến.
5. Thù hận vì nghĩ rằng đang tạo sự thiệt hại cho người mà ta yêu mến.
6. Thù hận vì nghĩ rằng sẽ tạo sự thiệt hại cho người mà ta yêu mến.
7. Thù hận vì nghĩ rằng đã làm điều lợi ích cho người mà ta ghét.

8. Thù hận vì nghĩ rằng đang làm điều lợi ích cho người mà ta ghét.
9. Thù hận vì nghĩ rằng sẽ làm điều lợi ích cho người mà ta ghét.
10. Thù hận một cách vô cớ, không đáng (ví dụ: đang đi vấp phải cái cọc trên đường, hay đạp nhầm gai rồi sinh lòng thù hận, oán giận).

MOHAMŪLACITTA 2

2 SI CĂN TÂM

Là tâm có căn để, gốc gác từ sự si mê, u minh, mê mờ, không thấy đúng với sự thật của thực tính pháp.

LAKKHAṆĀDICATUKA – Tính chất của Mohamūlacitta:

1. Añānalakkhaṇo: có đặc tính là không biết rõ các Thánh Đế.
2. Ārammaṇasabhāvacchādanaraso: có phận sự che lấp thực tính pháp của đối tượng.
3. Andhakārapacupaṭṭhāno: có quả hiện hữu là sự si mê, u tối.
4. Ayonisomanasikārapadaṭṭhāno: có nhân gần là sự không quán xét đối tượng thật tốt theo đúng như chân như thật.

VICIKICCHĀ – Hoài nghi, gồm 2 loại:

a, *Nivāraṇavicikicchā:* Hoài nghi là pháp che chắn, ngăn cản các Thiện Pháp.
b, *Paṭirūpakavicikicchā:* Hoài nghi về kiến thức học tập, những điều chưa biết, v.v…

Ở đây, Hoài nghi kết hợp với Mohamūlacitta chính là Nivāraṇavicikicchā, là pháp ngăn ngại Đạo, Quả, Niết bàn. Hoài nghi này có 8 loại tất cả, ấy là:

1, Buddhe kaṅkheti: nghi ngờ nơi ân đức Phật.
2, Dhamme kaṅkheti: nghi ngờ nơi ân đức Pháp.
3, Saṅghe kaṅkheti: nghi ngờ nơi ân đức Tăng.

4, Sikkhāya kaṅkheti: nghi ngờ nơi Tam học (Giới Định Tuệ).
5, Pubbante kaṅkheti: nghi ngờ nơi quá khứ.
6, Aparante kaṅkheti: nghi ngờ nơi vị lai.
7, Pubbantāparante kaṅkheti: nghi ngờ nơi cả quá khứ lẫn vị lai.
8, Paticcasamuppāde kaṅkheti: nghi ngờ nơi Thập nhị nhân duyên.

UDDHACCA – Phóng tâm: phóng dật, trạo cử, tâm không ổn định trên một đối tượng, suy nghĩ miên man, lang thang từ đối tượng này qua đối tượng khác, bất nhất.

AKUSALAKAMMAPATHA
BẤT THIỆN NGHIỆP ĐẠO

Akusalakammapatha: Con đường của bất thiện nghiệp, ác đạo, ác hạnh có tất cả 10 loại:

1. Pānātipāta	Sát sinh
2. Adinnādāna	Trộm cắp
3. Kāmesumicchācāra	Tà dâm
4. Musāvāda	Nói dối
5. Pisuṇavācā	Nói đâm thọc
6. Pharusavācā	Nói thô lỗ
7. Samphappalāpa	Nói vô ích
8. Abhijjhā	Tham lam
9. Byāpāda	Thù hận
10. Micchādiṭṭhi	Tà kiến

PHÂN LOẠI:

Pānātipāta
Pharusavācā
Byāpāda
} sinh khởi do Dosamūlacitta, có Sân là gốc, là pháp dẫn dắt.

Kāmesumicchācārā Abhijjhā Micchādiṭṭhi	sinh khởi do Lobhamūlacitta, có Tham là gốc, là pháp dẫn dắt.
Adinnādāna Musāvāda Pisuṇavācā Samphappalāpa	đôi khi sinh khởi do Lobhamūlacitta, có Tham là gốc, là pháp dẫn dắt. đôi khi sinh khởi do Dosamūlacitta, có Sân là gốc, là pháp dẫn dắt.

Nhận thấy rằng Bất thiện nghiệp đạo không sinh khởi do Mohamūlacitta, tuy nhiên một khi Lobhamūlacitta hoặc Dosamūlacitta phát sinh thì Mohacetasika (Si tâm sở) cũng đồng phát sinh theo. Và chính Si tâm sở cũng là một nhân làm cho Bất thiện nghiệp đạo khởi sinh.

QUẢ CỦA LOBHA, DOSA, MOHA

Akusalacitta là Tâm mà phần nhiều gây nên tội lỗi, xấu ác và là NHÂN để phải nhận QUẢ như sau:

1. LOBHA: là tâm có nhân xuất phát từ sự ham muốn và sẽ nhận quả là đi tái sinh vào cảnh giới NGẠ QUỶ, ATULA do theo năng lực của Lobha.

Thời đại nào mà nội tâm của loài người tràn đầy tham lam, ham muốn, thời đại đó sẽ sinh cảnh "gạo châu củi quế" là nhân làm cho con người nghèo khổ, thiếu đói, chết chóc nhiều hơn lên.

2. DOSA: là tâm có nhân xuất phát từ sự sân hận, thù oán và sẽ nhận quả là đi tái sinh vào cảnh giới ĐỊA NGỤC - một khổ cảnh, thiêu đốt chúng sinh không ngừng nghỉ, giống như tâm sân đang thiêu đốt vậy.

Thời đại nào mà nội tâm của loài người tràn đầy hận thù, hiềm khích, nóng nảy, thời đại đó tai họa hiểm nguy từ vũ khí, cung tên, đạn dược sẽ là mối đe dọa làm cho chúng sinh chém giết lẫn nhau, chết chóc, sinh ly tử biệt cũng nảy sinh.

3. MOHA: là tâm có nhân xuất phát từ sự si mê, muội lược và sẽ nhận quả là đi tái sinh trong cảnh giới SÚC SINH do theo năng lực của Moha.

Thời đại nào mà nội tâm của loài người tràn đầy si mê lầm lạc, thời đại đó sẽ phát sinh tai hại nguy nan từ bệnh tật lan nhiễm, thế gian tràn đầy các dịch bệnh làm cho con người chết đi rất nhiều.

AKUSALACITTA LÀ PHÁP CẦN DỨT BỎ

Bất thiện tâm là những tâm xấu ác, tội lỗi, cho quả khổ, bởi thế cần được dứt bỏ.

LOBHAMŪLACITTA: là tâm tham muốn, dục vọng,… nếu không thận trọng, không lưu tâm thì lòng tham muốn sẽ tăng lên khó lường được. Tham căn tâm được dứt bỏ, đoạn trừ bằng *Santosa – Tri túc (biết đủ):*

1, Tri túc với những thứ có được.
2, Tri túc theo sức mình.
3, Tri túc theo sự phù hợp.

DOSAMŪLACITTA: là tâm sân hận, ghen ghét, lo âu, sợ hãi,… là nhân tạo các ác nghiệp, tội lỗi. Sân căn tâm cần được dứt bỏ, đoạn trừ bằng Tâm Từ - Mettā. Người học Phật, hành Pháp thường quán xét rằng ta ghét khổ muốn lạc như thế nào thì người khác, chúng sinh khác cũng muốn lạc ghét khổ như thế ấy.

Phương cách đoạn trừ Dosa như sau:

a, Mettānimittassa uggaho: học tập các phương pháp tu tập nhằm tăng trưởng tâm Từ.

b, Mettābhāvanānuyogo: kết hợp thực hành pháp Rải Tâm Từ.

c, Kammassakatāpaccavekkhaṇo: thường xuyên quán xét rằng mỗi người đều có nghiệp của mình.

d, Paṭisaṅkhānabahulīkatā: làm mình trở thành người có nhiều trí tuệ.
e, Kalyāṇamittatā: thân cận bạn hữu là người tốt, có tâm Từ.
f, Sappāyakathā: được nghe nhiều lời nói thoải mái tâm can.

MOHAMŪLACITTA: là tâm si mê, u tối, không thấy rõ sự thật của thực tính pháp. Muốn đoạn trừ Si căn tâm thì phải có ánh sáng Trí Tuệ (Paññā), bao gồm:

* Sutamayapaññā: Văn Tuệ
* Cintāmayapaññā: Tư Tuệ
* Bhāvanāmayapaññā: Tu Tuệ

Phương cách đoạn trừ Vicikicchāsampayutta như sau:

a, Bāhusuttā: là người nghe nhiều, học rộng.
b, Paripucchakatā: luôn tham vấn, hỏi han.
c, Vinayepakataññutā: hiểu biết, thuần thục và trì giới nghiêm túc.
d, Adhimokkhabahulatā: có nhiều quyết định chắc chắn.
e, Kalyāṇamittatā: thân cận bạn hữu là người tốt.
f, Sappāyakathā: được nghe nhiều lời nói thoải mái tâm can.

Phương cách đoạn trừ Uddhaccasampayutta như sau:

a, Bāhusuttā: là người nghe nhiều, học rộng.
b, Paripucchakatā: luôn tham vấn, hỏi han.
c, Vinayepakataññutā: hiểu biết, thuần thục và trì giới nghiêm túc.
d, Buddhaseritā: thường xuyên được nghe Phật Pháp.
e, Kalyāṇamittatā: thân cận bạn hữu là người tốt.
f, Sappāyakathā: được nghe nhiều lời nói thoải mái tâm can.

AHETUKACITTA
VÔ NHÂN TÂM

Là những tâm không kết hợp với HETU – NHÂN, tức là không có nhân phước (puñña) hay nhân tội (pāpa). Nhân phước gọi là KUSALAHETU, nhân tội gọi là AKUSALAHETU.

* Nhân tội có 3 nhân là:

- lobhahetu – tham,
- dosahetu – sân,
- mohahetu – si.

* Nhân phước có 3 nhân là:

- alobhahetu – vô tham,
- adosahetu – vô sân,
- amohahetu – vô si.

Vậy AHETUKACITTA – VÔ NHÂN TÂM là những tâm không có 6 loại nhân này kết hợp.

AHETUKACITTA – VÔ NHÂN TÂM có tất cả 18 tâm, chia thành 3 nhóm:

* AKUSALAVIPĀKACITTA – Bất thiện quả tâm có 7 tâm.

* AHETUKAKUSALAVIPĀKACITTA – Vô nhân thiện quả tâm có 8 tâm

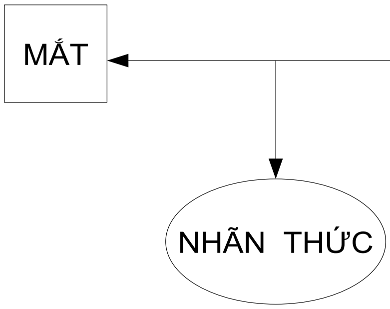
* AHETUKAKRIYĀCITTTA – Vô nhân duy tác tâm có 3 tâm.

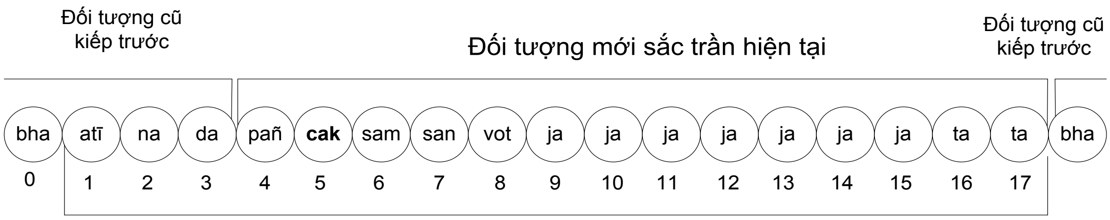
KĀTHĀSAṄGAHA:

SATTĀKUSALAPĀKĀNI PUÑÑAPĀKĀNI AṬṬHADHĀ
KRIYĀCITTĀNI TĪṆĪTI AṬṬHARASĀ AHETUKĀ

Vô nhân tâm có 18 tâm là: 7 Bất thiện quả tâm, 8 Vô nhân thiện quả tâm và 3 Vô nhân duy tác tâm.

LỘ TRÌNH TÂM QUA NHÃN MÔN





Lộ trình tâm qua nhãn môn

GIẢI THÍCH

0. Bhavaṅgacitta – Hộ kiếp tâm: (viết tắt: bha) là tâm có nhiệm vụ giữ gìn kiếp của mỗi chúng sinh. Đối tượng của bhavaṅgacitta là:

* Kamma – nghiệp.

* Kammanimitta – nghiệp tướng.

* Gatinimitta – thú tướng.

1. *Atītabhavaṅgacitta – Hộ kiếp tâm quá khứ:* (viết tắt: atī) đối tượng mới sắc trần ở hiện tại đã xuất hiện, bhavaṅgacitta thứ nhất trải qua một sát-na tâm sinh diệt, song vẫn giữ đối tượng cũ của kiếp trước.

2. *Bhavaṅgacalanacitta – Hộ kiếp tâm rung động:* (viết tắt: na) đối tượng mới sắc trần ở hiện tại làm cho bhavaṅgacitta thứ nhì rung động, song vẫn giữ đối tượng cũ của kiếp trước.

3. *Bhavaṅgupacchedacitta – Hộ kiếp tâm bị cắt đứt:* (viết tắt: da) đối tượng mới sắc trần ở hiện tại làm cho bhavaṅgacitta thứ ba bị cắt đứt dòng liên tục, đồng thời cắt đứt đối tượng cũ của kiếp trước, làm duyên cho ngũ môn hướng tâm phát sinh.

Cả 3 loại bhavaṅgacitta này còn ở ngoài nhãn môn lộ trình tâm và ngoài 6 môn.

4. *Pañcadvārāvajjanacitta – Ngũ môn hướng tâm:* (viết tắt: pañ) Ngũ môn hướng tâm có khả năng làm phận sự tiếp nhận 5 đối tượng mới kiếp hiện tại: sắc trần, thinh trần, hương trần, vị trần và xúc trần. Trong lộ trình tâm qua nhãn môn này, ngũ môn hướng tâm tiếp nhận đối tượng mới *sắc trần* đầu tiên của lộ trình tâm rồi diệt, làm duyên cho *nhãn thức tâm* phát sinh.

5. *Cakkhuviññāṇacitta – Nhãn thức tâm:* (viết tắt: cak)

Nhãn thức tâm làm phận sự thấy *sắc trần,* thuộc về sắc pháp paramattha rồi diệt, làm duyên cho tiếp thọ tâm phát sinh.

6. *Sampaṭicchanacitta – Tiếp thọ tâm:* (viết tắt: sam)

Tiếp thọ tâm làm phận sự tiếp nhận đối tượng *sắc trần* từ nhãn thức tâm rồi diệt, làm duyên cho suy đạt tâm phát sinh.

7. *Santīraṇacitta – Suy đạt tâm:* (viết tắt: san)

Suy đạt tâm làm phận sự suy xét đối tượng tốt hoặc xấu rồi diệt, làm duyên cho xác định tâm phát sinh.

8. *Voṭṭhabbana – Xác định tâm:* (viết tắt: voṭ)

Xác định tâm cũng là *ý môn hướng tâm* (manodvāravajjanacitta) làm phận sự xác định đối tượng của thiện tâm, hoặc bất thiện tâm, hoặc duy tác tâm tuỳ theo căn duyên rồi diệt, làm duyên cho tốc hành tâm phát sinh.

9 – 15. *Javanacitta – Tốc hành tâm:* (viết tắt: ja)

Tốc hành tâm là thiện tâm hoặc bất thiện tâm hoặc duy tác tâm, phát sinh liên tục 7 sát-na tâm cùng loại, làm phận sự tạo nên thiện nghiệp, hoặc bất thiện nghiệp, hoặc duy tác tuỳ theo trình độ hiểu biết của chúng sinh. Riêng với bậc Thánh A-ra-hán thì duy tác tâm phát sinh, chỉ có tạo tác mà thôi, không thành nghiệp gì cả.

16 – 17. *Tadālambana – Tiếp đối tượng tâm:* (viết tắt: ta)

Tiếp đối tượng tâm là quả tâm, phát sinh liên tục 2 lần, làm phận sự tiếp nhận đối tượng từ tốc hành tâm, còn dư lại 2 sát-na tâm, mãn tuổi thọ của đối tượng mới sắc trần hiện tại, chấm dứt *nhãn môn lộ trình tâm* bằng hộ kiếp tâm phát sinh có đối tượng cũ kiếp trước và những *ý môn lộ trình tâm* phát sinh tiếp theo.

AKUSALAVIPĀKACITTA 7
7 BẤT THIỆN QUẢ TÂM

Akusalavipākacitta là những tâm quả của các bất thiện nghiệp. Những nghiệp xấu, ác, tội lỗi mà đã làm rồi trong quá khứ, sẽ không biến mất đi đâu và đến khi cơ duyên đầy đủ sẽ cho quả là các bất thiện quả tâm. Có tất cả 7 Vô nhân bất thiện quả tâm là:

1. Upekkhāsahagataṃ cakkhuviññāṇaṃ
Nhãn thức tâm đồng sinh với thọ xả, thấy sắc trần không tốt đẹp.

2. Upekkhāsahagataṃ sotaviññāṇaṃ
Nhĩ thức tâm đồng sinh với thọ xả, nghe thinh trần không tốt đẹp.

3. Upekkhāsahagataṃ ghānaviññāṇaṃ
Tỷ thức tâm đồng sinh với thọ xả, ngửi hương trần không tốt đẹp.

4. Upekkhāsahagataṃ jīvhāviññāṇaṃ
Thiệt thức tâm đồng sinh với thọ xả, nếm vị trần không tốt đẹp.

5. Dukkhāsahagataṃ kāyaviññāṇaṃ
Thân thức tâm đồng sinh với thọ khổ, chạm xúc trần không tốt đẹp.

6. Upekkhāsahagataṃ sampaṭicchanacittaṃ
Tiếp thọ tâm đồng sinh với thọ xả, nhận ngũ trần không tốt đẹp.

7. Upekkhāsahagataṃ santīraṇacittaṃ
Suy đạt tâm đồng sinh với thọ xả, quán sát ngũ trần không tốt đẹp.

Trong số 7 vô nhân bất thiện quả tâm ở trên thì 5 tâm đầu tiên còn có tên gọi là: *pañcaviññāṇaṃ – ngũ thức tâm*, là những tâm nhận biết đối tượng qua ngũ môn. Hai tâm cuối cùng làm nhiệm vụ tiếp nhận và suy đạt đối tượng trong các lộ trình tâm.

AHETUKAKUSALAVIPĀKACITTA 8
8 VÔ NHÂN THIỆN QUẢ TÂM

Ahetukakusalavipākacitta là những tâm quả của các thiện nghiệp, là tâm được sinh từ năng lực của các kusalacetanā – tác ý thiện ở trong các mahākusalacitta – đại thiện tâm mà đã sinh ra trong quá khứ rồi. Tuy nhiên, do sự thiếu sót của các tác ý này tại một thời điểm nào đó trong 3 thời (trước khi làm, trong khi làm hoặc sau khi làm) mà làm cho các thiện tác ý sẽ bị suy giảm năng lực và cho quả là các tâm vô nhân (không có các nhân thiện là: alobha, adosa, amoha kết hợp). Có tất cả 8 Vô nhân thiện quả tâm là:

1. Upekkhāsahagataṃ cakkhuviññāṇaṃ
Nhãn thức tâm đồng sinh với thọ xả, thấy sắc trần tốt đẹp.

2. Upekkhāsahagataṃ sotaviññāṇaṃ
Nhĩ thức tâm đồng sinh với thọ xả, nghe thinh trần tốt đẹp.

3. Upekkhāsahagataṃ ghānaviññāṇaṃ
Tỷ thức tâm đồng sinh với thọ xả, ngửi hương trần tốt đẹp.

4. Upekkhāsahagataṃ jīvhāviññāṇaṃ
Thiệt thức tâm sinh với thọ xả, nếm vị trần tốt đẹp.

5. Dukkhāsahagataṃ kāyaviññāṇaṃ
Thân thức tâm sinh với thọ khổ, chạm xúc trần tốt đẹp.

6. Upekkhāsahagataṃ sampaṭicchanacittaṃ
Tiếp thọ tâm đồng sinh với thọ xả, nhận ngũ trần tốt đẹp.

7. Upekkhāsahagataṃ santīraṇacittaṃ
Suy đạt tâm đồng sinh với thọ xả, quán sát ngũ trần tốt đẹp.

8. Somanassasahagataṃ santīraṇacittaṃ
Suy đạt tâm đồng sinh với thọ hỷ, quán sát ngũ trần tốt đẹp.

Khi tiếp xúc với đối tượng không đáng ưa thích, đối tượng không tốt đẹp thì các vô nhân bất thiện quả tâm sẽ sinh khởi trong lộ trình tâm. Ngược lại nếu được tiếp xúc với các đối tượng khả ái, đối tượng tốt đẹp là do các nghiệp thiện đã tạo trong quá khứ thì lúc đó các vô nhân thiện quả tâm sẽ có mặt trong lộ trình tâm.

Đa phần các tâm vô nhân bất thiện hoặc thiện này đều có năng lực yếu, có thọ xả đi kèm, ngoại trừ 2 thân thức tâm là có thọ khổ hoặc thọ lạc trên thân mà thôi. Ngoài ra suy đạt tâm trong vô nhân thiện quả tâm có cả thọ hỷ và thọ xả bởi tùy theo đối tượng khả ái, tốt đẹp loại mạnh (Iṭṭhārammaṇa) và mạnh vừa vừa (Iṭṭhamajjhattārammaṇa).

AHETUKAKRIYĀCITTA 3

3 VÔ NHÂN DUY TÁC TÂM

Ahetukakriyācitta là những tâm phát sinh nhằm làm nhiệm vụ, phận sự nhận đối tượng mới qua 6 môn, nhận nhiệm vụ quyết định đối tượng 5 môn và là tâm làm phận sự mỉm cười của các bậc Thánh A-ra-hán. Những tâm này chỉ làm phận sự mà thôi, không sinh khởi bởi các nhân phước hay nhân tội, cho nên chúng không phải là các tâm phước hay tâm tội. Đồng thời chúng cũng không phải là các tâm quả của các nhân phước hay nhân tội ấy. Vô nhân duy tác có 3 tâm là:

1. Upekkhāsahagataṃ pañcadvārāvajjanacittaṃ

Ngũ môn hướng tâm đồng sinh với thọ xả, xem xét đối tượng qua ngũ căn.

2. Upekkhāsahagataṃ manodvārāvajjanacittaṃ

Ý môn hướng tâm đồng sinh với thọ xả, xem xét đối tượng qua ý căn.

3. Somanassasahagataṃ hasituppādacittaṃ

Tiếu sanh tâm đồng sinh với thọ hỷ, làm phát khởi sự mỉm cười của bậc Thánh A-ra-hán.

NÓI VỀ NỤ CƯỜI

Trong Bộ ALAṄKĀRA chia nụ cười ra làm 6 loại:

1. SITA: Cười trên mặt, không hở khoé răng, là nụ cười của Đức Phật Chánh Đẳng Giác.
2. HASITA: Cười đủ hở khoé răng, là nụ cười của các bậc Thánh A-ra-hán, Bất Lai, Nhất Lai, Thất Lai và phàm nhân. Ngoại trừ các bậc Thánh A-ra-hán, các vị khác và phàm nhân, nụ cười này đều có kết hợp với nhân phước hoặc nhân tội.

3. VIHASITA: Cười có tiếng nhè nhẹ, phát sinh từ tâm của phàm nhân hoặc 3 bậc Thánh Hữu học.
4. ATIHASITA: Cười có tiếng lớn, phát sinh từ tâm của phàm nhân, bậc Thánh Thất Lai hoặc Nhất Lai.
5. APAHASITA: Cười làm thân rung động, cử động, là cái cười của phàm nhân.
6. UPAHASITA: Cười đến chảy nước mắt, là cái cười của phàm nhân mà thôi.

UPATTIHETU – NHÂN SINH KHỞI
CỦA 18 VÔ NHÂN TÂM

1. NHÂN SINH KHỞI CỦA CAKKHUVIÑÑĀṆACITTA:

a, Cakkhupasāda: có thần kinh thị giác tốt.
b, Rūpārammaṇa: có hình sắc xuất hiện trước mắt.
c, Āloka: có ánh sáng.
d, Manasikāra: có sự lưu tâm (pañcadvārāvajjanacitta).

2. NHÂN SINH KHỞI CỦA SOTAVIÑÑĀṆACITTA:

a, Sotapasāda: có thần kinh thính giác tốt.
b, Saddārammaṇa: có âm thanh.
c, Vivarākāsa: có khoảng trống.
d, Manasikāra: có sự lưu tâm.

3. NHÂN SINH KHỞI CỦA GHĀNAVIÑÑĀṆACITTA:

a, Ghānapasāda: có thần kinh khứu giác tốt.
b, Gandhārammaṇa: có mùi xuất hiện.
c, Vāyodhātu: có gió đưa đến.
d, Manasikāra: có sự lưu tâm.

4. NHÂN SINH KHỞI CỦA JIVHĀVIÑÑĀṆACITTA:

a, Jivhāpasāda: có thần kinh vị giác tốt.
b, Rasārammaṇa: có vị xuất hiện.
c, Āpodhātu: có nước miếng.
d, Manasikāra: có sự lưu tâm.

5. NHÂN SINH KHỞI CỦA KĀYAVIÑÑĀṆACITTA:

a, Kāyapasāda: có thần kinh xúc giác tốt.
b, Phoṭṭhabbārammaṇa: có nóng lạnh, cứng mềm, căng chùng.
c, Thaddhapaṭhavī: có địa đại cứng cáp.
d, Manasikāra: có sự lưu tâm.

Cakkhuviññāṇacitta 2 tâm, Sotaviññāṇacitta 2 tâm, Ghānaviññāṇacitta 2 tâm, Jivhāviññāṇacitta 2 tâm, Kāyaviññāṇacitta 2 tâm, cộng 10 tâm gọi là: DVIPAÑCAVIÑÑṆACITTA – Ngũ song thức tâm 10 tâm.

6. NHÂN SINH KHỞI CỦA MANODHĀTU 3 TÂM:

a, Pañcadvāra: có 5 môn tốt, tức là thần kinh mắt, tai, mũi….
b, Pañcārammaṇa: có đối tượng qua năm môn xuất hiện.
c, Hadayavatthu: có tâm căn là nơi để cho tâm, tâm sở phát sinh.
d, Manasikāra: có sự lưu tâm.

Manodhātu – Ý giới gồm có 3 tâm là:

Pañcadvārāvajjanacitta – Ngũ môn hướng tâm
Sampaṭicchanacitta 2 – 2 Tiếp thọ tâm

7. NHÂN SINH KHỞI CỦA MANOVIÑÑĀṆADHĀTU 76 TÂM:

a, Manodvāra: ý môn, bao gồm *bhavaṅgacitta* 19 tâm:

- Upekkhāsantīraṇacitta 2 tâm
- Mahāvipākacitta 8 tâm
- Mahaggatavipākacitta 9 tâm

b, Ārammaṇa: có đối tượng xuất hiện (sắc, thinh, hương, vị, xúc và pháp).

c, Hadayavatthu: có tâm căn là nơi để cho tâm, tâm sở phát sinh (đối với chúng sinh có 5 uẩn, còn với chúng sinh chỉ có 4 uẩn thì không cần).

d, Manasikāra: có sự lưu tâm.

Manoviññāṇadhātu – Ý thức giới có 76 tâm là:

Có tất cả 89 tâm, trừ Dvipañcaviññāṇacitta 10 tâm + Manodhātu 3 tâm, còn lại 76 tâm gọi là Manoviññāṇadhātu.

SO SÁNH 6 THỨC TÂM

Trong Bộ Aṭṭhasālinī và Visuddhimagga (Thanh Tịnh Đạo) so sánh 6 loại thức tâm như sau:

1. Cakkhuviññāṇacitta – Nhãn thức tâm (mắt) giống rắn, rắn thích bò chui vào những chỗ khuất lấp như thế nào thì mắt cũng thích nhìn vào những chỗ che đậy như thế ấy.

2. Sotaviññāṇacitta – Nhĩ thức tâm (tai) giống cá sấu, cá sấu thích những chỗ có nước mát lạnh như thế nào thì tai cũng thích nghe những tiếng nói, âm thanh ngọt ngào, êm mát như thế ấy.

3. Ghānaviññāṇacitta – Tỷ thức tâm (mũi) giống chim, chim thích bay lượn trên không như thế nào thì mũi cũng thích ngửi mùi trôi nổi trong không khí như thế ấy.

4. Jivhāviññāṇacitta – Thiệt thức tâm (lưỡi) giống chó, chó thích nhểu nước bọt như thế nào thì lưỡi mọi khi đều thích nếm vị như thế ấy.

5. Kāyaviññāṇacitta – Thân thức tâm (thân) giống con giả can, giả can thích sự ấm áp như thế nào thì thân cũng thích sự ấm áp như thế ấy.

6. Manoviññāṇacitta – Ý thức tâm (ý) giống khỉ, khỉ thích máy động, không ở yên như thế nào thì tâm ý cũng thích vọng động, không chịu ở yên như thế ấy.

PHẬN SỰ CỦA AHETUKACITTA

Cakkhuviññāṇa 2 tâm	làm phận sự	Dassanakicca – thấy sắc
Sotaviññāṇa 2 tâm	làm phận sự	Savanakicca – nghe tiếng
Ghānaviññāṇa 2 tâm	làm phận sự	Ghāyanakicca – ngửi mùi
Jivhāviññāṇa 2 tâm	làm phận sự	Sāyanakicca – nếm vị
Kāyaviññāṇa 2 tâm	làm phận sự	Phussanakicca – chạm xúc
Sampaṭicchana 2 tâm	làm phận sự	Sampaṭicchanakicca – tiếp nhận ngũ trần
Upekkhāsantīraṇa 2 tâm	làm phận sự	Paṭisandhikicca – tục sinh Bhavaṅgakicca – hộ kiếp Cutikicca – tử (chết) Santīraṇakicca – suy đạt Tadālambanakicca – tiếp đối tượng từ tốc hành tâm
Somanassasantīraṇa 1 tâm	làm phận sự	Santīraṇakicca – suy đạt Tadālambanakicca – tiếp đối tượng từ tốc hành tâm
Pañcadvārāvajjana 1tâm	làm phận sự	Āvajjanakicca – hướng tâm đến đối tượng ngũ trần

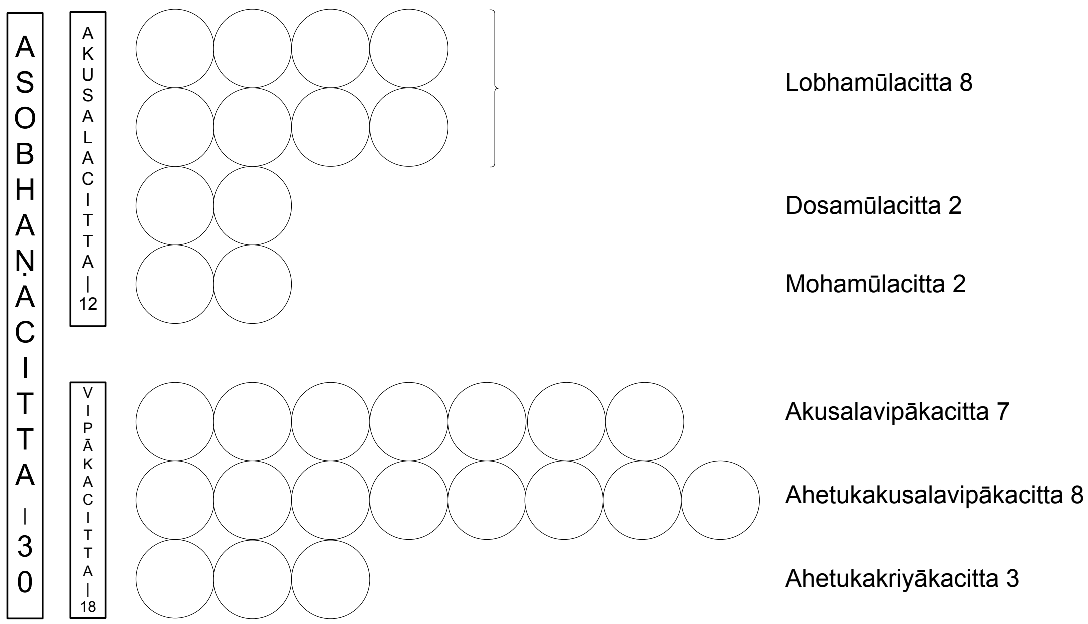
Manodvārāvajjana 1tâm làm phận sự:
- Āvajjanakicca – hướng tâm đến đối tượng lục trần
- Voṭṭhabbanakicca – xác định đối tượng ngũ trần qua ngũ môn

Hasituppāda 1 tâm làm phận sự Javanakicca – tốc hành tâm

ASOBHAṆACITTA 30

Akusalacitta 12 tâm và Ahetuka 18 tâm, cộng lại 30 tâm gọi là Asobhaṇacitta. Ở đây Asobhaṇacitta không mang nghĩa là tâm không tốt đẹp, không tịnh hảo như Akusalacitta. Sở dĩ có tên như vậy bởi vì không kết hợp với các Sobhaṇacetasika – Tịnh hảo tâm sở.

Akusalacitta không thể sinh khởi ở tất cả mọi chúng sinh giống như Ahetukacitta, mà chỉ ở một số chúng sinh nào đó thôi.



SOBHAṆACITTA
TỊNH HẢO TÂM

GĀTHĀSAṄGAHA:

PĀPĀHETUKAMUTTĀNI SOBHAṆĀNĪTI VUCCARE
EKŪNASAṬṬHĪ CITTĀNI ATHEKANAVUTĪPI VĀ.

Ngoài các bất thiện tâm và vô nhân tâm ra, 59 hay 91 tâm còn lại được gọi là Tịnh hảo tâm.

Sobhaṇacitta – Tịnh hảo tâm là những tâm tốt đẹp, có sự kết hợp với các Tịnh hảo tâm sở. Tính rút gọn thì có 59 tâm, còn tính rộng ra thì có tất cả 91 Tịnh hảo tâm. Nếu phân theo địa giới (bhūmi) thì các Tịnh hảo tâm có mặt trong cả 4 địa giới là:

Sobhaṇacitta	Kāmāvacarasobhaṇacitta	24	Tổng cộng 59 hay 91
	Rūpāvacaracitta	15	
	Arūpāvacaracitta	12	
	Lokuttaracitta	8 hay 40	

KĀMĀVACARASOBHAṆACITTA
DỤC GIỚI TỊNH HẢO TÂM

Dục giới Tịnh hảo tâm là những tâm phần nhiều lưu chuyển tới lui trong cõi Dục giới. Tuy Dục giới là cảnh giới phát sinh của Kilesakāma (phiền não dục) và Vatthukāma (vật dục), nhưng các Dục giới Tịnh hảo tâm vẫn là các tâm tốt đẹp bởi vì kết hợp với các Tịnh hảo tâm sở. Các tâm sở tốt đẹp này sẽ tạo tác nên các tâm thiện hảo, làm phát sinh lợi ích, tránh khỏi tội lỗi. Kāmāvacarasobhaṇacitta được chia thành 3 loại theo Gāthāsaṅgaha như sau:

VEDANĀÑĀṆASAṄKHĀRA– BHEDENA CATUVĪSATI
SAHETUKĀMĀVACARA– PUÑÑAPĀKAKRIYĀ MATĀ.

Khi phân chia theo thọ, trí và tác động có tất cả 24 Hữu nhân Dục giới thiện, quả và duy tác tâm.

KĀMĀVACARASOBHANACITTA 24 tâm	
	Kāmāvacarakusalacitta 8 tâm
	Kāmāvacaravipākacitta 8 tâm
	Kāmāvacarakriyācitta 8 tâm

GIẢI NGHĨA KUSALA – THIỆN

KUCCHITE PĀPADHAMME SALAYATĪTI = KUSALAṂ

Pháp hoại diệt các tội lỗi mà bậc trí hiền chê trách gọi là Thiện pháp.

Ở đây, thiện pháp chính là các Kusalacitta – Thiện tâm, là những tâm tốt đẹp, xa rời phiền não, không có tội lỗi và cho quả an lạc.

KUSALACITTA có 5 nghĩa là:

1, AROGAYATTHA – không bệnh tật, không có phiền não tam độc đâm xiên tâm can và thể xác. Rāga (dục), Dosa, Moha, v.v… gọi là roga (bệnh tật) bởi vì chúng nhiễu hại cả thân lẫn tâm.

2, SUNDARATTHA – là pháp tốt đẹp, đem lại lợi ích cho chúng sinh.

3, CHEKATTHA – là pháp khéo léo, thanh lịch, người có tâm này là người tốt, khiêm cung, có tư cách trang nghiêm…

4, ANAVAJJATTHA – không có lỗi, khó mà chê trách được.

5, SUKHAVIPĀKATTHA – cho quả an lạc, đúng như ước nguyện.

GIẢI NGHĨA PUÑÑA – PHƯỚC

ATTANO SANTĀNAṂ PUNĀTI SODHETĪTI = PUÑÑAṂ

Việc làm nào tẩy rửa nội tâm của mình trong sạch, việc làm ấy gọi là Phước.

MAHĀKUSALACITTA

ĐẠI THIỆN TÂM

Mahākusalacitta – Đại Thiện tâm là tâm có tác ý thiện hảo cho nên đây là tâm không mắc tội lỗi và cho quả an lạc. Đặc biệt, các đại thiện tâm còn cho quả nhiều hơn bản thân, tức là sinh quả cả phía Vô nhân và Hữu nhân; đó chính là Ahetukakusalavipākacitta 8 tâm và Mahāvipākacitta 8 tâm.

PHÂN CHIA MAHĀKUSALACITTA 8 TÂM

- MAHĀKUSALACITTA (8)
  - somanassa (4)
    - ñāṇasampayutta
      - asaṅkhārika 1
      - sasaṅkhārika 1
    - ñāṇavippayutta
      - asaṅkhārika 1
      - sasaṅkhārika 1
  - upekkhā (4)
    - ñāṇasampayutta
      - asaṅkhārika 1
      - sasaṅkhārika 1
    - ñāṇavippayutta
      - asaṅkhārika 1
      - sasaṅkhārika 1

ÑĀṆASAMPAYUTTA – HỢP VỚI TRÍ

Ñāṇasampayutta nghĩa là kết hợp với trí tuệ, tương ưng với trí tuệ, có trí tuệ tham gia vào. Trí tuệ ở đây chính là Paññācetasika – Tuệ tâm sở có mặt trong các Kāmāvacarakusalacitta mà thôi; ấy là Kammassakatāpaññā và Vipassanāpaññā.

KAMMASSAKATĀPAÑÑĀ – Trí tuệ biết rõ rằng mọi chúng sinh đều có nghiệp là tài sản riêng của mình. Mỗi một chúng sinh chính là kẻ phải chịu trách nhiệm trước hành động, việc làm, lời nói, ý nghĩ của mình cho dù hành

động, việc làm,… đó thuộc về phía thiện hay phía ác. Cha mẹ, vợ chồng, con cái, tiền của, tài sản, v.v… tất cả đều thật sự không nằm trong quyền hạn của mỗi chúng ta, bởi vì chúng không thể theo chúng ta đi từ kiếp sống này sang kiếp sống khác. Ngay cả trong kiếp hiện tại này, chưa chắc chúng ta đã giữ được chúng cho vẹn toàn trước thiên tai, vận rủi, tai họa đang kéo tới. Do bởi chúng sẽ bị mất mát, hư hại, phân chia đi trước những hiểm nguy ấy.

KAMMASSAKATĀPAÑÑĀ CÓ 10 LOẠI LÀ:

1. Atthi dinnaṃ: thấy rằng việc làm phước cúng dường, bố thí sẽ có quả lợi ích, tốt đẹp.

2. Atthi yiṭṭhaṃ: thấy rằng việc cung kính, lễ bái sẽ có quả lợi ích, tốt đẹp.

3. Atthi hutaṃ: thấy rằng việc chào hỏi, mời mọc sẽ có quả lợi ích, tốt đẹp.

4. Atthi sukatadukkatānaṃ kammānaṃ phalaṃ vipāko: việc làm nghiệp thiện hoặc ác đều có quả trực tiếp hay gián tiếp.

5. Atthi ayaṃ loko: thấy rằng có kiếp này, tức là có người đến tái sinh trong kiếp này.

6. Atthi paro loko: thấy rằng có kiếp tới, tức là có người đi tái sinh trong kiếp tới.

7. Atthi mātā: thấy rằng công đức của mẹ hiện hữu, làm nghiệp thiện hay ác với mẹ sẽ có quả tốt xấu trong ngày vị lai.

8. Atthi pitā: thấy rằng công đức của cha hiện hữu, làm nghiệp thiện hay ác với cha sẽ có quả tốt xấu trong ngày vị lai.

9. Atthi sattā opapātikā: thấy rằng loài hoá sinh (sinh ra lớn liền) hiện hữu, tức là có các loài chúng sinh ở địa ngục, ngạ quỷ, a-tu-la, chư thiên, phạm thiên.

10. Atthi loke samaṇabrahmaṇā sammāpatipannā: thấy rằng có những bậc sa-môn, bà-la-môn thực hành chánh đạo, thấy rõ đời này đời sau và thuyết cho người khác biết theo nữa.

VIPASSANĀPAÑÑĀ – Tuệ quán, là trí tuệ của Pháp hành Thiền tuệ. Trí tuệ này thấy rõ 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới, 22 căn, 4 đế, 12 nhân duyên là thực tướng pháp của Danh – Sắc. Nghĩa là Trí tuệ thấy rõ mọi sự vật trên thế gian này, dù là hữu tình hay vô tình đều chỉ là danh và sắc 2 loại này mà thôi và Danh – Sắc này lúc sinh khởi rồi thì phải diệt vong đi, chỉ là vô thường, khổ và vô ngã. Trí tuệ nào thấy rõ đúng thực tánh như chân như thật của danh–sắc là vô thường, khổ và vô ngã, trí tuệ đó chính là Vipassanāpaññā.

SỰ SINH KHỞI CỦA BA LOẠI PAÑÑĀ

1. SUTĀMAYAPAÑÑĀ: Trí tuệ nào phát sinh do sự học tập, nghe hiểu, thuộc lòng, trí tuệ đó gọi là Sutāmayapaññā – Văn Tuệ. Trí tuệ này giúp sửa chữa những hiểu biết sai lầm mà đã được học, được biết trước đây; đồng thời giúp cho thấu hiểu những gì chưa từng biết.
2. CINTĀMAYAPAÑÑĀ: Trí tuệ phát sinh từ sự suy nghĩ, suy xét về cuộc sống của chúng sinh, chẳng hạn như: bệnh tật – vô bệnh, ngu đần – thông minh, khổ não – an lạc, yểu tướng – thọ mạng, nghèo đói – giàu sang, v.v… hoặc là trí tuệ đã từng nghe, từng học rồi đem ra suy nghĩ, tư duy hay tiên lượng bằng cách so sánh theo các tiêu chuẩn nêu trên và thấy rằng vô thường,… dựa trên cả 3 thời (quá khứ, hiện tại và vị lai); trí tuệ như thế gọi là Cintāmayapaññā – Tư Tuệ.
3. BHĀVANĀMAYAPAÑÑĀ: Trí tuệ phát sinh từ sự tu tập pháp hành thiền tuệ, đó chính là Vipassanābhāvanā – Tuệ quán. Trí tuệ này thấu hiểu sự thật của danh sắc là vô thường, khổ, vô ngã, và được gọi là Bhāvanāmayapaññā – Tu Tuệ.

ÑĀṆAVIPPAYUTTA – KHÔNG HỢP VỚI TRÍ

Ñāṇavippayutta nghĩa là không kết hợp với trí tuệ, không tương ưng với trí tuệ, không có trí tuệ tham gia vào. Mahākusalacitta loại này là những tâm có tác ý (cetanā) hành thiện nhưng không kết hợp với trí tuệ. Chẳng hạn làm phước, cúng dường theo phong tục tập quán, xưa bày nay làm, dựa vào đức tin (saddhā) là chính.

PHÂN LOẠI MAHĀKUSALACITTA THEO HETU – NHÂN

TIHETUKAKUSALA – TAM NHÂN THIỆN

Trong việc hành thiện các loại ví dụ như bố thí, cúng dường, trì giới, tham thiền v.v… cho dù là làm bằng thân, bằng khẩu hay bằng ý, nếu thiện nghiệp mà người ấy đang làm có kết hợp với một trong hai loại là kammassakatāñāṇa hoặc vipassanāñāṇa thì gọi là TIHETUKAKUSALA. Bởi lẽ đấy là thiện nghiệp mà được kết hợp với 3 nhân thiện là: alobhahetu, adosahetu và amohahetu; chi pháp bao gồm Mahākusalañāṇasampayutta 4 tâm.

DVIHETUKAKUSALA – NHỊ NHÂN THIỆN

Trong việc hành thiện các loại ví dụ như bố thí, cúng dường, trì giới, tham thiền v.v… cho dù là làm bằng thân, bằng khẩu hay bằng ý, nếu thiện nghiệp mà người ấy đang làm không kết hợp với một trong hai loại là kammassakatāñāṇa hoặc vipassanāñāṇa thì gọi là DVIHETUKAKUSALA. Bởi lẽ đấy là thiện nghiệp mà chỉ kết hợp với 2 nhân thiện là: alobhahetu và adosahetu (không kết hợp với amohahetu); chi pháp bao gồm Mahākusalañāṇavippayutta 4 tâm.

PHÂN CHIA MAHĀKUSALACITTA THEO CETANĀ – TÁC Ý

Khi làm việc phước thiện, cho dù kết hợp với trí hay không kết hợp với trí, các đại thiện tâm vẫn có tác ý – cetanā qua 3 thời như sau:

a, Pubbacetanā: tác ý sinh khởi trước khi làm.

b, Muñcacetanā: tác ý sinh khởi trong khi làm.

c, Aparacetanā: tác ý sinh khởi sau khi làm.

Khi phân chia Tihetukakusala và Dvihetukakusala theo năng lực của cetanā như đã nêu trên sẽ có 2 loại là:

- Ukkaṭṭhakusala: Thiện phước bậc cao.
- Omakakusala: Thiện phước bậc thấp.

1. UKKAṬṬHAKUSALA

Trong việc hành thiện các loại ví dụ như bố thí, cúng dường, trì giới, tham thiền v.v… trước lúc làm, trong lúc làm và sau khi làm xong; nếu tâm

của người đó không trộn lẫn với bất thiện, tức là tác ý trong sạch cả 3 thời thì thiện phước của người ấy cho dù là tihetukakusala hay dvihetukakusala vẫn được gọi là Ukkaṭṭhakusala – Thiện phước bậc cao.

2. OMAKAKUSALA

Trong việc hành thiện các loại ví dụ như bố thí, cúng dường, trì giới, tham thiền v.v… trước lúc làm, trong lúc làm và sau khi làm xong; nếu tâm của người đó trộn lẫn với bất thiện, tức là tác ý không trong sạch cả 3 thời thì thiện phước của người ấy cho dù là tihetukakusala hay dvihetukakusala vẫn được gọi là Omakakusala – Thiện phước bậc thấp.

Tóm lại, chúng ta có sự phân chia như sau:

TIHETUKAHETU {
- Ukkaṭṭhakusala – Thiện phước bậc cao
- Omakakusala – Thiện phước bậc thấp

DVIHETUKAHETU {
- Ukkaṭṭhakusala – Thiện phước bậc cao
- Omakakusala – Thiện phước bậc thấp

KĀMĀVACARAKUSALAKAMMA – DỤC GIỚI THIỆN NGHIỆP

Kāmāvacarakusalakamma nghĩa là sự làm việc tốt hay sự làm các hạnh lành mà liên quan với các đối tượng dục giới như sắc, thinh, hương, vị, xúc,… Các việc làm tốt đẹp này phát sinh bởi năng lực của tác ý (cetanā) có ở trong các Đại thiện tâm, đấy là yếu tố quan trọng để thành tựu các Dục giới thiện nghiệp này.

Dục giới thiện nghiệp được biểu hiện qua 2 dạng:

- Kammadvāra – Nghiệp môn
- Puññakriyāvatthu – Nhân tạo phước.

KAMMADVĀRA – NGHIỆP MÔN

Dục giới thiện nghiệp khi phân theo nghiệp môn có 3 môn là:

a, Nghiệp sinh khởi qua thân gọi là Kāyakamma – Thân nghiệp
b, Nghiệp sinh khởi qua khẩu gọi là Vacīkamma – Khẩu nghiệp

c, Nghiệp sinh khởi qua ý gọi là Manokamma – Ý nghiệp

Nếu chia theo loại của nghiệp thì có 10 loại là:

Kāyakamma có 3:	i, Pāṇātipātavirati – tránh sát sinh ii, Adinnādānavirati – tránh trộm cắp iii, Kāmesumicchācāravirati – tránh tà dâm
Vacīkamma có 4:	i, Musāvādavirati – tránh nói dối ii, Pisuṇavācāvirati – tránh lời hai lưỡi iii, Pharusavācāvirati – tránh lời ác độc iv, Samphappalāpavirati – tránh lời vô ích.
Manokamma có 3:	i, Anabhijjhā – thu thúc không cho tham khởi sinh ii, Abyāpāda – thu thúc không cho sân khởi sinh iii, Sammādiṭṭhi – có chánh kiến

Mười dục giới thiện nghiệp này được gọi là KUSALAKAMMAPATHA – THẬP THIỆN NGHIỆP ĐẠO.

CHI PHÁP CỦA KUSALAKAMMAPATHA – THẬP THIỆN NGHIỆP ĐẠO

a, Kāyakamma – Thân nghiệp có chi pháp là:

Sammākammantacetasika – Chánh nghiệp tâm sở, và
Sammāājīvacetasika – Chánh mạng tâm sở.

b, Vacīkamma – Khẩu nghiệp có chi pháp là:

Sammāvācācetasika – Chánh ngữ tâm sở, và
Sammāājīvacetasika – Chánh mạng tâm sở.

c, Manokamma – Ý nghiệp:

Anabhijjhā có chi pháp là Alobhacetasika – Vô tham tâm sở
Abyāpāda có chi pháp là Adosacetasika – Vô sân tâm sở
Sammādiṭṭhi – có chi pháp là Paññācetasika – Tuệ tâm sở

PUÑÑAKRIYĀVATTHU – NHÂN TẠO PHƯỚC

Puññakriyāvatthu nghĩa là điều thiện, việc tốt nên làm vì đấy là nhân để tạo nên những quả tốt đẹp, tức là nhân làm sinh khởi những kết quả thiện

hảo cùng với những lợi lạc mà người làm sẽ được nhận phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh, cơ hội v.v…

Nhân tạo phước có tất cả 10 loại là:

01. Dāna	bố thí
02. Sīla	trì giới
03. Bhāvanā	tu tiến
04. Apacāyana	cung kính
05. Veyyāvacca	phục vụ
06. Pattidāna	hồi hướng công đức
07. Pattānumodanā	tùy hỷ công đức
08. Dhammasavana	nghe pháp
09. Dhammadesanā	thuyết pháp
10. Diṭṭhujukamma	cải chánh quan kiến

NHÂN PHÁT SINH CỦA MAHĀKUSALACITTA

Mahākusalacitta được sinh khởi do nhờ Yonisomanasikāra – Như thật tác ý. Tức là có tác ý như chân như thật đúng với thực tánh của pháp. Một khi tâm tiếp xúc với đối tượng là sắc, thinh, hương, v.v… qua 6 môn, sẽ có sự quán sát đối tượng theo đúng thực tánh của nó đang hiện hữu, gọi là có *Yonisomanasikāra – Như thật tác ý*. Tuy nhiên để có Như thật tác ý phát sinh thì phải dựa vào các nhân duyên của quá khứ và hiện tại như sau:

- Pubbekatapuññatā	Thiện phước đã tạo trong đời trước.
- Paṭirūpadesavāsa	Ở trú xứ thích hợp.
- Sappurisūpanissaya	Thân cận bậc hiền trí.
- Saddhammassavana	Nghe pháp của các vị ấy.
- Attasammāpaṇidhi	Giữ mình theo nghiệp chánh.

QUẢ CỦA MAHĀKUSALACITTA

Mahākusalacitta sẽ cho 2 loại quả tính theo thời điểm là:

- Cho quả tại thời điểm tục sinh (paṭisandhikāla).
- Cho quả từ sau khi tục sinh đến khi chết (pavattikāla).

1. CHO QUẢ TẠI THỜI ĐIỂM TỤC SINH (PAṬISANDHIKĀLA)

Mahākusalakamma – Đại thiện nghiệp sinh khởi do năng lực của 10 Puññakriyavatthu hoặc là 10 Kusalakammapatha sẽ cho quả tại thời điểm tục sinh kiếp mới, trong Kāmasugatibhūmi – Dục giới thiện cảnh là:

- Mahāvipākacitta 8 tâm
- Upekkhāsantīraṇakusalavipākacitta 1 tâm và
- Kammajarūpa. (nghiệp khởi sắc)

Mahāvipākacitta 8 tâm là tâm quả, tái sinh thành người, chư thiên cõi dục giới trong Kāmasugatibhūmi, gồm có:

- manussabhūmi – cõi người
- devatābhūmi – cõi trời dục giới

Upekkhāsantīraṇakusalavipākacitta 1 tâm là tâm quả, tái sinh thành người bị khuyết tật bẩm sinh hoặc chư thiên bị khổ sở, thiếu thốn ở cõi trời Cātummahārāja – Tứ Đại thiên vương.

2. CHO QUẢ TRONG THỜI DIỄN TIẾN (PAVATTIKĀLA)

Quả phát sinh bởi Mahākusalakamma – Đại thiện nghiệp trong thời kỳ từ sau khi tục sinh đến chết (pavattikāla) có 2 loại là:

– Mahāvipākacitta 8 tâm, là quả có kết hợp với nhân – hetu tuỳ theo năng lực của cetanā trong các Mahākusalacitta, các quả tâm này sinh khởi trong các Dục giới thiện cảnh mà thôi, làm nhiệm vụ hộ kiếp – bhavaṅgakicca, hoặc tiếp đối tượng – tadālambanakicca, hoặc là nhiệm vụ chết – cutikicca, rời khỏi kiếp này.

– Ahetukakusalavipākacitta 8 tâm, là quả vô nhân, sinh khởi trong kāmabhūmi – dục giới 11 cảnh (4 apāya, 1 manussa và 6 devatā) và rūpabhūmi – sắc giới 15 cảnh (trừ Asaññasatta – trời Vô tưởng) phù hợp với đối tượng và căn môn. Có nhiệm vụ thấy, nghe, ngửi, v.v…các đối tượng tốt đẹp.

GIẢI NGHĨA VIPĀKA – QUẢ

AÑÑAMAÑÑAVISIṬṬHĀNAṂ KUSALĀKUSALĀNAṂ PĀKĀTI = VIPĀKĀ

Các pháp là sự chín muồi của thiện và bất thiện mà có sự tương quan sai biệt nhau gọi là Vipāka – Dị thục (Quả).

Sự tương quan sai biệt nghĩa là nghiệp thiện sẽ cho quả tốt tương ứng, nghiệp bất thiện sẽ cho quả không tốt tương ứng.

Có 2 loại quả là:

1. Mukhayaphala: quả trực tiếp, đó là các vipākacitta (quả tâm) và các cetasika (tâm sở) kết hợp. Gọi là quả trực tiếp vì đây là danh pháp, nhận đối tượng được, giống như nhân tạo quả này là bất thiện tâm hay thiện tâm vậy.

2. Sāmaññaphala: quả thông thường, đó là kammajarūpa – sắc do nghiệp sinh. Đây là một sắc pháp, có nhiệm vụ đón nhận sự sinh khởi của các vipākacitta – quả tâm, bao gồm hadayavatthurūpa – tâm cơ và pasādarūpa – tịnh sắc căn.

Ở đây, Vipāka chính là *mukhayaphala – quả trực tiếp*, theo như bộ chú giải Aṭṭhasālinī có ghi:

"Vipākabhāvaṃ āpannānaṃ arūpadhammānametaṃ adhivacanaṃ"
Quả nghiệp này là tên gọi của danh pháp đã đạt đến sự chín muồi.

MAHĀVIPĀKACITTA

ĐẠI QUẢ TÂM

VIPĀKACITTA – QUẢ TÂM là những tâm có tính chất như sau:

1, Vipākacitta là tâm không phải làm cho sinh khởi, nếu có thiện hoặc bất thiện làm nhân rồi thì quả là vipākacitta sẽ chắc chắn sinh ra.

2, Vipākacitta là tâm yên tịnh, không có một trạng thái nào biểu hiện ra cả; là tâm không cần có một sự nổ lực, cố gắng nào, và có năng lực yếu không giống như các tâm thiện, bất thiện hay duy tác.

3, Vipākacitta là tâm không hiển lộ rõ ràng, chỉ biểu hiện lúc nằm ngủ. Còn những lúc thức thì tâm lộ trình xuất hiện dưới dạng thiện, bất thiện hay duy tác.

4, Các tâm sở đồng sinh với các vipākacitta cũng có năng lực yếu kém, kể cả kammajarūpa – sắc do nghiệp sinh và cittarūpa – sắc do tâm sinh mà được sinh bởi các vipākacitta này cũng không biểu lộ trạng thái gì như các loại tâm khác.

MAHĀVIPĀKACITTA còn gọi là SAHETUKAKĀMĀVACARAVIPĀKACITTA gồm có 8 tâm, là quả trực tiếp của Mahākusalacitta – Đại thiện tâm sẽ cho quả trùng vị thứ với Đại quả tâm. Ví dụ: Đại thiện tâm thứ nhất cho quả là Đại quả tâm thứ nhất, tức là Mahākusalacitta somanassa, ñāṇasampayutta, asaṅkhārika có quả là Mahāvipākacitta somanassa, ñāṇasampayutta, asaṅkhārika.

MAHĀVIPĀKACITTA là *Abyākatadhamma – Vô ký pháp*, là pháp mà Đức Phật không dạy rằng ấy là thiện hay bất thiện.

MAHĀVIPĀKACITTA khác với MAHĀKUSALACITTA

Trong các Mahākusalacitta luôn có sự khác nhau của kamma – nghiệp, dvāra – môn, kammapatha – nghiệp đạo, và puññakriyāvatthu – nhân tạo phước; nhưng những sự khác nhau này không có trong Mahāvipākacitta. Ngoài ra, Mahāvipākacitta không làm cho các viññattirūpa – sắc cử động sinh

khởi, Mahāvipākacitta là quả đã chín muồi rồi nên không tạo quả tiếp theo và Mahāvipākacitta không có đối tượng là các chúng sinh (sattavapaññatti) cho nên các tâm sở karuṇā – bi, muditā – hỷ và ngay cả các viratīcetasika – tiết chế tâm sở (sammākammanta – chánh nghiệp, sammāvācā – chánh ngữ, sammāājīva – chánh mạng) cũng không đồng sinh với các Mahāvipākacitta.

MAHĀKRIYĀCITTA
ĐẠI DUY TÁC TÂM

KRIYĀCITTA – DUY TÁC TÂM là tâm không phải thiện, bất thiện hay quả mà chỉ là tâm làm phận sự nhận đối tượng qua 6 môn hoặc làm phận sự hoàn thiện sự nghĩ, sự nói, sự làm của bậc Thánh A-ra-hán và không tạo paccaya – duyên cho kusala hay akusala trong tương lai nữa . Kriyācitta – duy tác tâm có 2 loại là:

1. AHETUKAKRIYĀCITTA là những tâm không phải thiện hay bất thiện, cũng không phải là quả của thiện hay bất thiện. Chỉ là những tâm làm phận sự nhận đối tượng qua 6 môn mà thôi, không làm phận sự tốc hành tâm (ngoại trừ hasituppādacitta). Vì các tâm này không tạo nhân nên chúng cũng không cho quả.

2. SAHETUKAKĀMĀVACARAKRIYĀCITTA là tâm hoàn thiện sự nghĩ, nói và làm của bậc Thánh A-ra-hán, bậc đã đoạn tận các lậu hoặc. Các tâm này làm phận sự tốc hành tâm, thọ nhận đối tượng với vedanā – thọ là somanassa hay upekkhā, nhưng đấy chỉ là các cảm thọ thuần tuý, không phải là nhân của taṇhā – ái hay là nhân của upādāna – thủ, do vậy không thể tạo nên quả trong vị lai được.

SAHETUKAKĀMĀVACARAKRIYĀCITTA hay MAHĀKRIYĀCITTA là tâm có hetu – nhân kết hợp, sinh khởi phần nhiều để nhận các đối tượng dục giới và sinh ra trong rất nhiều cảnh giới, tất cả đến 26 cảnh giới (trừ 4 cảnh khổ và cõi trời Vô tưởng).

MAHĀKRIYĀCITTA có tính chất giống như Mahākusalacitta chỉ khác ở chỗ là Mahākusalacitta sinh khởi với chúng sinh các hạng nói chung, còn Mahākriyācitta sinh khởi với bậc Thánh A-ra-hán mà thôi. Do vậy cũng có 8 tâm, sinh với thọ hỷ hoặc xả, hợp với trí hay không hợp với trí, không cần tác động hay cần tác động.

MAHĀKRIYĀCITTA là tâm tiến hành các công việc của kusala như Mahākusalacitta, nhưng công việc của kusala ấy sẽ cho quả an lạc trong tương lai. Còn bậc Thánh A-ra-hán không cần quả gì cả khi làm các công việc này nên gọi là chỉ nghĩ, chỉ nói và chỉ làm mà thôi.

MAHAGGATACITTA
ĐẠI HÀNH TÂM

Mahaggatacitta – Đại hành tâm là những tâm đạt đến trạng thái cao thượng, quí báu. Đại hành tâm chia làm hai loại là:

1. Rūpāvacaracitta 15 tâm: là tâm của những bậc đã chứng thiền Sắc giới, đoạn trừ được các *nivaraṇa – chướng ngại* của nội tâm.
2. Arūpāvacaracitta 12 tâm: là tâm của những bậc đã chứng thiền Vô sắc giới, không còn những ngăn ngại của sắc.

RŪPĀVACARACITTA
SẮC GIỚI TÂM

RŪPĀVACARACITTA – SẮC GIỚI TÂM là tâm đã đạt đến đối tượng của thiền sắc giới, tức là những tâm sinh khởi trong Rūpabhūmi – Sắc giới. Đây là nơi phát sinh phần nhiều của *Vatthurūpa – Vật sắc* và *Kilesarūpa – Phiền não sắc.*

* Vatthurūpa – Vật sắc: bao gồm Rūpāvacaracitta 15 tâm và Cetasika 35 tâm sở.

* Kilesarūpa – Phiền não sắc: là Lobhacetasika – Tham tâm sở có liên quan tới Rūpataṇhā – Sắc ái, tức là sự ham muốn, hài lòng nơi sắc, thiền, thần thông và các cảnh trời sắc giới.

Rūpassa bhavoti = rūpaṃ
Cảnh giới nào là nơi phát sinh của vật sắc và phiền não sắc, cảnh giới ấy gọi là Sắc (Sắc giới).

Rūpe avacaratīti = rūpāvacanaṃ
Tâm nào lưu chuyển, sinh khởi trong cảnh giới là nơi sinh của vật sắc và phiền não sắc, tâm đó gọi là Sắc giới tâm.

GĀTHĀSAṄGAHA:

PAÑCADHĀ JHĀNABHEDENA RŪPĀVACARAMĀNASAṂ
PUÑÑAPĀKAKRIYĀBHEDĀ TAṂ PAÑCADASADHĀ BHAVA.

Sắc giới tâm phân chia theo thiền có 5 loại, phân chia theo thiện, quả và duy tác có 15 loại.

CẢNH TRỜI SẮC GIỚI CÓ 16 TẦNG TRỜI

1. Sơ thiền:
   - Parisajjā – Phạm Chúng thiên
   - Purohitā – Phạm Phụ thiên
   - Mahābrahmā – Đại Phạm thiên

2. Nhị thiền:
   - Parittābhā – Thiểu Quang thiên
   - Appamāṇābhā – Vô Lượng Quang thiên
   - Ābhassarā – Quang Âm thiên

3. Tam thiền:
   - Parittasubhā – Thiểu Tịnh thiên
   - Appamāṇasubhā – Vô Lượng Tịnh thiên
   - Subhakiṇhā – Biến Tịnh thiên

4. Tứ thiền:
   - Vehappalā – Quảng Quả thiên
   - Asaññasattā – Vô Tưởng thiên
   - Sudhāvāsā – Ngũ Tịnh Cư thiên, có 5 cảnh giới là:

     1. Avihā – Vô Phiền thiên
     2. Atappā – Vô Nhiệt thiên
     3. Sudassā – Thiện Hiện thiên
     4. Sudassī – Thiện Kiến thiên
     5. Akaniṭṭhā – Sắc Cứu Cánh thiên

NGHĨA CỦA JHĀNA – THIỀN

Theo Bộ Paramatthadīpanī, Jhāna – Thiền có 2 nghĩa:

1. Trạng thái chú tâm vào đối tượng:

Ārammanaṃ upanijjhāyatīti = jhānaṃ (Ārammaṇūpanijjhāna)

hoặc Trạng thái chú tâm vào bản chất:

Lakkhanaṃ upanijjhāyatīti = jhānaṃ (Lakkhaṇūpanijjhāna)

2. Trạng thái thiêu đốt các pháp đối nghịch:
Paccanīkadhamme jhāpetīti = Jhānaṃ

Ārammaṇūpanijjhāna là sự tiến hành chú tâm, chú mục vào các dấu hiệu của đối tượng để cho tâm an trú trên đối tượng. Chi pháp bao gồm: Mahaggatakusalacitta 9 và Mahaggatakriyācitta 9.

Lakkhaṇūpanijjhāna là sự tiến hành chú tâm, chú mục vào bản chất của đối tượng để cho paññā – tuệ thấy rõ đối tượng theo tam tướng là: aniccaṃ – vô thường, dukkhaṃ – khổ, anattā – vô ngã. Chi pháp bao gồm: Mahākusalasampayutta 4 tâm và Lokuttaracitta 8 tâm.

PAṬIPAKKHADHAMMA – PHÁP ĐỐI NGHỊCH với thiền chính là các *nivaraṇa – triền cái*, là những pháp chướng ngại, ngăn cản các thiện pháp, ngăn cản không cho các thiền tâm phát sinh, có 5 loại là:

a, *Kāmachandanivaraṇa:* Tham dục triền cái, chi pháp là lobhacetasika (tham tâm sở) là sự hài lòng, dính mắc nơi các đối tượng dục trần (sắc, thinh, hương v.v…)

b, *Byāpādanivaraṇa:* Sân hận triền cái, chi pháp là dosacetasika (sân tâm sở) là sự sân hận, không vừa lòng, suy nghĩ não hại người khác …

c, *Thīnamiddhanivaraṇa:* Hôn trầm – thụy miên triền cái, chi pháp là thīnacetasika (hôn trầm tâm sở) là sự dã dượi, co rút của tâm thức và middhacetasika (thụy miên tâm sở) là sự trì trệ, uể oải của tâm thức.

d, *Uddhaccakukkucca:* Trạo – hối triền cái, chi pháp là uddhacca-cetasika (phóng tâm tâm sở) là trạng thái phóng tâm, dao động và kukkuccacetasika (hối hận tâm sở) là trạng thái hối hận, hối tiếc với việc thiện không làm và việc ác đã làm.

e, *Vicikicchānivaraṇa:* Hoài nghi triền cái, chi pháp là vicikicchā-cetasika (hoài nghi tâm sở), là sự nghi ngờ, phân vân, làm phá hoại sự mạnh mẽ trong việc chú tâm vào đối tượng.

CÁC THIỀN CHI

Trong các thiện nghiệp như bố thí, trì giới chẳng hạn thì thiện tác ý (kusalacetanā) khởi sinh lúc nào, chính lúc ấy Đại thiện tâm (Mahākusalacitta) cũng sinh khởi lập tức. Nhưng với các *Rūpāvacarakusalacitta – Sắc giới thiện tâm* thì không phải như vậy. Rūpāvacarakusalacitta phát sinh lúc mà việc hành thiền định (samathakammaṭṭhāna) đạt đến *Appanāsamādhi – An chỉ định.* Tức là tâm phải đạt đến sự ổn cố, nhất tâm trên đối tượng của pháp hành thiền (ví dụ paṭhavīkasiṇa – biến xứ đất là một đối tượng). Nghĩa là lúc đang thực hành thiền định, một nhóm các tâm sở đồng sinh với tâm có nhiệm vụ thiêu đốt hay đè nén các *nivaraṇa – triền cái* (là các bất thiện pháp làm ngăn ngại không cho thiền phát sinh). Trong năm pháp nivaraṇa – triền cái này, dù chỉ một loại đang tồn tại, *Jhānacitta – Thiền tâm* sẽ không sinh khởi được. Do vậy lúc mà nhóm năm tâm sở làm nhiệm vụ thiêu đốt hay đè nén các nivaraṇa – triền cái được rồi thì *Jhānacitta – Thiền tâm* sẽ khởi sinh ngay.

Nhóm tâm sở đồng sinh với tâm được nói đến ở trên chính là: Vitakka – Tầm, Vicāra – Tứ, Pīti – Phỉ, Vedanā – Thọ (Sukha, Upekkhā), Ekaggatā – Nhất tâm. Năm tâm sở này sẽ đoạn trừ các triền cái, làm cho thiền tâm phát sinh và chúng biểu hiện ra dưới dạng các Thiền chi.

THIỀN ĐOẠN TRỪ CÁC TRIỀN CÁI

Việc đè nén hay đoạn trừ các nivaraṇa – triền cái do năng lực của Thiền gọi là *vikkhambhanapahāna – đoạn trừ do đè nén*. Khi nào Thiền chưa bị thối thất thì các triền cái không thể trỗi dậy được, nhưng một khi triền cái hiển hiện hay trỗi dậy thì chính lúc đó thiền bị suy thoái.

Các thiền chi làm nhiệm vụ đoạn trừ các triền cái như sau:

* Vitakka – Tầm	đoạn trừ	Thīnamiddha – Hôn trầm thụy miên.
* Vicāra – Tứ	đoạn trừ	Vicikicchā – Hoài nghi.

* Pīti – Phỉ	đoạn trừ	Byāpāda – Sân hận.
* Sukkha – Lạc	đoạn trừ	Uddhaccakukkucca – Trạo hối.
* Ekaggatā – Nhất tâm	đoạn trừ	Kāmachanda – Tham dục.

VITAKKA – TẦM

Vitakka – Tầm chính là việc nâng tâm đưa đến đối tượng trong lúc tiến hành thiền định sắc giới (Rūpajhāna). Trước hết hành giả cần có đề mục của thiền định sắc giới, ví dụ *Paṭhavīkasiṇa – Biến xứ đất* chẳng hạn để tâm chú mục vào đối tượng này; hành giả *parikamma – niệm thầm*: "paṭhavī", "paṭhavī",… (hoặc "đất", "đất", ….) luôn luôn chú tâm vào đề mục như thế. Hành giả cần cố gắng, đừng để tâm ra khỏi đề mục, suy nghĩ sang chuyện khác. Tại thời điểm mà tâm "rớt" khỏi đối tượng đang chú mục, *hôn trầm thụy miên* là trạng thái co rút, thoái thất, dã dượi sẽ làm tâm mất sự chú ý vào đề mục. Do vậy hành giả cần phải nâng tâm đưa đến đề mục lại lần nữa, chú tâm vào đối tượng, đừng để rớt khỏi đối tượng, chính *Vitakka – Tầm* làm nhiệm vụ này và tâm sở Tầm sẽ đoạn trừ *hôn trầm thụy miên* dưới dạng đè nén lại.

VICĀRA – TỨ

Vicāra – Tứ là sự nâng đỡ, dìu, duy trì tâm trên đối tượng đang chú mục. Khi *tầm* làm nhiện vụ nâng đưa tâm đến với đề mục thì *Vicāra – Tứ* nâng đỡ, duy trì, giữ gìn không cho tâm bị rớt khỏi đối tượng. Nếu như tâm có sự phân vân, hoài nghi phát sinh tại thời điểm đang chú tâm đến đối tượng rằng việc chú mục vào đối tượng có khả năng làm cho thiền sinh khởi hay không, v.v.. thì lúc đó việc giữ cho tâm trú được trên đề mục sẽ bị mất đi. Do vậy hành giả cần thiết phải sử dụng *Tứ* để giữ sự chú mục của tâm được an trú trên đề mục nhằm tránh khỏi sự nghi vấn, phân vân. Và chính *Vicāra – Tứ* làm phận sự đè nén *vicikicchānivaraṇa – hoài nghi triền cái* dưới dạng vikkhambhanapahāna – đoạn trừ do đè nén.

PĪTI – PHỈ

Pīti – Phỉ là sự phấn chấn, hoan hỷ trong lòng. Khi *tầm* nâng tâm đưa đến đối tượng, *tứ* duy trì tâm ổn cố trên đối tượng được rồi, sẽ phát sinh sự

phấn chấn, no đầy, phỉ lạc của nội tâm. Tại thời điểm tâm đang hoan hỷ, mát mẻ, tràn trề ấy, lòng sân hận, nóng nảy, bực bội sẽ không thể phát sinh lên được. Như vậy *Pīti – Phỉ* này có khả năng kiềm chế, đè nén không cho *byāpādanivaraṇa – sân hận triền cái* nổi lên.

Pīti – Phỉ có 5 loại là:

1. *Khuddakā pīti:* Có sự no đầy, hỷ hoan, phấn chấn nho nhỏ làm cho nổi da gà, dựng đứng lông trên thân thể. (Tiểu phỉ)
2. *Khaṇikā pīti:* Có sự no đầy, hỷ hoan, phấn chấn tạm thời như tia chớp sáng, phát sinh nhiều lần theo từng chặp. (Sát na phỉ)
3. *Okkantikā pīti:* Phỉ phát sinh xúc chạm thân thể, có cảm giác lâng lâng rồi biến mất như sóng biển xô bờ. (Hải triều phỉ)
4. *Ubbeṅgā pīti:* Phỉ sinh khởi mạnh mẽ hơn lên, có thể làm cho toàn thân bay lên không trung (chuyện thiếu nữ nhà ở gần Girimahāvihāra). (Khinh thăng phỉ)

Cả 4 loại Pīti – Phỉ này đều đồng sinh với Mahākusalacitta.

5. *Pharaṇā pīti:* Phỉ phát sinh thấm mát, lan tỏa khắp châu thân. Đây là Phỉ sinh ra khi hành giả đắc thiền sắc giới. (Sung mãn phỉ)

SUKHA – LẠC

Sukha – Lạc là một thiền chi, chính là thọ lạc trong tâm hay *somanassavedanā*. Sau khi nâng tâm đến đề mục, duy trì trạng thái chú tâm trên đối tượng đến độ nẩy sinh sự phấn chấn, phỉ lạc, nội tâm sẽ cảm thấy an lạc do sự an tịnh, xa rời trạo cử hối quá. Tại thời điểm cảm thọ niềm an lạc ấy, lạc thọ này sẽ thiêu đốt hay đè nén *uddhaccakukkuccanivaraṇa – trạo hối triền cái* dưới dạng *vikkhambhanapahāna – đoạn trừ do đè nén.*

Pīti và Sukha có trạng thái gần giống nhau, nghĩa là Pīti là sự phấn chấn, hoan hỷ khi gặp đối tượng đáng ưa thích còn Sukha chính là sự thọ nhận, cảm thụ đối tượng ấy.

Pīti có mặt ở đâu thì Sukha cũng có mặt ở đấy, tuy nhiên nơi nào có mặt Sukha thì nơi ấy có thể không có Pīti.

Pīti thuộc về *Saṅkhārakhandha – Hành uẩn* còn Sukha là *Vedanākhandha – Thọ uẩn.*

EKAGGATĀ – NHẤT TÂM

Ekaggatā – Nhất tâm là trạng thái mà tâm có một đối tượng duy nhất, duy trì trong một thời gian dài. Lúc đó tâm sẽ ổn cố, an định trên một đối tượng duy nhất là đề mục mà hành giả đang tiến hành thiền định. Tâm sẽ đạt trạng thái samādhi – định, không còn dao động trên các đối tượng khác nhau mà dừng lại, yên tịnh giống như ngọn lửa đứng yên không còn bị nghiêng ngã qua lại vì gió thổi nữa. Tâm an định này không dao động, phóng tâm tìm kiếm đối tượng theo sự mong cầu nữa, ấy là do năng lực của định hay *ekaggatā – nhất tâm* làm thiêu đốt hay đè nén phiền não nội tâm là *kāmachandanivaraṇa – tham dục triền cái.*

BA LOẠI SAMĀDHI

1, *Khaṇikasamādhi – Sát na định:* là sự an định của tâm trên đối tượng chỉ trong từng thời điểm ngắn.

2, *Upacārasamādhi – Cận định:* là sự an định của tâm trên đối tượng lúc gần đắc thiền.

3*, Appanāsamādhi – An chỉ định:* là sự an định của tâm trên đối tượng lúc nhập thiền, các phiền não bị đè nén không thể sinh khởi được.

Chi pháp của samādhi là *ekaggatācetasika – nhất tâm tâm sở.*

CẤP HẠNG CỦA THIỀN

Theo Abhidhamma thiền định sắc giới được phân thành 5 cấp hạng, gọi là JHĀNAPAÑCAKANAYA, như sau:

* *Paṭhamajhāna – Đệ nhất thiền*, có 5 thiền chi là: Vitakka – Tầm, Vicāra – Tứ, Pīti – Phỉ, Sukha – Lạc, Ekaggatā – Nhất tâm.

* *Dutiyajhāna – Đệ nhị thiền*, có 4 thiền chi là: Vicāra – Tứ, Pīti – Phỉ, Sukha – Lạc, Ekaggatā – Nhất tâm.

* *Tatiyajhāna – Đệ tam thiền,* có 3 thiền chi là: Pīti – Phỉ, Sukha – Lạc, Ekaggatā – Nhất tâm.

* *Catutthajhāna – Đệ tứ thiền*, có 2 thiền chi là: Sukha – Lạc, Ekaggatā – Nhất tâm.

* *Pañcamajhāna – Đệ ngũ thiền,* có 2 thiền chi là: Upekkhā – Xả, Ekaggatā – Nhất tâm.

1, PAṬHAMAJJHĀNA – ĐỆ NHẤT THIỀN

Đệ nhất thiền là thiền phát sinh trước nhất, lần đầu tiên vượt qua khỏi dục giới. Thiền này phải dựa vào cả năm thiền chi làm phương tiện thiêu đốt cả năm triền cái. Tâm được an định do các triền cái bị đè nén lần đầu tiên này gọi là *Paṭhamajhānakusalacitta – Đệ nhất thiền thiện tâm*. Cả năm thiền chi đều đồng sinh một lần, tại cùng một thời điểm và cùng làm nhiệm vụ thiêu đốt hay đè nén các triền cái, không phải là các thiền chi sinh khởi theo tuần tự mỗi lần một chi và làm nhiệm vụ rời rạc nhau.

2, DUTIYAJJHĀNA – ĐỆ NHỊ THIỀN

Đệ nhị thiền sinh khởi sau khi Đệ nhất thiền sinh khởi rồi.

Trong quá trình hành thiền, để cho phát sinh lên được thì cần làm cho Đệ nhất thiền sinh khởi liên tục, thường xuyên nhằm đào luyện nội tâm có định vững chắc, mạnh mẽ hơn lên và hành giả được thuần thục, rành rõi trong việc nhập thiền, xuất thiền. Sự rành rõi liên quan đến thiền gọi là *vasī – thuần thục*, có 5 loại thuần thục trong thiền là:

a, Āvajjanavasī: Sự thuần thục trong việc quán xét các thiền chi trước khi vào thiền nhằm giúp nhập định được nhanh chóng.

b, Samāpajjanavasī: Sự thuần thục trong việc nhập định.

c, Adhiṭṭhānavasī: Sự thuần thục trong việc trụ trong định.

d, Vuṭṭhānavasī: Sự thuần thục trong việc xuất định.

e, Paccavekkhaṇavasī: Sự thuần thục trong việc suy xét các chi thiền sau khi xuất định.

Khi hành giả thuần thục trong Đệ nhất thiền với cả 5 loại thuần thục nêu trên rồi, hành giả mới có thể tu tập Đệ nhị thiền được.

Lúc đó hành giả chú mục vào *Paṭibhāganimitta – Quang tướng* mà đã từng đạt được trong Đệ nhất thiền, không cần phải chú mục vào đề mục kasiṇa như trước nữa. Do sự thuần thục trong Đệ nhất thiền rồi nên hành giả không cần phải dựa vào *vitakka – tầm* để đưa tâm đến đối tượng, lại nữa bởi vì tâm đã nhập Đệ nhất thiền dễ dàng thuần thục rồi nên không bị thối thất, co rút khỏi đối tượng mà gắn chặt tốt vào đề mục; do vậy không cần nương nhờ *vitakka – tầm* để đè nén Thīnamiddhanivaraṇa, vì thế Hôn trầm Thụy miên không có cơ hội trổi dậy được, do đó Đệ nhị thiền chỉ có 4 thiền chi mà thôi, không có *vitakka – tầm*.

3, TATIYAJJHĀNA – ĐỆ TAM THIỀN

Đệ tam thiền sẽ được hành giả tiến hành tu tập, nếu như đã đắc Đệ nhị thiền rồi. Khi đó , hành giả cần phải tinh tấn thường xuyên làm cho Đệ nhị thiền khởi sinh đến độ thuần thục, rành rõi. Người thực hành để đạt đến thiền thứ ba này cần thấy lỗi, hạn chế của *vicāra – tứ* rằng nó có trạng thái thô thiển, không bền chắc, dễ suy thoái nên cố gắng từ bỏ *vicāra – tứ* nhằm đạt đến Đệ tam thiền có trạng thái vi tế hơn, ít thiền chi hơn. Do vậy hành giả chú mục vào *Paṭibhāganimitta – Quang tướng* tu tiến đến độ đắc Tam thiền, chỉ còn lại 3 thiền chi là pīti, sukha và ekaggatā, loại bỏ được vitakka, vicāra.

4, CATUTTHAJJHĀNA – ĐỆ TỨ THIỀN

Hành giả nhập xuất Tam thiền đến mức thuần thục, không còn ngăn ngại nữa sẽ cảm thấy chán chường đối với Tam thiền, đồng thời suy xét thấy rằng Pīti là sự phấn chấn, trần đầy, no đủ của thân tâm phát sinh trong Đệ tam thiền này có trạng thái lôi cuốn vào sự dao động, đong đưa của tâm, nên cho rằng trạng thái này còn thô thiển. Bởi vậy hành giả có nguyện vọng sẽ đạt thiền vi tế hơn thế, không nên dính mắc vào *pīti – phỉ* đang còn thô lậu này và hành giả tiếp tục tu tập Đệ tứ thiền bằng cách chú mục *Paṭibhāganimitta – Quang tướng* nhằm đoạn trừ *pīti – phỉ* đi, nên lúc Đệ tứ thiền phát sinh thì chỉ còn 2 thiền chi là *sukha – lạc* và *ekaggatā – nhất tâm* mà thôi.

5, PAÑCAMAJJHĀNA – ĐỆ NGŨ THIỀN

Là bậc thiền cuối cùng của thiền Sắc giới. Người đắc Tứ thiền rồi, nếu muốn tu tiếp Ngũ thiền thì phải quán xét đến lỗi của *sukha – lạc*, thấy rằng *lạc* đang còn là trạng thái thô thiển hơn *upekkhā – xả*. Rồi thì hành giả chú mục

vào *Paṭibhāganimitta – Quang tướng*, tiến hành thiền định qua các bước đến khi đắc *Pañcamajjhāna – Đệ ngũ thiền*. Ở Đệ ngũ thiền này, *sukhavedanā* được thay bởi *upekkhāvedanā – xả thọ* và thêm thiền chi *ekaggatā – nhất tâm*.

Sukhavedanā trong Đệ tứ thiền chính là hỷ lạc nội tâm, tức *somanassavedanā*.

ĐỀ MỤC (ĐỐI TƯỢNG) PHÁT SINH THIỀN

Đối tượng được đem ra làm đề mục để hành giả tu tập thiền định (samatha) cả 5 cấp độ thiền nêu trên đều là các *Chế định pháp – Paññatti*. Tức là phải giả định, quy ước một vật gì đó làm đề mục để hành giả chú tâm vào. Khi hành giả sử dụng các đề mục này làm đối tượng tu tiến thì sẽ đạt được các tầng thiền nhất định nào đó từ Đệ nhất đến Đệ ngũ thiền tùy theo loại đề mục này. Cụ thể như sau:

PAṬHAMAJJHĀNA – ĐỆ NHẤT THIỀN có 25 đề mục là:

a, 10 Kasiṇa – Biến xứ:

Paṭhavīkasiṇa	Biến xứ đất	Āpokasiṇa	Biến xứ nước
Tejokasiṇa	Biến xứ lửa	Vāyokasiṇa	Biến xứ gió
Nīlakasiṇa	Biến xứ màu xanh	Pītakakasiṇa	Biến xứ màu vàng
Lohitakasiṇa	Biến xứ màu đỏ	Odātakasiṇa	Biến xứ màu trắng
Ākāsakasiṇa	Biến xứ chân không	Ālokakasiṇa	Biến xứ ánh sáng

b, 10 Asubha – Bất tịnh:

Thây phình trướng	Thây bầm xanh
Thây máu mủ	Thây nứt nẻ
Thây thú ăn	Thây phân lìa
Thây rã rời	Thây máu chảy
Thây sâu đục	Xương xẩu lung tung

c, Ānāpānasati – Niệm hơi thở

d, Kāyagatāsati – Niệm thân

e, 3 Brahmavihāra – Phạm trú

– Mettā – Từ
– Karuṇā – Bi
– Muditā – Hỷ

DUTIYAJJHĀNA, TATIYAJJHĀNA, CATUTTHAJJHĀNA có 14 đề mục là:

10 Kasiṇa – Biến xứ, Ānāpānasati – Niệm hơi thở và 3 Brahmavihāra – Phạm trú.

PAÑCAMAJJHĀNA có 12 đề mục là:

10 Kasiṇa – Biến xứ, Ānāpānasati – Niệm hơi thở và Upekkhā Brahmavihāra – Xả Phạm trú.

JHĀNACATUKANAYA VÀ JHĀNAPAÑCAKANAYA — BỐN THIỀN VÀ NĂM THIỀN

Sự phân chia Thiền thành 5 cấp độ tùy theo sự đoạn trừ triền cái gọi là Jhānapañcakanaya – Năm thiền. Đây là sự phân chia theo Abhidhamma, đối với hạng hành giả có trí tuệ chậm khó có thể suy xét thấy lỗi của *vitakka* và *vicāra* trong cùng một thời điểm nên phải phân chia thiền thành năm loại. Hành giả loại này có tên gọi là *Mandapuggala.*

Nhưng theo tạng Kinh (Suttanta) thì chỉ có bốn thiền, ở đây chỉ cho hạng hành giả có tên là *Tikkhapuggala*, là người có trí tuệ nhanh nhạy, có khả năng loại bỏ *vitakka* và *vicāra* trong cùng một thời gian khi đang tiến hành tu tập đệ nhị thiền và rồi chứng đắc. Thiền chi chỉ còn 3 chi là pīti, sukha và ekaggatā.

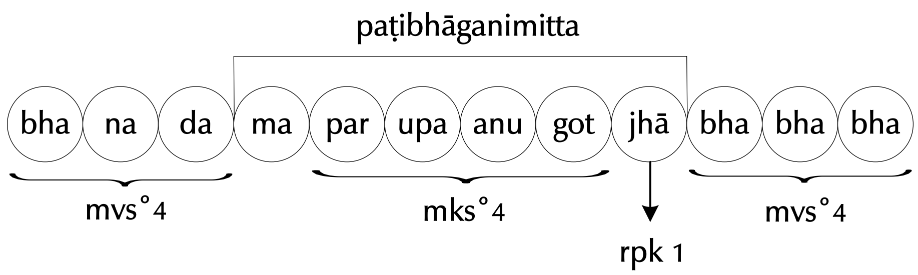
Do vậy, hành giả có thể vào Jhānasamāpatti – Nhập định từ đầu đến tận cùng gọi là Bát định, bao gồm 4 định Hữu sắc và 4 định Vô sắc.

RŪPĀVACARAKUSALACITTA 5
5 SẮC GIỚI THIỆN TÂM

Rūpāvacarakusalacitta là những tâm phát sinh do quá trình tu tập thiền định (samathabhāvanā). Hành giả cần sử dụng đề mục là các pháp chế định (paññatti) như đã nêu ở trên để tiến hành tu tập.

Bước đầu hành giả chú tâm vào đề mục, niệm thầm (parikamma), tại thời điểm này tốc hành tâm là các mahākusalacitta, hành giả trải qua các trạng thái ở cấp độ sơ định (parikammasamādhi) rồi cận định (upacārasamādhi). Khi hành giả tiếp tục phát triển tu tập, tăng cường định hơn nữa, vững chắc hơn, vi tế hơn, đến cấp độ an chỉ định (appanāsamādhi); lúc này tâm của hành giả sẽ chuyển từ mahākusalacitta thành rūpāvacarakusalacitta. Đệ nhất thiền thiện tâm lần đầu tiên khởi sinh với hành giả cùng với 5 thiền chi. Đây là thiện tâm cho quả paṭisandhi (tục sinh) ở các cõi trời Phạm thiên.

LỘ TRÌNH ĐỆ NHẤT THIỀN THIỆN TÂM



bha = bhavaṅgacitta – hộ kiếp tâm
na = bhavaṅgacalanacitta – hộ kiếp tâm rung động
da = bhavaṅguppacchedacitta – hộ kiếp tâm bị cắt
} mvs°4 = mahāvipāka ñāṇasampayutta 4

ma = manodvārāvajjanacitta – ý môn hướng tâm

par = parikamma – chuẩn bị
upa = upacāra – cận hành
anu = anuloma – thuận thứ
got = gotrabhū – chuyển tánh
} mks°4 = mahākusalañāṇasampayutta 4

jhā = jhānacitta – thiền tâm ⟶ rpk 1 = 1 rūpāvacarapaṭhamajjhānakusala

Đây là lộ trình tâm phát sinh thiền lần đầu tiên của hành giả tu tập thiền định và được chứng đắc.

Rūpāvacarakusalacitta có 5 tâm là:

1, Vitakkavicārapītisukhaekaggatāsahitaṃ paṭhamajjhānakusalacittaṃ
Đệ nhất thiền thiện tâm sinh với năm thiền chi là tầm, tứ, phỉ, lạc và nhất tâm.

2, Vicārapītisukhaekaggatāsahitaṃ dutiyajjhānakusalacittaṃ
Đệ nhị thiền thiện tâm sinh với bốn thiền chi là tứ, phỉ, lạc và nhất tâm.

3, Pītisukhaekaggatāsahitaṃ tatiyajjhānakusalacittaṃ
Đệ tam thiền thiện tâm sinh với ba thiền chi là phỉ, lạc và nhất tâm.

4, Sukhaekaggatāsahitaṃ catuthajjhānakusalacittaṃ
Đệ tứ thiền thiện tâm sinh với hai thiền chi là lạc và nhất tâm.

5, Ekaggatāsahitaṃ pañcajjhānakusalacittaṃ
Đệ ngũ thiền thiện tâm sinh với hai thiền chi là xả và nhất tâm.

NHỮNG ĐIỀU KIỆN BẢO TRÌ NIMITTA

Khi hành giả thấy dấu hiệu (nimitta) xuất hiện dưới dạng Paṭbhāganimitta – Quang tướng thì hành giả cần phải giữ gìn, bảo trì đừng để cho biến mất, vì đấy là bước trung chuyển để đắc thiền. Do vậy trong bộ Visuddhimagga dạy hành giả cần dựa vào 7 yếu tố thuận lợi sau đây nhằm bảo trì quang tướng:

1, Āvāso: là nơi ăn chốn ở, chỗ ở nào làm cho nimitta chưa từng sinh khởi được sinh khởi rồi phát triển hơn lên thì nên trú ngụ chỗ ấy.

2, Gocaro: tại trú xứ ấy, việc cơm nước dễ tìm kiếm, không phải đi xa quá hay gần quá.

3, Bhassa: nói những ngôn từ theo chánh pháp, ví dụ nói chuyện muốn ít, biết đủ v.v…; nhưng cũng cần nói vừa phải, không nên nói nhiều, không nói những chuyện ra ngoài giáo pháp.

4, Puggala: nên thân cận với những người có giới đức, tâm an tịnh và nên tránh xa người nói chuyện vô ích, người có tâm vọng động.

5, Bhojana: thức ăn phải hợp khẩu vị với mình, người nào thích mùi vị gì thì phải nên ăn uống thức ăn có mùi vị mà mình thích.

6, *Utu:* thời tiết cũng phải hợp với bản thân hành giả.

7, Iriyāpatha: các tư thế đi, đứng, nằm, ngồi phải phù hợp với chính mình. Cần điều chỉnh các căn – indriya thêm lên (saddhindriya, viriyindriya, satindriya, samādhindriya, paññindriya)

Rūpāvacarakusalacitta là tâm Asaṅkhārika hay Sasaṅkhārika cũng được:

- Theo Bộ Vibhāvinīṭīkā: Jhāna cần phải có parikamma, bước đầu phải niệm thầm nằm lòng đề mục hoài hoài; người muốn hành thiền phải có giới hạnh đầy đủ, cắt bỏ những tế toái, lo âu; cần thận trọng chu đáo với các yếu tố thuận lợi; sức khoẻ phải tốt. Do những nhân trên nên Jhānacitta được gọi là Sasaṅkhārika.
- Theo các Bộ chú giải khác Jhāna cần có sự quyết tâm trước đã, phải có sự an định cao, cần có nguyện vọng tu tập cao (chanda), cần có đức tin (saddhā) nơi các thiền, phải có quyết tâm cao độ mới đắc thiền. Bởi thế nên gọi là Asaṅkhārika.

RŪPĀVACARAVIPĀKACITTA 5
5 SẮC GIỚI QUẢ TÂM

Những thiền tâm này quả của các Sắc giới thiền thiện tâm. Các Rūpāvacaravipākacitta làm phận sự *paṭisandhi, bhavaṅga và cuti* của các bậc Phạm thiên ở 15 cõi trời Sắc giới (trừ cõi Asaññasatta).

Rūpāvacaravipākacitta có 5 tâm là:

1, Vitakkavicārapītisukhaekaggatāsahitaṃ paṭhamajjhānavipākacittaṃ
Đệ nhất thiền quả tâm sinh với năm thiền chi là tầm, tứ, phỉ, lạc và nhất tâm.

2, Vicārapītisukhaekaggatāsahitaṃ dutiyajjhānavipākacittaṃ
Đệ nhị thiền quả tâm sinh với bốn thiền chi là tứ, phỉ, lạc và nhất tâm.

3, Pītisukhaekaggatāsahitaṃ tatiyajjhānavipākacittaṃ
Đệ tam thiền quả tâm sinh với ba thiền chi là phỉ, lạc và nhất tâm.

4, Sukhaekaggatāsahitaṃ catuthajjhānavipākacittaṃ
Đệ tứ thiền quả tâm sinh với hai thiền chi là lạc và nhất tâm.

5, Upekkhāekaggatāsahitaṃ pañcamajjhānavipākacittaṃ
Đệ ngũ thiền quả tâm sinh với hai thiền chi là xả và nhất tâm.

Rūpāvacarakusalacitta là nhân làm sinh khởi Rūpāvacaravipākacitta, cho quả tâm trùng tâm và cho quả tục sinh trong các cảnh trời Sắc giới như sau:

Tâm thiện	Tâm quả	Tục sinh tại
Paṭhamajjhānakusala	Paṭhamajjhānavipāka	Paṭhamajjhānabhūmi
Dutiyajjhānakusala	Dutiyajjhānavipāka	Dutiyajjhānabhūmi
Tatiyajjhānakusala	Tatiyajjhānavipāka	Dutiyajjhānabhūmi
Catutthajjhānakusala	Catutthajjhānavipāka	Tatiyajjhānabhūmi
Pañcamajjhānakusala	Pañcamajjhānavipāka	Catutthajjhānabhūmi

Ghi nhận: Dutiyajjhānakusala và Tatiyajjhānakusala cho quả tục sinh trong cõi trời Dutiyajjhānabhūmi như nhau bởi vì trạng thái thiền chi của *vitakka* và *vicāra* rất gần nhau và hỗ trợ tương ưng qua lại lẫn nhau. Do thế, khi hành giả bỏ được *vitakka* nhưng chưa bỏ được *vicāra* hoặc đã bỏ được cả

hai thì cũng cho quả tục sinh trong cùng một cảnh giới thiền là Đệ nhị thiền sắc giới, nhưng quả được nhận sẽ hơn thua nhau là điều đương nhiên.

RŪPĀVACARAKRIYĀCITTA 5
5 SẮC GIỚI DUY TÁC TÂM

Rūpāvacarakriyācitta là tâm của bậc Thánh A–ra–hán đã đắc thiền Sắc giới. Các tâm này cũng có tính chất tương tự như Rūpāvacarakusalacitta chỉ khác là phát sinh trong nội tâm của các vị đã đoạn tận lậu hoặc, cắt đứt phiền não. Do vậy Rūpāvacarakriyācitta cũng có năm tâm như Rūpāvacarakusalacitta, ấy là:

1, Vitakkavicārapītisukhaekaggatāsahitaṃ paṭhamajjhānakriyācittaṃ
Đệ nhất thiền duy tác tâm sinh với năm thiền chi là tầm, tứ, phỉ, lạc và nhất tâm.

2, Vicārapītisukhaekaggatāsahitaṃ dutiyajjhānakriyācittaṃ
Đệ nhị thiền duy tác tâm sinh với bốn thiền chi là tứ, phỉ, lạc và nhất tâm.

3, Pītisukhaekaggatāsahitaṃ tatiyajjhānakriyācittaṃ
Đệ tam thiền duy tác tâm sinh với ba thiền chi là phỉ, lạc và nhất tâm.

4, Sukhaekaggatāsahitaṃ catuthajjhānakriyācittaṃ
Đệ tứ thiền duy tác tâm sinh với hai thiền chi là lạc và nhất tâm.

5, Upekkhāekaggatāsahitaṃ pañcamajjhānakriyācittaṃ
Đệ ngũ thiền duy tác tâm sinh với hai thiền chi là xả và nhất tâm.

Ghi nhận: Trong việc tu tập thiền định nói chung, khi đạt được thiền thì chi thiền sẽ đoạn trừ dưới dạng đè nén các triền cái tại thời điểm thiền tâm

phát sinh. Khi tâm rớt khỏi thiền hay thiền tâm bị suy yếu thì các triền cái được cơ hội trổi dậy. Điều này cho thấy các thiền chi có phận sự đè nén các triền cái mà thôi. Nhưng đối với bậc Thánh A–ra–hán đã đoạn tận lậu hoặc (khīnāsava), dứt trừ hết phiền não, không còn các triền cái nữa thì việc các thiền chi phát sinh không phải để diệt trừ hay đè nén các triền cái mà chỉ là một dấu hiệu cho thấy các Ngài đã bỏ được thiền chi thô và đang làm cho phát sinh thiền chi vi tế hơn. Bởi vậy việc hành thiền định của các bậc Thánh A–ra–hán thông qua trạng thái của các sampayuttadhamma (pháp tương ưng) mà đang chú mục theo quy luật của Pháp (Dhammaniyāma) chỉ nhằm để biết rằng Ngài đang ở tầng thiền nào thôi, không phải để đoạn trừ phiền não, nếu không thì không thể biết được bậc Thánh A–ra–hán đang ở trạng thái của tâm thiền nào.

RŪPĀVACARACITTA 15 TÂM SINH KHỞI Ở CẢNH GIỚI NÀO ?

* Rūpāvacarakusalacitta 5 tâm sinh khởi trong 22 bhūmi – cảnh giới là:

Kāmasugatibhūmi 7 (manussa 1 + devatā 6)
Rūpabhūmi 15 (trừ Asaññasatta)

* Rūpāvacaravipākacitta 5 tâm sinh khởi trong 15 bhūmi – cảnh giới là:

Rūpabhūmi 15 (trừ Asaññasatta)

* Rūpāvacarakriyācitta 5 tâm sinh khởi trong 22 bhūmi – cảnh giới là:

Kāmasugatibhūmi 7 (manussa 1 + devatā 6)
Rūpabhūmi 15 (trừ Asaññasatta)

Còn trong Arūpabhūmi – Vô sắc giới thì các Rūpāvacaracitta không thể sinh khởi được vì không có các đề mục thiền cho các tâm này phát sinh.

Trong *Asaññasattabhūmi – cảnh trời Vô tưởng*, không có *saññā tưởng*, nghĩa là không có tâm và tâm sở, cho nên các Thiền tâm cũng không thể phát sinh được. Ngoài ra, trong Apāyabhūmi – Khổ cảnh, là cảnh giới của các chúng sinh không phải là người tam nhân (tihetukapuggala), họ chỉ là những vô nhân chúng sinh, tục sinh với *Akusalaupekkhāsantīraṇacittaṃ – Bất thiện thọ xả suy đạt tâm*. Cho nên họ không thể đắc thiền được, và vì thế các thiền tâm cũng không phát sinh ở 4 cảnh khổ này.

ARŪPĀVACARACITTA
VÔ SẮC GIỚI TÂM

Arūpāvacaracitta là tâm sinh khởi do việc tu tập thiền định của những người đã đắc Rūpāvacarapañcamajjhāna – Ngũ thiền sắc giới rồi, khi họ tiếp tục tu tiến thiền định thì sẽ đắc thiền Vô sắc giới. Do vậy Vô sắc giới thiền tâm là những tâm lưu chuyển phần nhiều trong các cảnh giới mà đấy là nơi phát sinh của Vật vô sắc (Vatthuarūpa) và Phiền não vô sắc (Kilesaarūpa)

* Vatthuarūpa: bao gồm 12 vô sắc giới tâm và 30 tâm sở kết hợp.

* Kilesaarūpa: bao gồm arūpataṇhā hay sự hài lòng ưa thích nơi arūpajhāna (thiền vô sắc) và arūpabhava (cảnh giới vô sắc).

Arūpassa bhavoti = arūpaṃ

Cảnh giới nào là nơi sinh của vật vô sắc và phiền não vô sắc do vậy cảnh giới đó gọi là Vô sắc giới (arūpabhūmi)

Arūpe avacaratīti = arūpāvacaraṃ

Tâm nào phát sinh lưu chuyển trong cảnh giới là nơi sinh của vật vô sắc và phiền não vô sắc do vậy tâm đó gọi là Vô sắc giới tâm.

GĀTHĀSAṄGAHA:

ĀLAMBANAPPABHEDENA CATUTHĀRUPPAMĀNASAṂ
PUÑÑAPĀKAKRIYĀBHEDĀ PUNA DVĀDASADHĀṬHITAṂ

Vô sắc giới tâm phân chia theo đối tượng có 4 loại, còn phân chia theo thiện, quả, duy tác thì có tất cả 12 loại.

Giải thích: Khi phân chia theo đối tượng Vô sắc giới tâm có 4 loại là:

1. Ākāsānañcāyatana – Không vô biên xứ
2. Viññāṇañcāyatana – Thức vô biên xứ
3. Ākiñcaññāyatana – Vô sở hữu xứ
4. Nevasaññānāsaññāyatana – Phi tưởng phi phi tưởng xứ

Vô sắc giới tâm cả 4 loại này, khi phân chia theo sinh chủng tức là theo thiện, quả, duy tác thì được:

Arūpāvacarakusalacitta – Vô sắc giới thiện tâm có 4 tâm
Arūpāvacaravipākacitta – Vô sắc giới quả tâm có 4 tâm
Arūpāvacarakriyācitta – Vô sắc giới duy tác tâm có 4 tâm

Tổng cộng Arūpāvacaracitta 12 tâm.

Cả 12 Vô sắc giới tâm này được tính vào *Pañcamajjhāna – Đệ ngũ thiền* bởi vì đều có 2 thiền chi là Upekkhā và Ekaggatā như nhau và giống như 2 thiền chi của Rūpāvacarapañcamajjhāna. Tuy nhiên sự khác nhau giữa các tầng thiền trong Vô sắc giới thiền là khác ở chỗ đối tượng (đề mục) chứ không phải khác nhau về thiền chi như trong các thiền sắc giới. Ấy là:

1. Ākāsānañcāyatana là Đệ nhất thiền vô sắc (Paṭhamārūpajhāna) lấy hư không vô tận làm đối tượng.

2. Viññāṇañcāyatana là Đệ nhị thiền vô sắc (Dutiyārūpajhāna) lấy Paṭhamārūpajhānacitta làm đối tượng.

3. Ākiñcaññāyatana là Đệ tam thiền vô sắc (Tatiyārūpajhāna) lấy vô sở hữu làm đối tượng.

4. Nevasaññānāsaññāyatana là Đệ tứ thiền vô sắc (Catutthārūpajhāna) lấy Tatiyārūpajhānacitta làm đối tượng.

ĐỐI TƯỢNG CỦA CÁC THIỀN VÔ SẮC

Thiền Vô sắc có 4 loại đối tượng là:

1. KASIṆUGGHĀṬIMĀKĀSAPAÑÑATTI: Hành giả chứng đạt và thuần thục trong Ngũ thiền sắc giới rồi, muốn tu tiến hơn nữa thì phải quán xét hạn chế, nguy hại và sự bất cập của thiền sắc giới và tiếp tục hành thiền. Để vượt qua Sắc tưởng, hành giả phải nhập vào Ngũ thiền sắc giới với một trong 9 loại kasiṇa làm đề mục (trừ đề mục hư không) xả thiền rồi nắm lấy quang tướng (paṭibhāganimitta) ấy trải rộng quang tướng với tác ý "hư không vô tận" bằng cách niệm thầm: "ākāso ananto" cho đến khi thiền tâm phát sinh. Thiền vô

sắc giới này có tên là *Ākāsānañcāyatanajhāna – Không vô biên xứ thiền* có đối tượng (đề mục) là *Kasiṇugghāṭimākāsapaññatti – Hư không chế định phát sinh từ kasiṇa.*

2. ĀKĀSĀNAÑCĀYATANAJHĀNACITTA: Sau khi làm chủ được thiền Không vô biên xứ rồi, hành giả thấy thiền này có sắc thiền (quang tướng kasiṇa) là kẻ thù gần gủi, dễ dàng làm rơi trở lại sắc thiền, không được an tịnh bằng thiền bậc cao hơn nên hành giả lấy tâm Không vô biên xứ thiền ấy làm đối tượng tu tiến, rồi thấy rằng cái tâm đó hay thức đó cũng vô tận rồi niệm thầm "viññaṇaṃ anantaṃ" (thức vô tận) đến khi chứng đắc tầng thiền vô sắc thứ nhì gọi là *Viññāṇañcāyatanajhāna – Thức vô biên xứ thiền* có đề mục tu tập là *Ākāsānañcāyatanajhānacitta – Không vô biên xứ thiền tâm.*

3. NATTHIBHĀVAPAÑÑATTI: Chế định trạng thái không có gì cả làm đối tượng tu tập. Nghĩa là hành giả đã thuần thục trong Đệ nhị thiền vô sắc giới, thấy được hạn chế của Thức vô biên xứ thiền là vẫn còn thô thiển và rất gần với Không vô biên xứ thiền, nếu không nhập thiền Thức vô biên xứ hoài hoài thì thiền sẽ bị suy hoại sẽ dễ trở về lại với Không vô biên xứ thiền như cũ nên phát sinh sự mong mỏi làm sao cho Không vô biên xứ bị diệt tận khỏi nội tâm một cách tuyệt đối không còn gì nữa và hành giả cố gắng làm cho "trạng thái không có gì cả" hiện hữu lên thay bằng cách niệm thầm "natthi kiñci" (chẳng có gì cả) đến khi thiền tâm khởi sinh, đấy chính là *Ākiñcaññāyatanajhāna – Vô sở hữu xứ thiền* có đề mục là *Natthibhāvapaññatti – Chế định trạng thái không.*

4. ĀKIÑCAÑÑĀYATANAJHĀNACITTA: Là đối tượng của Đệ tứ thiền Vô sắc giới có tên gọi là *Nevasaññānāsaññāyatana*. Hành giả sau khi đắc Vô sở hữu xứ thiền rồi, thấy rằng thiền này vẫn còn hạn chế, còn thô thiển vì gần với Thức vô biên xứ thiền nên tác ý đến tầng thiền cao hơn, an tịnh hơn. Vị ấy nắm lấy Ākiñcaññāyatanajhānacitta làm đối tượng, quan sát sự tinh tế, tịch tịch của tâm này bằng cách tạo suy nghĩ rằng saññā – tưởng (ở đây cũng chính là tâm) tuy không có gì cả nhưng nói rằng không có cũng không đúng bởi vì đang hiện có sự cảm nhận; nói rằng không phải không có cũng không đúng bởi vì saññā – tưởng này vi tế, tịch tịnh, nhu nhiệm đến độ không biết rằng có cái gì nữa. Từ đó hành giả tu tiến trên đề mục này bằng niệm thầm "santametaṃ,

paṇītametaṃ" (tịch tịnh nhỉ, vi tế nhỉ) cho đến lúc thiền tâm phát sinh gọi là *Nevasaññānāsaññāyatana – Phi tưởng phi phi tưởng xứ thiền,* có đề mục là *Ākiñcaññāyatanajhānacitta – Vô sở hữu xứ thiền tâm.*

ARŪPĀVACARAKUSALACITTA
VÔ SẮC GIỚI THIỆN TÂM

Arūpāvacarakusalacitta – Vô sắc giới thiện tâm là tâm tu tiến thiền định vô sắc giới đạt được các tầng thiền vô sắc của các cảnh giới Phạm thiên vô sắc (Arūpabrahma). Có tất cả 4 tâm là:

1. Upekkhāekaggatāsahitaṃ ākāsānañcāyatanakusalacittaṃ
Không vô biên xứ thiền thiện tâm sinh với 2 thiền chi là xả và nhất tâm.

2, Upekkhāekaggatāsahitaṃ viññāṇañcāyatanakusalacittaṃ
Thức vô biên xứ thiền thiện tâm sinh với 2 thiền chi là xả và nhất tâm

3, Upekkhāekaggatāsahitaṃ ākiñcaññāyatanakusalacittaṃ
Vô sở hữu xứ thiền thiện tâm sinh với 2 thiền chi là xả và nhất tâm

4, Upekkhāekaggatāsahitaṃ nevasaññānāsaññāyatanakusalacittaṃ
Phi tưởng phi phi tưởng xứ thiền thiện tâm sinh với 2 thiền chi là xả và nhất tâm

ARŪPĀVACARAVIPĀKACITTA
VÔ SẮC GIỚI QUẢ TÂM

Arūpāvacaravipākacitta là tâm quả của Vô sắc giới thiện tâm, làm nhiệm vụ paṭisandhi – tục sinh, bhavaṅga – hộ kiếp và cuti – tử tâm. Những vị đắc thiền Vô sắc trong cõi Dục giới sẽ tái sinh vào các cõi trời Phạm thiên vô sắc giới bằng các tâm quả này, có 4 tâm quả Vô sắc là:

1, Upekkhāekaggatāsahitaṃ ākāsānañcāyatanavipākacittaṃ
Không vô biên xứ thiền quả tâm sinh với 2 thiền chi là xả và nhất tâm

2, Upekkhāekaggatāsahitaṃ viññāṇañcāyatanavipākacittaṃ
Thức vô biên xứ thiền quả tâm sinh với 2 thiền chi là xả và nhất tâm

3, Upekkhāekaggatāsahitaṃ ākiñcaññāyatanavipākacittaṃ
Vô sở hữu xứ thiền quả tâm sinh với 2 thiền chi là xả và nhất tâm

4, Upekkhāekaggatāsahitaṃ nevasaññānāsaññāyatanavipākacittaṃ
Phi tưởng phi phi tưởng xứ thiền quả tâm sinh với 2 thiền chi là xả và nhất tâm

ARŪPĀVACARAKRIYĀCITTA
VÔ SẮC GIỚI DUY TÁC TÂM

Arūpāvacarakriyācitta là tâm của bậc Thánh A–ra–hán đắc thiền định vô sắc giới. Các tâm này cũng giống như các Arūpāvacarakusalacitta nhưng khác ở chỗ là phát sinh trong nội tâm của các vị A–ra–hán, người thường không thể có được. Vô sắc giới thiện tâm cũng có 4 tâm là:

1, Upekkhāekaggatāsahitaṃ ākāsānañcāyatanakriyācittaṃ
Không vô biên xứ thiền duy tác tâm sinh với 2 thiền chi là xả và nhất tâm

2, Upekkhāekaggatāsahitaṃ viññāṇañcāyatanakriyācittaṃ
Thức vô biên xứ thiền duy tác tâm sinh với 2 thiền chi là xả và nhất tâm

3, Upekkhāekaggatāsahitaṃ ākiñcaññāyatanakriyācittaṃ
Vô sở hữu xứ thiền duy tác tâm sinh với 2 thiền chi là xả và nhất tâm

4, Upekkhāekaggatāsahitaṃ nevasaññānāsaññāyatanakriyācittaṃ
Phi tưởng phi phi tưởng xứ thiền duy tác tâm sinh với 2 thiền chi là xả và nhất tâm

NGHĨA CỦA CÁC THIỀN VÔ SẮC

1, Ākāsānañcāyatana – Không vô biên xứ chiết tự thành:

ākāsa + anañca + āyatana
– ākāsa: không gian, chỗ trống.
– anañca: vô tận, vô biên (ananta)
– āyatana: xứ, chỗ đứng, lập cước.

Ākāsānañcāyatana – Không vô biên xứ nghĩa là không gian mà tước bỏ paṭibhāganimitta – quang tướng đi, không có chỗ tận cùng làm chỗ lập cước của tâm. Giống như một phước xá lớn, chứa đầy châu ngọc, việc tước bỏ quang tướng đi chính là đem châu ngọc ra khỏi phước xá đó, chỉ còn lại khoảng không, tâm sẽ chú mục vào khoảng không đó.

2, Viññāṇañcāyatana – Thức vô biên xứ chiết tự thành:

viññāṇa + anañca + āyatana
– viññāṇa: thức, tâm
– anañca: vô tận, vô biên (ananta)
– āyatana: xứ, chỗ đứng, lập cước.

Viññāṇañcāyatana – Thức vô biên xứ nghĩa là tâm chú mục vào đối tượng là tâm thức trước đó nhận biết không gian là vô tận. Giống như phước xá trống rỗng đó, giờ đây chư Tăng tập trung hành Tăng sự, tâm chỉ chú mục vào chư Tăng đang ngồi trong phước xá mà không để ý gì đến kích cỡ, giới hạn của phước xá nữa.

3. Ākiñcaññāyatana – Vô sở hữu xứ chiết tự thành:

na + kiñcana + āyatana
– na: không, không có
– kiñcana: còn lại, sở hữu, hiện có
– āyatana: xứ, chỗ đứng, lập cước.

Ākiñcaññāyatana – Vô sở hữu xứ nghĩa là tâm nhận đối tượng là trạng thái không có, diệt mất của đệ nhất thiền vô sắc. Giống như phước xá lớn mà chư Tăng đang hành Tăng sự đó, giờ đây các vị đã xong phận sự và trở về chỗ nghỉ rồi, không còn một vị nào nữa; khi đó đối tượng là sự không có một vị

Tăng nào cả và cũng không quan tâm đến biên giới của phước xá làm gì.

4, *Nevasaññānāsaññāyatana – Phi tưởng phi phi tưởng xứ* chiết tự thành:

na + eva + saññā + na + asaññā + āyatana
– na: không, không phải, phi
– eva: vậy
– saññā: tưởng, có tưởng
– asaññā: không có tưởng, phi tưởng
– āyatana: xứ, chỗ đứng, lập cước.

Nevasaññānāsaññāyatana – Phi tưởng phi phi tưởng xứ nghĩa là trạng thái tâm nhận đối tượng rất vi tế đến độ bảo rằng *có tưởng* cũng không đúng, không phải *không có tưởng* cũng không đúng. Giống như một sa-di lấy dầu thoa bình bát cho khỏi rỉ rét, vị thầy bảo sa-di đem bát tới để đựng thức ăn; vị sa-di thưa rằng bình bát đang có dầu. Sư Thầy lại bảo đem dầu đến để rót vào cây đèn, vị sa-di thưa lại rằng dầu không có đủ để đổ vào đèn được, chỉ để chống rỉ rét mà thôi. Tâm này cũng như thế, có đối tượng rất vi tế, nhỏ nhiệm khó mà xác nhận là có tưởng hay không có tưởng.

NƠI SINH KHỞI CỦA VÔ SẮC GIỚI TÂM

** Arūpāvacarakusalacitta 4 tâm sinh khởi trong 26 cõi là:*

- Kāmāsugatibhūmi 7 – 7 Dục giới lạc cảnh
- Rūpabhūmi 15 – 15 cảnh thiền Sắc giới (trừ Asaññasatta)
- Arūpabhūmi 4 – 4 cảnh thiền Vô sắc (trừ tầng thiền thấp hơn thiền của mình đạt)

** Arūpāvacaravipākacitta 4 tâm sinh khởi trong 4 cõi là:*
Arūpabhūmi 4 – 4 cảnh thiền Vô sắc (chỉ trong cảnh giới của mình)

** Arūpāvacarakriyācitta 4 tâm sinh khởi trong 26 cõi là:*

- Kāmāsugatibhūmi 7 – 7 Dục giới lạc cảnh
- Rūpabhūmi 15 – 15 cảnh thiền Sắc giới (trừ Asaññasatta)
- Arūpabhūmi 4 – 4 cảnh thiền Vô sắc (trừ tầng thiền thấp hơn thiền của mình đạt)

LOKUTTARACITTA

SIÊU THẾ TÂM

Lokuttaracitta là tâm siêu thế gian, vượt khỏi thế gian, là tâm có đối tượng vượt ra ngoài trạng thái pháp hiện hữu trên thế gian, nói khác đi là tâm có thể nhận đối tượng đặc biệt, siêu thế ấy là Nibbāna – Niết bàn. Có tất cả 8 hay 40 tâm nhận Nibbāna làm đối tượng một cách chắc chắn, nên được gọi là Lokuttaracitta – Siêu thế tâm.

Lokuttaracitta chiết tự thành:

Loka + uttara + citta = Lokuttaracitta

– *Loka:* thế gian, thế giới, bao gồm cả Tam giới là: Kāmaloka - Dục giới, Rūpaloka - Sắc giới và Arūpaloka – Vô sắc giới.

Loka còn mang nghĩa khác là cái mà phải hoại diệt, biến mất là điều thông thường.

– *Uttara:* trên, siêu, vượt khỏi, vượt ra, ...

Vậy Lokuttaracitta là tâm vượt khỏi Tam giới, không còn lưu chuyển trong Tam giới; nghĩa là tâm này có đối tượng vượt ra khỏi thế gian, tức là tâm này lấy Niết bàn làm đối tượng. Niết bàn là pháp siêu thế, vượt ngoài thế gian.

Lokuttaracitta có đối tượng thoát khỏi sự sinh diệt (Niết bàn) không có nghĩa là tâm này không sinh diệt. Tâm siêu thế vẫn có sự sinh diệt theo đúng bản chất của nó, tuy nhiên nó nhận đối tượng là một pháp không sinh diệt, thoát khỏi sự sinh diệt. Đối tượng này chính là Niết bàn, là pháp không bị sinh diệt, không bị hủy hoại, không bị biến đổi, là pháp không bị tác động, không bị quy định, không bị tạo tác, v.v... là *Asaṅkhatadhamma – Pháp Vô vi.*

Thông thường, vạn pháp trên thế gian này đều bị tác động, bị tạo tác, phải sinh diệt, ... Nhưng Niết bàn thì không như thế, Niết bàn là một pháp siêu thế, không bị tạo tác bởi 4 duyên là: *kamma – nghiệp, citta – tâm, utu – thời tiết và āhāra – thức ăn.*

GĀTHĀSAṄGAHA:

CATUMAGGAPPABHEDENA CATUDHĀ KUSALANTATHĀ
PĀKANTASSA PHALATTĀTI AṬṬHADHĀNUTTARAṂ MATAṂ.

Nói gọn lại, Tâm siêu thế có 8 tâm. Phân chia theo bốn Đạo thì có 4 thiện tâm, cũng vậy các tâm dị thục là quả của các tâm trên.

Như vậy, Lokuttaracitta 8 tâm này chia làm 2 sinh chủng là:

Kusalajāti – Thiện chủng: gọi là Lokuttarakusalacitta hay Maggacitta có 4 tâm, gọi tên theo tên của thiền khởi sinh tại sát-na tâm đó vì là tâm đồng sinh với các *Ariyamagga – Thánh đạo*.

Vipākajāti – Quả chủng: gọi là Lokuttaravipākacitta hay Phalacitta, có 4 tâm vì chúng là quả của các lokuttarakusalacitta.

Lokuttaracitta chỉ có Lokuttarakusala và Lokuttaravipāka mà không có Lokuttarakriyā. Nếu như có Lokuttarakriyā thì có nghĩa là các tâm này chính là Lokuttarakusala nhưng sinh khởi nơi nội tâm của bậc Thánh A-ra-hán; giống như Mahākusalacitta hoặc Mahaggatakusala sinh khởi nơi nội tâm của bậc Thánh A-ra-hán thì gọi là Mahākriyā hay Mahaggatakriyā. Và các loại tâm này sẽ sinh khởi thường xuyên trong tâm của bậc Thánh A-ra-hán.

Tuy nhiên, Maggacitta chỉ phát sinh mỗi Đạo tâm một lần mà thôi, tức là Sotāpattimaggacitta, Sakadāgāmimaggacitta, Anāgāmimaggacitta chí đến Arahantamaggacitta sinh khởi mỗi maggacitta một lần mà thôi. Bởi vì các Maggacitta mỗi lần sinh khởi đều có phận sự đoạn trừ tuyệt đối các anusayakilesa – phiền não ngủ ngầm trong nội tâm, đến khi đắc Đạo Quả A-ra-hán thì không còn kilesa – phiền não nào nữa để đoạn trừ, cho nên không cần phải có Maggacitta phát sinh để đoạn trừ phiền não nữa, do vậy không cần phải có Lokuttarakriyā vậy.

LOKUTTARADHAMMA – PHÁP SIÊU THẾ gồm có 9 Pháp là: 4 Maggacitta – Đạo tâm, 4 Phalacitta – Quả tâm và 1 Nibbāna – Niết bàn.

Trong đó, 8 Lokuttaracitta mặc dầu là Pháp Siêu thế nhưng vẫn là Saṅkhatadhamma – Pháp Hữu vi, vẫn bị các duyên tạo tác. Chỉ có Nibbāna mới là Asaṅkhatadhamma – Pháp Vô vi mà thôi, không bị các duyên tạo tác.

MAGGACITTA

ĐẠO TÂM

Maggacitta – Đạo tâm hay còn gọi là *Lokuttarakusala*, mang nhiều nghĩa như sau:

1, Lokuttarakusala là Thiện pháp giúp vượt thoát khỏi Tam giới.

2, Lokuttarakusala là Thiện pháp làm vượt khỏi hạng phàm phu chúng sinh, trở thành bậc Thánh nhân.

3, Lokuttarakusala là Thiện tâm sinh khởi nhận đối tượng siêu thế là Niết bàn.

4, Lokuttarakusala là Thiện tâm có năng lực vượt trội các Lokīyakusala, bởi lẽ diệt tận các bất thiện và đoạn trừ tuyệt đối các phiền não.

Các Thiện pháp lưu hành trong Tam giới gọi là *Lokīyakusala* này luôn tạo nên *cuti – diệt* và *paṭisandhi – tái sinh* trong vòng *vaṭṭa – luân hồi* không ngừng nghỉ. Do vậy, Lokīyakusala lưu hành trong Tam giới được gọi là *Ācayagāminī – Tích tập pháp* hoặc *Vaṭṭagāminīkusala – Lưu chuyển thiện pháp*. Còn các Lokuttarakusala thì ngược lại, luôn đập tan, phá bỏ cuti và paṭisandhi mà do các Lokīyakusala tạo tác ra bằng cách phá bỏ các duyên sinh pháp, cho nên có tên gọi là *Apacayagāminī – Phi tích tập pháp* hoặc *Vivaṭṭagāminīkusala – Phi lưu chuyển thiện pháp*.

Lokutarakusala hay Maggacitta nói rút gọn có 4 tâm là:

a, Sotāpattimaggacitta – Nhập lưu đạo tâm, là Đạo tâm thứ nhất
b, Sakadāgāmimaggacitta – Nhất lai đạo tâm, là Đạo tâm thứ nhì
c, Anāgāmimaggacitta – Bất lai đạo tâm, là Đạo tâm thứ ba
d, Arahantamaggacitta – A-ra-hán đạo tâm, là Đạo tâm thứ tư.

GIẢI THÍCH: Theo 4 loại ý nghĩa trên, ta có thể giải thích các Đạo tâm như sau:

1, Lokuttarakusala là Thiện pháp giúp vượt thoát khỏi Tam giới, nghĩa là:

* Sotāpattimaggacitta – Nhập lưu đạo tâm cùng với Sakadāgāmimaggacitta – Nhất lai đạo tâm làm cho vượt khỏi 4 Apāyabhūmi – Cảnh khổ trong Dục giới.

* Anāgāmimaggacitta – Bất lai đạo tâm giúp vượt thoát khỏi 11 Kāmabhūmi – Dục giới.

* Arahantamaggacitta – A-ra-hán đạo tâm giúp vượt thoát khỏi cả Tam giới.

2, Lokuttarakusala là Thiện pháp làm vượt khỏi hạng phàm phu chúng sinh, trở thành bậc Thánh nhân, nghĩa là:

* Sotāpattimaggacitta làm cho phàm phu trở thành Sotāpattimagga-puggala – Nhập lưu đạo thánh nhân.

* Sakadāgāmimaggacitta làm cho phàm phu trở thành Sakadāgāmi-maggapuggala – Nhất lai đạo thánh nhân.

* Anāgāmimaggacitta làm cho phàm phu trở thành Anāgāmimagga-puggakla – Bất lai đạo thánh nhân.

* Arahantamaggacitta làm cho phàm phu trở thành Arahantamagga-puggala – A-ra-hán đạo thánh nhân.

3, Lokuttarakusala là Thiện tâm sinh khởi nhận đối tượng siêu thế là Niết bàn, nghĩa là Niết bàn là Ārammaṇapaccaya – Đối tượng duyên của 4 Maggacitta. Hay nói khác đi, Lokuttarakusala 4 tâm này sinh khởi do năng lực của Niết bàn làm đối tượng và bởi vì Niết bàn là Lokuttaradhamma nên cả 4 Maggacitta này được gọi là Lokuttarakusala.

4, Lokuttarakusala là Thiện tâm có năng lực vượt trội các Lokīyakusala, có nghĩa là một loại thiện tâm có năng lực diệt tận các bất thiện, đoạn trừ tuyệt đối các phiền não.

TÍNH CHẤT CỦA VIỆC ĐOẠN TRỪ PHIỀN NÃO

Kilesa – phiền não là pháp phiền muộn, não hại, nóng nực, khi phân chia theo trạng thái biểu hiện sẽ có 3 loại phiền não là:

1, Vitikkamakilesa – Phiền não thô thiển: là loại phiền não nặng nề, thô tháp, biểu hiện ra bên ngoài thông qua thân môn và khẩu môn. Đây là những ác hạnh, tạo nên các ác nghiệp (ducaritakamma). Phiền não loại này có thể đoạn trừ được bằng *sīla – giới*, là sự đoạn trừ tạm thời tại thời điểm đang giữ

giới hạnh nghiêm túc. Sự đoạn trừ phiền não tạm thời này gọi là *Tadaṅgapahāna – Đoạn trừ nhất thời.*

2, Pariyuṭṭhānakilesa – Phiền não trung bình: là loại phiền não phát sinh trong ý môn, không biểu lộ ra ngoài bằng thân môn và khẩu môn. Phiền não loại này được đoạn trừ bằng *samādhi – định* trong khoảng thời gian mà năng lực của thiền chưa bị suy thoái nên gọi là *Vikkhambhanapahāna – Đoạn trừ đè nén.*

3, Anusayakilesa – Phiền não vi tế: là loại phiền não nhỏ nhiệm, vi tế, ngủ ngầm trong nội tâm của chúng sinh mà không một ai có thể thấy biết được ngoại trừ Đức Chánh Đẳng Giác. Phiền não vi tế loại này chỉ được đoạn trừ bằng *paññā – tuệ* trong Maggacitta – Đạo tâm mà thôi, và chính Maggacitta này mới có khả năng đoạn tận, diệt trừ tuyệt đối các phiền não ngủ ngầm, không còn mầm mống để phát sinh lại nữa, nên cách đoạn tận này gọi là *Samucchedapahāna – Đoạn trừ tuyệt đối* .

Nói tóm lại:

– Vitikkamakilesa đoạn trừ bằng *Mahākusalacitta* liên quan đến giới, gọi là *Tadaṅgapahāna – Đoạn trừ nhất thời.*

– Pariyuṭṭhānakilesa đoạn trừ bằng *Mahagatakusalacitta* liên quan đến định, gọi là *Vikkhambhanapahāna – Đoạn trừ đè nén.*

– Anusayakilesa đoạn trừ bằng *Maggacitta* liên quan đến tuệ gọi là *Samucchedapahāna – Đoạn trừ tuyệt đối.*

MAGGACITTA ĐOẠN TẬN CÁC BẤT THIỆN PHÁP

Bất thiện pháp có rất nhiều dạng, tùy theo sự phân chia của Tạng Kinh hay Tạng Abhidhamma. Ở đây, chúng ta sẽ nói đến sự đoạn tận các bất thiện pháp theo từng Maggacita và chỉ xét đến các bất thiện pháp là các *Saṃyojana – Thằng thúc* (còn gọi là kiết sử) mà thôi.

Saṃyojana – Thằng thúc là 10 sợi dây trói buột chúng vào vòng sinh tử luân hồi. Theo Tạng Kinh thì 10 sợi dây hay kiết sử đó là:

1, Diṭṭhisaṃyojana – Tà kiến kiết sử

2, Vicikicchāsaṃyojana – Hoài nghi kiết sử

3, Sīlabbataparāmāsasaṃyojana – Giới cấm thủ kiết sử
4, Kāmarāgasaṃyojana – Dục ái kiết sử
5, Paṭighasaṃyojana – Sân kiết sử
6, Rūparāgasaṃyojana – Sắc ái kiết sử
7, Arūparāgasaṃyojana – Vô sắc ái kiết sử
8, Mānasaṃyojana – Mạn kiết sử
9, Uddhaccasaṃyojana – Phóng tâm kiết sử
10, Avijjāsaṃyojana – Vô minh kiết sử

Theo Tạng Abhidhamma thì 10 sợi dây trói buột là:

1, Diṭṭhisaṃyojana – Tà kiến kiết sử
2, Vicikicchāsaṃyojana – Hoài nghi kiết sử
3, Issāsaṃyojana – Ganh tị kiết sử
4, Macchariyasaṃyojana – Bỏn xẻn kiết sử
5, Sīlabbataparāmāsasaṃyojana – Giới cấm thủ kiết sử
6, Kāmarāgasaṃyojana – Dục ái kiết sử
7, Paṭighasaṃyojana – Sân kiết sử
8, Bhavarāgasaṃyojana – Hữu ái kiết sử
9, Mānasaṃyojana – Mạn kiết sử
10, Avijjāsaṃyojana – Vô minh kiết sử

SOTĀPATTIMAGGACITTA đoạn trừ tuyệt đối các kiết sử 1, 2 và 3 theo tạng Kinh, còn theo tạng Abhidhamma là 1, 2, 3, 4, và 5.

SAKADĀGĀMIMAGGACITTA đoạn trừ tuyệt đối các kiết sử như của Sotāpattimaggacitta đã đoạn tận, và làm suy giảm đi các bất thiện pháp còn lại.

ANĀGĀMIMAGGACITTA đoạn trừ tuyệt đối các kiết sử thứ 4 và 5 theo tạng Kinh hay thứ 6 và 7 theo tạng Abhidhamma.

ARAHATTAMAGGACITTA đoạn trừ tuyệt đối các kiết sử còn lại mà các Maggacitta trên chưa đoạn tận được.

SỰ ĐOẠN TẬN AKUSALAKAMMAPATHA THEO TUẦN TỰ CỦA MAGGACITTA

Pānātipāta Adinnādāna Kāmesumicchācāra Musāvāda Micchādiṭṭhi	Sotāpattimaggacitta đoạn tận tuyệt đối (Samucchedapahāna)
Akusalakammapatha – còn lại	Sakadāgāmimaggacitta đoạn trừ bằng cách giảm nhẹ đi
Pisunavācā Pharusavācā Byāpāda	Anāgāmimaggacitta đoạn tận tuyệt đối (Samucchedapahāna)
Samphappalāpa Abhijjhā	Arahattamaggacitta đoạn tận tuyệt đối (Samucchedapahāna)

NGHĨA CỦA CÁC MAGGACITTA

A. SOTĀPATTIMAGGACITTA chiết tự thành:

sota + āpatti + magga + citta

sota: dòng nước, lưu chảy, Thánh đạo như dòng nước
āpatti: đạt đến, vào tới Thánh đạo lần đầu
magga: đạo lộ, con đường, Thánh đạo tám ngành
citta: tâm, tâm kết hợp với Bát chánh đạo.

Kết hợp lại thì *Sotāpattimaggacitta* có nghĩa là Tâm kết hợp với các Thánh đạo chi (Bát chánh đạo) có trạng thái giống như dòng nước chảy vào Thánh đạo hay đạt đáo Niết bàn lần đầu tiên.

Một khi *Sotāpattimaggacitta* phát sinh thì tâm này sẽ hoàn thành các phận sự như sau:

1, Tâm này sinh khởi với người nào thì người đó được gọi là *Sotāpattimaggapuggala – Nhập Lưu đạo giả.*

2, Sotāpattimaggacitta làm cho chúng sinh đó thoát khỏi *Apāyabhūmi – Bốn đọa xứ (bốn cảnh khổ).*

3, Sotāpattimaggacitta sinh khởi cùng với sự đoạn tận phiền não, phá hủy 5 bất thiện tâm, làm cho các bất thiện tâm này sẽ không sinh ra nữa trong tương lai đó là: Lobhamūlacitta mà có *diṭṭhigatasampayuttaṃ 4 tâm và Mohamūlacīta có vicikicchāsampayuttaṃ 1 tâm.*

SOTĀPATTIMAGGACITTA dưới dạng đầy đủ có cả thảy 5 tâm là:

1.	Vitakkavicārapītisukhaekaggatāsahitaṃ paṭhamajjhāna	sotāpattimaggacittaṃ
2.	Vicārapītisukhaekaggatāsahitaṃ dutiyajjhāna	
3.	Pītisukhaekaggatāsahitaṃ tatiyajjhāna	
4.	Sukhaekaggatāsahitaṃ catutthajjhāna	
5.	Upekkhāekaggatāsahitaṃ pañcamajjhāna	

1.Đệ nhất thiền	dự lưu đạo tâm	sinh với năm thiền chi là tầm, tứ, phỉ, lạc và nhất tâm.
2.Đệ nhị thiền		sinh với bốn thiền chi là tứ, phỉ, lạc và nhất tâm.
3.Đệ tam thiền		sinh với ba thiền chi là phỉ, lạc và nhất tâm.
4.Đệ tứ thiền		sinh với hai thiền chi là lạc và nhất tâm.
5.Đệ ngũ thiền		sinh với hai thiền chi là xả và nhất tâm.

B. SAKADĀGĀMIMAGGACITTA chiết tự thành:

sakiṃ + āgāmī + magga + citta

sakiṃ: một lần
āgāmī: trở lại

Dịch nghĩa: Tâm trở lại tục sinh (paṭisandhi) trong thế giới loài người chỉ một lần nữa mà thôi gọi là Sakadāgāmī. Như trong Bộ Visuddhimagga Mahāṭīkā ghi lại:

* *Sakiṃ ekavāraṃ paṭisandhivasena imaṃ manussalokaṃ āgacchatīti = sakadāgāmī.*

Bậc Thánh phần nhiều trở lại tái sinh trên thế giới loài người một lần nữa thôi gọi là Thánh Nhất Lai (Sakadāgāmī).

* *Tassa maggo = sakadāgāmimaggo.*
Con đường thực hành của bậc Thánh Nhất Lai ấy gọi là Nhất Lai đạo.

* *Tena sampayuttaṃ cittaṃ = sakadāgāmimaggacittaṃ.*
Tâm kết hợp với các chi pháp của Nhất Lai đạo ấy gọi là Nhất Lai đạo tâm.

Một khi *Sakadāgāmimaggacitta* phát sinh thì tâm này sẽ hoàn thành các phận sự như sau:

1, Tâm này sinh khởi với người nào thì người đó được gọi là Sakadāgāmimaggapuggala – Nhất Lai đạo giả.

2, Sakadāgāmimaggacitta phát sinh cùng với việc đoạn tận các phiền não còn lại mà Sotāpattimaggacitta đã đoạn tận rồi và sự đoạn tận này mang tính chất làm *giảm nhẹ các phiền não còn lại* xuống, được gọi là *Tanukarapahāna*.

SAKADĀGĀMIMAGGACITTA dưới dạng đầy đủ có tất cả 5 tâm là:

1.	Vitakkavicārapītisukhaekaggatāsahitaṃ paṭhamajjhāna	sakadāgāmimaggacittaṃ
2.	Vicārapītisukhaekaggatāsahitaṃ dutiyajjhāna	
3.	Pītisukhaekaggatāsahitaṃ tatiyajjhāna	
4.	Sukhaekaggatāsahitaṃ catutthajjhāna	
5.	Upekkhāekaggatāsahitaṃ pañcamajjhāna	

1.Đệ nhất thiền	nhất lai đạo tâm	sinh với năm thiền chi là tầm, tứ, phỉ, lạc và nhất tâm.
2.Đệ nhị thiền		sinh với bốn thiền chi là tứ, phỉ, lạc và nhất tâm.
3.Đệ tam thiền		sinh với ba thiền chi là phỉ, lạc và nhất tâm.
4.Đệ tứ thiền		sinh với hai thiền chi là lạc và nhất tâm.
5.Đệ ngũ thiền		sinh với hai thiền chi là xả và nhất tâm.

C. ANĀGĀMIMAGGACITTA chiết tự thành:

na + āgāmī + magga + citta

na: không
āgāmī: trở lại

Dịch nghĩa: Tâm đạt đến đạo lộ mà không còn quay trở lại tái sinh trong cõi Dục giới nữa.

* *Paṭisandhivasena imaṃ kāmedhātuṃ na āgacchatīti = anāgāmī.*

Bậc Thánh không trở lại tái sinh trong Dục giới nữa gọi là Thánh Bất Lai (Anāgāmī).

* *Tassa maggo = anāgāmimaggo.*

Con đường thực hành của bậc Thánh Bất Lai ấy gọi là Bất Lai đạo.

* *Tena sampayuttaṃ cittaṃ = anāgāmimaggacittaṃ.*

Tâm kết hợp với các chi pháp của Bất Lai đạo ấy gọi là Bất Lai đạo tâm.

Một khi Anāgāmimaggacitta phát sinh thì tâm này sẽ hoàn thành các phận sự như sau:

1, Tâm này sinh khởi với người nào thì người đó được gọi là Anāgāmimaggapuggala – Bất Lai đạo giả.

2, Anāgāmimaggacitta phát sinh sẽ thoát khỏi cảnh tái sinh trong Dục giới và sẽ chắc chắn tái sinh trong Phạm thiên giới.

3, Anāgāmimaggacitta phát sinh nhằm đoạn trừ tuyệt đối Kāmarāga – Dục ái và Byāpāda – Sân hận.

ANĀGĀMIMAGGACITTA dưới dạng đầy đủ có tất cả 5 tâm là:

1. Vitakkavicārapītisukhaekaggatāsahitaṃ paṭhamajjhāna	}	anāgāmimaggacittaṃ
2. Vicārapītisukhaekaggatāsahitaṃ dutiyajjhāna		
3. Pītisukhaekaggatāsahitaṃ tatiyajjhāna		
4. Sukhaekaggatāsahitaṃ catutthajjhāna		
5. Upekkhāekaggatāsahitaṃ pañcamajjhāna		

1.Đệ nhất thiền	bất lai đạo tâm	sinh với năm thiền chi là tầm, tứ, phỉ, lạc và nhất tâm.
2.Đệ nhị thiền		sinh với bốn thiền chi là tứ, phỉ, lạc và nhất tâm.
3.Đệ tam thiền		sinh với ba thiền chi là phỉ, lạc và nhất tâm.
4.Đệ tứ thiền		sinh với hai thiền chi là lạc và nhất tâm.
5.Đệ ngũ thiền		sinh với hai thiền chi là xả và nhất tâm.

D. ARAHATTAMAGGACITTA chiết tự thành:

arahatta + magga + citta.

arahatta: bậc đáng cúng dường cao thượng, đáng kính lễ.

* *Aggadakkhineyyabhāvena pūjāvisesaṃ arahatīti = arahā.*
Bậc xứng đáng để cho chư Thiên và nhân loại kính lễ bởi vì là bậc đáng cúng dường tối thắng gọi là A-ra-hán.

* *Tassa bhāvo arahattaṃ, catutthaphalassasetaṃ adhivacanaṃ.*
Bậc đáng cúng dường, kính lễ tối thắng ấy gọi là bậc Thánh A-ra-hán, tức bậc đã đắc quả Thánh thứ tư.

* *Tassa āgamanabhūto maggo arahattamaggo.*
Đạo lộ dẫn đến quả Thánh ấy gọi là A-ra-hán đạo.

* *Tena sampayuttaṃ cittaṃ = arahattamaggacittaṃ.*
Tâm kết hợp với các chi pháp của A-ra-hán đạo ấy gọi là A-ra-hán Thánh đạo tâm.

Một khi Arahattamaggacitta phát sinh thì tâm này sẽ hoàn thành các phận sự như sau:

1, Tâm này sinh khởi với người nào thì người đó được gọi là Arahattamaggapuggala – A-ra-hán đạo giả.

2, Arahattamaggacitta là tâm đang vượt khỏi tam giới.

3, Arahattamaggacitta là tâm đang đoạn tận tuyệt đối các phiền não. Nếu nói theo tâm thì đó chính là sự đoạn tận các Akusalacitta còn lại mà các đạo tâm trước đó chưa đoạn tận được. Ấy là: Lobhamūlacittaṃ diṭṭhigatavipayuttaṃ 4 tâm và Mohamūlacittaṃ uddhaccasampayuttaṃ 1 tâm.

ARAHATTAMAGGACITTA dưới dạng đầy đủ có tất cả 5 tâm là:

1.	Vitakkavicārapītisukhaekaggatāsahitaṃ	paṭhamajjhāna	arahattamaggacittaṃ
2.	Vicārapītisukhaekaggatāsahitaṃ	dutiyajjhāna	
3.	Pītisukhaekaggatāsahitaṃ	tatiyajjhāna	
4.	Sukhaekaggatāsahitaṃ	catutthajjhāna	
5.	Upekkhāekaggatāsahitaṃ	pañcamajjhāna	

1.Đệ nhất thiền	arahán đạo tâm	sinh với năm thiền chi là tầm, tứ, phỉ, lạc và nhất tâm.
2.Đệ nhị thiền		sinh với bốn thiền chi là tứ, phỉ, lạc và nhất tâm.
3.Đệ tam thiền		sinh với ba thiền chi là phỉ, lạc và nhất tâm.
4.Đệ tứ thiền		sinh với hai thiền chi là lạc và nhất tâm.
5.Đệ ngũ thiền		sinh với hai thiền chi là xả và nhất tâm.

PHALACITTA
QUẢ TÂM

Phalacitta – Quả tâm hay còn gọi là Lokuttaravipākacitta là tâm quả của các Lokutarakusalacitta hay các Maggacitta. Khi Maggacitta khởi sinh cùng với sự đoạn tận phiền não xong thì Phalacitta cũng phát sinh lập tức tiếp theo mà không có một loại tâm nào chen vào ngăn ở giữa 2 loại tâm này, nên gọi là Akāliko. Nghĩa là nhân diệt thì quả sinh ngay trước mắt không cần phải đợi thời gian của sự sinh trưởng. Phalacitta này sẽ sinh khởi ngay tức khắc, sau khi mà Maggacitta vừa diệt đi nhằm tạo quả dựa vào việc đoạn tận phiền não của Maggacitta một cách riêng biệt theo từng loại của Maggacitta. Do vậy Lokuttaravipākacitta cũng có 4 tâm giống như của Maggacitta. Đó là:

1, Sotāpattiphalacitta – Nhập Lưu quả tâm
2, Sakadāgāmiphalacitta – Nhất Lai quả tâm
3, Anāgāmiphalacitta – Bất Lai quả tâm
4, Arahattaphalacitta – A-ra-hán quả tâm

NGHĨA CỦA CÁC PHALACITTA

A. SOTĀPATTIPHALACITTA – NHẬP LƯU QUẢ TÂM

Là Siêu thế tâm thứ nhì sinh khởi để thọ nhận sự an lạc tịch tịnh mà Sotāpattimaggacitta đã đoạn tận các phiền não ngủ ngầm. Nghĩa là sau khi Nhập lưu đạo tâm đoạn trừ tuyệt đối các phiền não tùy miên xong rồi diệt đi

thì ngay tức khắc Sotāpattiphalacitta phát sinh thọ hưởng an lạc tịch tịnh do Nhập Lưu đạo tâm đã đoạn tận các phiền não. Ngoài ra, Sotāpattiphalacitta sẽ sinh khởi một khi bậc Thánh Nhập Lưu nhập Phalasamāpatti – Quả định.

Khi Sotāpattiphalacitta phát sinh thì sẽ hoàn thành các phận sự như sau:

1, Tâm này sinh khởi với người nào thì người đó được gọi là *Sotāpattiphalapuggala – Nhập Lưu quả giả.* Có khi còn gọi là Sotāpanna – Thánh Nhập Lưu, là bậc Thánh Hữu học – Sekkhapuggala, cần phải tiếp tục học tập, thực hành cho đến khi giác ngộ giải thoát hoàn toàn trở thành bậc Thánh Vô học – Asekkhapuggala (tức là Thánh A-ra-hán).

2, Sotāpattiphalacitta làm cho chúng sinh đó thoát khỏi Apāyabhūmi – Bốn đọa xứ (bốn cảnh khổ). Nghĩa là bậc Thánh Nhập Lưu sẽ không còn tái sinh vào bốn cảnh khổ nữa, bởi vì các Ngài đã tận diệt các Bất thiện pháp mà đưa đến sự tái sinh vào các cảnh giới này.

3, Sotāpattiphalacitta phát sinh để thọ hưởng anh lạc tịch tịnh do sự đoạn tận diṭṭhi – tà kiến và vicikicchā – hoài nghi.

SOTĀPATTIPHALACITTA dưới dạng đầy đủ có tất cả 5 tâm là:

1.	Vitakkavicārapītisukhaekaggatāsahitaṃ paṭhamajjhāna	sotāpattiphalacittaṃ
2.	Vicārapītisukhaekaggatāsahitaṃ dutiyajjhāna	
3.	Pītisukhaekaggatāsahitaṃ tatiyajjhāna	
4.	Sukhaekaggatāsahitaṃ catutthajjhāna	
5.	Upekkhāekaggatāsahitaṃ pañcamajjhāna	

1.Đệ nhất thiền	dự lưu quả tâm	sinh với năm thiền chi là tầm, tứ, phỉ, lạc và nhất tâm.
2.Đệ nhị thiền		sinh với bốn thiền chi là tứ, phỉ, lạc và nhất tâm.
3.Đệ tam thiền		sinh với ba thiền chi là phỉ, lạc và nhất tâm.
4.Đệ tứ thiền		sinh với hai thiền chi là lạc và nhất tâm.
5.Đệ ngũ thiền		sinh với hai thiền chi là xả và nhất tâm.

B. SAKADĀGĀMIPHALACITTA – NHẤT LAI QUẢ TÂM

Là tâm sinh khởi ngay sau khi Nhất Lai đạo tâm vừa diệt hoặc là tâm sinh khởi khi các bậc Thánh Nhất Lai nhập Quả định – Phalasamāpatti.

Một khi Sakadāgāmiphalacitta phát sinh thì sẽ hoàn thành các phận sự như sau:

1, Tâm này sinh khởi với người nào thì người đó được gọi là Sakadāgāmiphalapuggala – Nhất Lai quả giả, hay còn gọi là bậc Thánh Nhất Lai. Đây là bậc Thánh Hữu học, còn phải tu tập thiền tuệ để chứng đắc đạo quả cao hơn.

2, Sakadāgāmiphalacitta phát sinh nhằm thọ quả mà Sotāpattimaggacitta đã đoạn tận các phiền não kiểu Tanukarapahāna mang lại và để thọ hưởng an lạc giải thoát lúc nhập quả định.

SAKADĀGĀMIPHALACITTA dưới dạng đầy đủ có tất cả 5 tâm là:

1.	Vitakkavicārapītisukhaekaggatāsahitaṃ	paṭhamajjhāna	sakadāgāmiphalacittaṃ
2.	Vicārapītisukhaekaggatāsahitaṃ	dutiyajjhāna	
3.	Pītisukhaekaggatāsahitaṃ	tatiyajjhāna	
4.	Sukhaekaggatāsahitaṃ	catutthajjhāna	
5.	Upekkhāekaggatāsahitaṃ	pañcamajjhāna	

1.Đệ nhất thiền	nhất lai quả tâm	sinh với năm thiền chi là tầm, tứ, phỉ, lạc và nhất tâm.
2.Đệ nhị thiền		sinh với bốn thiền chi là tứ, phỉ, lạc và nhất tâm.
3.Đệ tam thiền		sinh với ba thiền chi là phỉ, lạc và nhất tâm.
4.Đệ tứ thiền		sinh với hai thiền chi là lạc và nhất tâm.
5.Đệ ngũ thiền		sinh với hai thiền chi là xả và nhất tâm.

C. ANĀGĀMIPHALACITTA – BẤT LAI QUẢ TÂM

Là tâm Thánh quả thứ ba, sinh khởi khi Anāgāmimaggacitta vừa diệt, không có khoản ngăn nên gọi là Akāliko. Tâm này cũng sinh khởi lúc bậc Thánh Bất lai nhập Phalasamāpatti – Quả định.

Một khi Anāgāmimaggacitta phát sinh thì tâm này sẽ hoàn thành các phận sự như sau:

1, Tâm này sinh khởi với người nào thì người đó được gọi là Anāgāmiphalapuggala – Bất Lai quả giả.

2, Anāgāmiphalacitta đoạn trừ tuyệt đối Kāmarāga – Dục ái và Byāpāda – Sân hận.

3, Anāgāmiphalacitta là tâm đã thoát khỏi Dục ái, nghĩa là bậc Thánh Nhất Lai sẽ vĩnh viễn không tái sinh trong Dục giới và chắc chắn sẽ tái sinh trong Phạm thiên giới (Sắc giới hoặc Vô sắc giới).

ANĀGĀMIPHALACITTA dưới dạng đầy đủ có tất cả 5 tâm là:

1.	Vitakkavicārapītisukhaekaggatāsahitaṃ	paṭhamajjhāna	anāgāmiphalacittaṃ
2.	Vicārapītisukhaekaggatāsahitaṃ	dutiyajjhāna	
3.	Pītisukhaekaggatāsahitaṃ	tatiyajjhāna	
4.	Sukhaekaggatāsahitaṃ	catutthajjhāna	
5.	Upekkhāekaggatāsahitaṃ	pañcamajjhāna	

1.Đệ nhất thiền	bất lai quả tâm	sinh với năm thiền chi là tầm, tứ, phỉ, lạc và nhất tâm.
2.Đệ nhị thiền		sinh với bốn thiền chi là tứ, phỉ, lạc và nhất tâm.
3.Đệ tam thiền		sinh với ba thiền chi là phỉ, lạc và nhất tâm.
4.Đệ tứ thiền		sinh với hai thiền chi là lạc và nhất tâm.
5.Đệ ngũ thiền		sinh với hai thiền chi là xả và nhất tâm.

D. ARAHATTAPHALACITTA – A-RA-HÁN QUẢ TÂM

Là tâm Thánh quả tột cùng phát sinh ngay sau khi A-ra-hán đạo tâm vừa diệt, không có tâm nào sinh xen vào cả, hoặc là tâm này phát sinh khi bậc Thánh A-ra-hán nhập Quả định.

Một khi Arahattaphalacitta phát sinh thì sẽ hoàn thành các phận sự như sau:

1, Tâm này sinh khởi với người nào thì người đó được gọi là Arahattaphalapuggala – A-ra-hán quả giả.

2, Arahattaphalacitta là tâm đã vượt khỏi Tam giới, không còn một vướng mắc nào cả. Nghĩa là bậc Thánh A-ra-hán khi Niết bàn sẽ không còn phải tái sinh nữa, thoát khỏi tử sinh luân hồi. Đây là kiếp sống cuối cùng của các Ngài, không phải trầm luân trong Tam giới nữa.

3, Arahattaphalacitta là tâm đã đoạn tận tuyệt đối Akusalacitta 12 tâm, nên các Bất thiện tâm này không còn sinh khởi nơi các Ngài nữa. Cũng vậy các bậc Thánh A-ra-hán cũng không bao giờ tạo Mười Bất thiện nghiệp đạo nữa.

ARAHATTAPHALACITTA dưới dạng đầy đủ có tất cả 5 tâm là:

1.	Vitakkavicārapītisukhaekaggatāsahitaṃ	paṭhamajjhāna	
2.	Vicārapītisukhaekaggatāsahitaṃ	dutiyajjhāna	
3.	Pītisukhaekaggatāsahitaṃ	tatiyajjhāna	arahattaphalacittaṃ
4.	Sukhaekaggatāsahitaṃ	catutthajjhāna	
5.	Upekkhāekaggatāsahitaṃ	pañcamajjhāna	

1.Đệ nhất thiền		sinh với năm thiền chi là tầm, tứ, phỉ, lạc và nhất tâm.
2.Đệ nhị thiền		sinh với bốn thiền chi là tứ, phỉ, lạc và nhất tâm.
3.Đệ tam thiền	arahán quả tâm	sinh với ba thiền chi là phỉ, lạc và nhất tâm.
4.Đệ tứ thiền		sinh với hai thiền chi là lạc và nhất tâm.
5.Đệ ngũ thiền		sinh với hai thiền chi là xả và nhất tâm.

CÁC HẠNG THÁNH NHÂN

A, SOTĀPANNA – THÁNH NHẬP LƯU

Thánh Nhập Lưu có 3 hạng là:

1, Ekabījīsotāpanna: Bậc Thánh Nhập Lưu còn tái sinh một kiếp nữa rồi đắc quả Thánh A-ra-hán và Niết bàn trong kiếp đó.

2, Kolaṅkolasotāpanna: Bậc Thánh Nhập Lưu còn tái sinh nhiều nhất từ 2 đến 6 kiếp mới đắc quả Thánh A-ra-hán rồi Niết bàn.

3, Sattakkhattuparamasotāpanna: Bậc Thánh Nhập Lưu còn tái sinh nhiều nhất 7 kiếp mới đắc quả Thánh A-ra-hán rồi Niết bàn.

Ngoài ra còn có một hạng Thánh Nhập Lưu đặc biệt khác nữa có tên gọi là Vaṭṭabhiratasotāpanna. Hạng Thánh Nhập Lưu này có sở tánh vừa lòng với sự luân hồi trong Tam giới, có nguyện vọng tuần tự tái sinh trong 6 cõi chư thiên Dục giới, cho đến cõi trời Sắc Cứu Cánh thiên (Akaniṭṭhabhūmi) rồi mới Niết bàn. Hạng Thánh Nhập Lưu này gồm 7 vị như sau: Anāthapiṇḍikaseṭṭhī, Visākhā upāsikā, Cūlarattho devaputto, Mahārattho devaputto, Anekavaṇṇo devaputto, Sakko devarājā, Nāgadatto devaputto. (Các vị Thánh Nhập Lưu này có thể xếp vào hạng Sattakkhattuparama-sotāpanna cũng được).

B, SAKADĀGĀMĪ – THÁNH NHẤT LAI

Bộ Visuddhimagga Mahāṭīkā ghi rõ có 5 hạng Thánh Nhất Lai là:

1, Idha patvā idha parinibbāyī... : Thành tựu quả Thánh Sakadāgāmī tại cõi người và đắc quả A-ra-hán cũng trong cõi người.

2, Tattha patvā tattha parinibbāyī... : Thành tựu quả Thánh Sakadāgāmī tại cõi trời và đắc quả A-ra-hán tại cõi trời đó.

3, Idha patvā tattha parinibbāyī... : Thành tựu quả Thánh Sakadāgāmī tại cõi người, cuối đời tái sinh lên cõi trời và đắc quả A-ra-hán tại cõi trời đó.

4, Tattha patvā idha parinibbāyī... : Thành tựu quả Thánh Sakadāgāmī tại cõi trời, cuối đời tái sinh vào cõi người và đắc quả A-ra-hán tại cõi người đó.

5, Idha patvā tattha nibbattitvā idha parinibbāyī... : Thành tựu quả Thánh Sakadāgāmī tại cõi người, cuối đời tái sinh lên cõi trời, mạng chung tại cõi trời tái sinh vào cõi người và đắc quả A-ra-hán tại cõi người đó.

C, ANĀGĀMĪ – THÁNH BẤT LAI

Trong Bộ Visuddhimagga Mahāṭīkā ghi rõ có 5 hạng Thánh Bất Lai là:

1, Anantaraparinibbāyī: Bậc Thánh Bất Lai tái sinh vào Phạm Thiên giới, rồi đắc quả A-ra-hán và nhập Niết bàn trong khoảng thời gian nửa đầu tuổi thọ của cảnh giới ấy.

2, Upahaccaparinibbāyī: Bậc Thánh Bất Lai tái sinh vào một cõi Phạm Thiên giới nào đó, rồi đắc quả A-ra-hán và nhập Niết bàn trong khoảng thời gian nửa sau tuổi thọ của cảnh giới ấy.

3, Asaṅkhāraparinibbāyī: Bậc Thánh Bất Lai tái sinh vào một cõi Phạm Thiên giới nào đó, rồi đắc quả A-ra-hán một cách thuận lợi, không phải nổ lực nhiều.

4, Sasaṅkhāraparinibbāyī: Bậc Thánh Bất Lai tái sinh vào một cõi Phạm Thiên giới nào đó, rồi đắc quả A-ra-hán một cách khó khăn, cần phải nổ lực mạnh mẽ.

5, Uddhasota akanṭṭhagāmī: Bậc Thánh Bất Lai tái sinh vào Sudhāvāsabhūmi – Ngũ Tịnh Cư Thiên bậc thấp, tính từ Avihā; sau đó mạng chung và tái sinh lên cảnh giới cao hơn theo tuần tự là: Atappbhā, Sudassā, Sudassī, cho đến Akaniṭṭhā; rồi đắc quả A-ra-hán và Niết bàn ở cảnh giới này.

D, ARAHANTA – THÁNH A-RA-HÁN

Arahattaphalacitta sinh khởi với người nào, người đó được gọi là Arahantaphalapuggala – A-ra-hán quả giả, hay Bậc Thánh A-ra-hán. Bậc Thánh A-ra-hán có nhiều tên gọi khác nhau:

Arahaṃ: Bậc đáng lễ bái cúng dường tối thượng.
(Pūjādivisesaṃ Arahatīti= Arahaṃ)

Khīnāsava: Bậc đã đoạn tận lậu hoặc.

Asekkhāpuggala: Bậc thánh vô học, nghĩa là không phải học tập tiếp nữa vì đã thành tựu đầy đủ Sīlasikkha – Giới học, Cittasikkhā – Định học và Paññāsikkhā – Tuệ học. (Upariskkhitabbā bhāvato na sekkhāti = Asekkhā)

Bậc thánh A-ra-hán chia làm 2 hạng là:

* Bậc thánh A-ra-hán thành tựu bằng Paññāvimutti – Tuệ giải thoát
* Bậc thánh A-ra-hán thành tựu bằng Cetovimutti – Tâm giải thoát

1, Paññāvimutti – Tuệ giải thoát : Vị thánh A-ra-hán này đắc đạo quả bằng việc tu tiến Vippassanābhāvanā – Thiền tuệ đơn thuần mà thôi, không tiến hành Samadhabhāvanā – Thiền Định, không đắc thiền gì cả và khi đắc

đạo quả thì chỉ đoạn tận lậu hoặc, giác ngộ giải thoát nên được gọi là thánh A-ra-hán Sukhapassaka.

2, Cetovimutti – Tâm giải thoát : Vị thánh A-ra-hán này đắc đạo quả bằng việc tu tiến Vipassanābhāvanā – Thiền tuệ cùng với việc đắc Samadhabhāvanā – Thiền định. Việc đắc thiền định này có thể đắc qua 2 phương pháp sau:

* Hành giả tiến hành thiền định và đắc thiền định trước gọi là Paṭipadāsiddhijhāna - Thiền do năng lực tu tập, rồi sau đó dựa trên nền tảng của thiền định mà tu tập thiền tuệ và đắc đạo quả A-ra-hán.

* Hành giả không tu tập thiền định nhưng lúc tiến hành thiền tuệ đến khi đắc quả A-ra-hán thì cũng đắc thiền định luôn do năng lực của phước nghiệp nhiều đời trước. Thiền định đạt được này gọi là Maggasiddhijhanā – Thiền do năng lực của đạo. Thiền đã thành tựu này có thể đạt đến khả năng thần thông cũng có.

Vị thánh A-ra-hán Cetovimutta là bậc thành tựu thiền định nên được gọi là Jhānalābhīpuggala. Trong số các vị này có vị đạt được Abhiññā – Thần thông và có vị không có thần thông. Ngay cả với vị đắc thần thông thì có một số vị đắc lục thông và một số khác đắc Tam Minh.

* Vijjā 3 – Abhiññā 3 – Tam minh bao gồm:

1, Pubbenivāsānussatiñāṇa – Túc mạng minh : Trí tuệ hồi nhớ kiếp quá khứ của mình.

2, Dibbacakkhuñāṇa – Thiên nhãn minh hay *Cutūpapātañāṇa – Sinh tử minh:* Có thiên nhãn biết được sự sinh tử của tất cả chúng sinh.

3, Āsavakkhayañāṇa – Lậu tận minh : Trí tuệ biết cách đoạn tận lậu hoặc.

Bậc thánh A-ra-hán Sukkhavipassaka hoặc Jhānalābhīpuggala đắc thần thông hay không đắc thần thông khi thành tựu quả vị A-ra-hán đều đắc lậu tận minh cả thảy.

* Abhiññā 6 – Lục thông bao gồm 3 minh vừa nói trên thêm 3 thắng trí khác nữa là:

4, Cetopariyañāṇa – Tha tâm thông: Biết được tâm chúng sinh khác.

5, Dibasotañāṇa – Thiên nhĩ thông : Nghe được mọi âm thanh của tất cả chúng sinh dầu xa hay gần.

6, Iddhivithañāṇa – Thần túc thông: Có khả năng biểu diễn thần thông.

Ngoài ra bậc thánh A-ra-hán còn được phân thành 2 hạng khác nữa là:

* Thánh A-ra-hán đắc Paṭisambhidāñāṇa – Tuệ phân tích.
* Thánh A-ra-hán không đắc Paṭisambhidāñāṇa.

Tuệ phân tích (Vô ngại giải) là trí tuệ thuần thục , siêu việt , nhanh nhạy... về các phương diện : ngữ nghĩa của giáo pháp , của ngôn từ. Tuệ phân tích chia thành 4 loại như sau:

1, Atthapaṭisambhidāñāṇa – Nghĩa Vô ngại giải: Trí tuệ sắc bén về quả đã được sinh khởi từ nhân. "Attha" mang nghĩa là "quả", bao gồm năm pháp là:

a, Yaṃkiñci paccayasambhūtaṃ: Tất cả sắc pháp sinh ra đều do các duyên tạo tác.
b, Nibbānaṃ: Niết bàn
c, Bhāsitattho: Giải nghĩa để hiểu rõ 32 tâm quả
d, Kriyācittaṃ: Duy tác tâm 20 tâm
e, Phalacittaṃ: Quả tâm 4 tâm.

2, Dhammapaṭsambhidāñāṇa – Pháp vô ngại giải: Trí tuệ sắc bén về nhân làm phát sinh quả. "Dhamma" mang nghĩa là "nhân", bao gồm năm pháp là:

a, Yo koci phalanibbattako hetu: Tất cả các nhân làm cho quả phát sinh.
b, Ariyamaggo: Đạo tâm 4 tâm
c, Bhāsitaṃ: Tam tạng kinh điển, giáo pháp
d, Kusalacittaṃ: Hiệp thế thiện tâm 17 tâm
e, Akusalacittaṃ: Bất thiện tâm 12 tâm.

3, Niruttipaṭisambhidāñāṇa – Ngữ vô ngại giải: Trí tuệ sắc bén về ngôn

ngữ chế định dựa trên nền tảng của Atthapaṭisambhidāñāṇa – Nghĩa Vô ngại giải và Dhammapaṭsambhidāñāṇa – Pháp vô ngại giải. Nghĩa là trong việc giải thích, thuyết giảng về hai loại trên để người nghe được hiểu rõ, hiểu sâu, hiểu đúng đắn thì cần thiết phải biết cách sử dụng ngôn ngữ, lời nói sao cho phù hợp, thuận thời như thế gọi là Ngữ vô ngại giải. Ngoài ra các nhà chú giải cho rằng Niruttipaṭisambhidāñāṇa – Ngữ vô ngại giải ở đây chính là cách sử sụng tài tình, điêu luyện tiếng Pālī trong việc trình bày, thuyết giảng giáo pháp của Đức Phật.

4, Paṭibhāṇapaṭisambhidāñāṇa – Biện tài vô ngại giải: Trí tuệ sắc bén về cả 3 vô ngại giải ở trên. Nghĩa là có trí tuệ sắc bén, nhanh nhạy, nhu nhuyến, uyển chuyển, tài ba, kịp thời, ứng tác trong việc trả lời, giải đáp, biện luận cả 3 loại vô ngại giải là: giải về nhân, giải về quả và về ngôn ngữ. Trí tuệ như thế gọi là Biện tài vô ngại.

Ngoài ra bậc Thánh A-ra-hán còn được chia thành 3 loại khác nữa:

1, Arahanta Sammāsambuddha: Bậc Thánh A-ra-hán tự mình chứng ngộ Anuttarasammāsambuddhañāṇa – Vô thượng Chánh Đẳng Giác, có khả năng chỉ dạy cho chúng sinh hữu duyên được thoát khổ, đắc Thánh Đạo và Thánh Quả bởi vì Ngài có đủ đầy trí tuệ, đủ đầy ba-la-mật để độ cho chúng sinh thông qua:

a, Āsayānusayañāṇa: Tuệ thấu biết các phiền não ngủ ngầm và tính cách của mọi chúng sinh.

b, Indriyaparopariyattiñāṇa: Tuệ thấu biết căn cơ của chúng sinh là cao hay thấp, lanh lẹ hay chậm lụt v.v...

c, Sabbaññuttañāṇa: Tuệ thấu rõ Saṅkhatadhamma – Pháp Hữu vi và Asaṅkhatadhamma – Pháp Vô vi, luôn cả Paññattidhamma – Pháp Chế định.

2, Arahanta Paccekabuddha: Bậc Thánh A-ra-hán tự mình chứng ngộ nhưng không thể chế định ngôn từ về giáo pháp để độ chúng sinh thoát khổ được. Do bởi Ngài không chứng đắc ba cái Tuệ như đã nêu ở trên của một Bậc Chánh Đẳng Giác. Bậc Thánh này còn được gọi là Phật Độc Giác.

3, Arahanta Sāvaka: Bậc Thánh A-ra-hán nương theo lời dạy của Đức Phật Chánh Đẳng Giác tu tập và giác ngộ giải thoát, gọi là Bậc Thánh Thanh văn đệ tử, tên Pāli có khi gọi là: Sutabuddha, Anubuddha. Thánh Thanh văn đệ tử có 3 hạng là:

a, Pakatisāvaka: Thánh Thanh văn đệ tử thông thường, đã đoạn tận lậu hoặc phiền não nói chung.

b, Mahāsāvaka: Thánh Thanh văn đệ tử thân cận với Đức Thế Tôn, được Đức Phật phong danh hiệu Etadagga – Thượng thủ 41 vị và có thêm 39 vị không tấn phong, tổng cộng có 80 vị Đại đệ tử.

c, Aggasāvaka: Thánh Thanh văn đệ tử tối thượng, chỉ có 2 vị đó là Ngài Sārīputta – Bậc Đệ nhất Trí tuệ – ở phía phải của Đức Phật và Ngài Moggallāna – Bậc Đệ nhất Thần thông – ở phía trái của Đức Phật.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

TIẾNG THÁI

1. ปรมัตถโชติกะ ชั้นจูฬอาภิธรรมิกะตรี พระสัทธัมมโชติกะ ธัมมาจริยะ

2. คู่มือการฟังพระอภิธรรม เล่ม ๑ มูลนิธิสถานที่ไม่ตั้งอยู่ในความไม่ประมาท

3. คู่มือการศึกษาพระอภิธัมมัตถสังคหะ ปริจเฉทที่ ๑ โดย อาจารย์บุญมี เมธางกูร อาจารย์บุษกร เมธางกูร

4. คู่มือการศึกษาพระอภิธัมมัตถสังคหะ ปริจเฉทที่ ๑ จิตปรมัตถ์ โดยนายวรรณสิทธิ ไวทยะเสวี

5. คัมภีร์อัฏฐสาลินี พระพุทธโฆสาจารย์ รจนา พระคันธสาลาภิวงศ์ แปล

6. คัมภีร์อภิธานวรรณนา พระมหาสมปอง มุทิโต แปลและเรียบเรียง

7. อภิธัมมัตถสังคหะ และปรมัตถทีปนี พระคันธสาลาภิวงศ์ แปล

8. อภิธัมมาวตาร พระคันธสาลาภิวงศ์ แปล

9. คัมภีร์วิสุทธิมรรค สมเด็จพระพุฒาจารย์ (อาจ อาสภมหาเถร) แปล

TIẾNG VIỆT

1. Thắng Pháp Tập Yếu Luận, tập I, Tỳ Kheo Thích Minh Châu, Tu thư Viện Đại Học Vạn Hạnh 1973.

2. Vi Diệu Pháp Hiện Thực Trong Cuộc Sống, Tỳ Kheo Hộ Pháp, Nhà Xuất bản Tôn Giáo.

3. Tìm Hiểu Pháp Hành Thiền Tuệ, tỳ khưu Hộ Pháp, NXB Tôn Giáo 2002.

4. Thanh Tịnh Đạo, Thích Nữ Trí Hải chuyển dịch, Chùa Pháp Vân ấn hành.

5. Thanh Tịnh Đạo, TK Ngộ Đạo dịch, NXB Tổng Hợp Hồ Chí Minh 2012.

6. Tâm Vấn Đáp, Tỳ Khưu Chánh Minh biên soạn, NXB Tôn Giáo 2003.

6. Vi Diệu Pháp Toát Yếu, Venerable Nārada Mahāthera, Phạm Kim Khánh dịch.

7. Đức Phật và Phật Pháp, Venerable Nārada Mahāthera, Phạm Kim Khánh dịch.

VI DIỆU PHÁP TOÁT YẾU

TẬP I

TÂM --- CITTA

TƯỜNG NHÂN SƯ

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC
65 Tràng Thi, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Email: nhaxuatbanhongduc@yahoo.com
Điện thoại: 04.39260024 Fax: 04.39260031

*

Chịu trách nhiệm xuất bản:	Giám đốc **Bùi Việt Bắc**
Chịu trách nhiệm nội dung:	Tổng biên tập **Lý Bá Toàn**
Biên tập:	**Nguyễn Thế Vinh**
Trình bày:	**Tường Nhân Sư**
Sửa bản in:	**Trần Thanh Mai**
Kỹ thuật:	**Tường Nhân Sư**

*

Đối tác liên kết:	**Chùa Pháp Luân**
Địa chỉ:	**Số 03, Lê Quý Đôn, thành phố Huế.**
Điện thoại:	**0543. 815161**

In 1.000 cuốn, khổ 21cm x 29,7cm, tại Công ty TNHH In Huế, số 30 Nguyễn Huệ, Huế, đt: 0543.946688.
Số ĐKKHXB: 1828 – 2015/CXBIPH/04 – 44/HĐ
Số QĐXB của NXB: 1698/QĐ-NXBHĐ, cấp ngày: 13 tháng 7 năm 2015
Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế - ISBN: 978-604-86-6431-2
In xong và nộp lưu chiểu năm 2015.

PHƯƠNG DANH THÍ CHỦ ẤN TỐNG

1, Nguyễn Thị Hồng (Tịnh Vân)
2, Nguyễn Thị Hoài Nam (Tâm Thường)
3, Hồ Hữu Triển (Chân Đức)
4, Hồ Nguyễn Trúc Vy (Tri Thường)
5, Hồ Nam Khuê (Thiện Ân)